

Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam thần Ngụy Trung vâng
lệnh vua Đường Thái Tông cùng biên soạn

PHƯƠNG SÁCH TRỊ NƯỚC CỦA NGƯỜI XƯA
QUẢN THƯ TRỊ YẾU 2
(Tập 7)

Chuyển ngữ:

QUYỂN 14

*Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam, Ngụy Trưng vâng lệnh vua Đường
Thái Tông cùng biên soạn*

HÁN THU' (2)

CHÍ (1)

Đạo của sáu kinh, thì đồng dẫn mọi người trở về đạo đức, nhưng dùng Lễ Nhạc làm định hướng trước hết. Người tu sửa thân luôn nhắc mình đừng quên lễ, vì quên lễ thì dễ sinh thái độ thô bạo, khinh nhờn người khác. Làm quan chức, một chút thất lễ, thì dẫn ngay đến tình hình hoang loạn. Con người do hai khí âm dương hợp lại, có tình cảm mừng, giận, vui, buồn. Trời phú bẩm các loại tính tình cho loài người mà tự mỗi người không tiết chế được. Bậc thánh nhân thì tiết chế được nhưng không dứt bỏ hẳn được. Thế cho nên, người ta nghiên cứu hiện tượng của trời đất mà chế ra lễ nhạc để điều tiết vạn sự, thông suốt đến thần minh, lập khuôn mẫu nhân luân, chỉnh tính tình cho đúng. Buồn khổ thì khóc than, đấm ngực gào la, vui mừng thì ca múa; bậc chính nhân quân tử dùng lễ nhạc đủ để giữ lòng thành, kẻ gian tà dùng lễ nhạc thì đủ để ngăn làm lỗi. Cho nên, bỏ lễ hôn nhân, thì đạo vợ chồng sai quấy, mà nhiều tội tà dâm. Phế bỏ lễ ở thôn làng thì đảo lộn thứ tự người lớn kẻ nhỏ, đấu tranh tù ngục tăng thêm. Bỏ lễ tang ma, cúng tế thì ân tình cốt nhục phai nhạt, lớp người sau không còn biết ơn công lao của lớp người trước. Bỏ lễ triều bái vua thì mất địa vị vua tôi, mà dần sinh cái ý phản phúc, tiếm vị, xâm lăng. Vì vậy Đức thánh Không mới bảo rằng: “Điều tốt nhất

trong việc trị dân không gì bằng Lễ, điều tốt nhất trong việc hòa hợp tập tục không gì bằng Nhạc”. Lễ thì điều tiết lòng dân; nhạc thì hòa được tiếng nói của dân; thể chế chính trị để mọi người hành động; hình pháp để phòng ngừa tội ác. Đạt được bốn vấn đề lễ, nhạc, chính, hình thì không bị trái lý, là thực hành đầy đủ cái gọi là vương đạo”.

Nhạc làm cho bên trong con người hòa đồng, còn Lễ dùng chỉ ra chỗ khác nhau giữa người này với người nọ. Trong mối quan hệ gia đình, họ tộc và trong xã hội hòa đồng thì hòa mục thân cận nhau, biết mỗi quan hệ có khác thì tôn kính, nể sợ nhau; hòa mục thì không oán giận; kính nể thì không tranh chấp. Từ tốn biết nhường nhịn nhau thì thiên hạ yên ổn, đó là tác dụng của lễ nhạc vậy. Vua ắt phải nhờ lễ của đời vua trước, thuận theo thời để thích nghi mà có thêm có bớt, tức do lòng dân tác động cho ngày một thêm hoàn bị. Nhà Chu trải qua hai đời, lễ văn càng thêm đầy đủ, hành xử tiết chế được, uyển chuyển phòng ngừa cho, nên được gọi là ba trăm Kinh Lễ, ba ngàn uy nghi, giáo hóa thấm nhuần, nhân dân theo đó mà sống hòa mục với nhau, không phát sinh những tai hại, không có rối loạn, nhà ngục trống hoang kéo dài suốt hơn 40 năm. Đến thời suy tàn, các chư hầu vượt qua pháp tắc, ghét bỏ lễ chế vì cho rằng lễ ràng buộc mình, bỏ bê sách vở, không chịu học tập. Đến thời nhà Tần thì bỏ luôn việc học, rồi tiếp đó là loạn lạc. Bắt đầu triều Hán lên cầm quyền, lo đánh dẹp các cuộc phản loạn chống lại triều đình, không rảnh tay một ngày nào. Vua sai Thúc Tôn Thông, chế định lễ nghi. Thúc Tôn

Thông định rõ vai trò vị trí của vua, của tôi. Vua Hán Cao tổ xem qua, buộc miệng than rằng: “Đến nay ta mới biết vai trò cao quý của một ông vua”. Rồi định ra các nghi pháp thì Cao tổ qua đời mà nghi pháp chưa hoàn chỉnh. Đến thời vua Hán

Vấn đề, Giả Nghị cho rằng nhà Hán vẫn tiếp tục cái phong tục suy bại của nhà Tần, coi nhẹ lễ nghĩa, coi thường liêm sỉ, mà các đại thần chuyên lo việc ấy không báo lên, vì các thứ ấy, đến nỗi phong tục bại hoại, không có chi lạ. Phàm thay đổi phong tục tập quán khiến mọi người trong thiên hạ hồi tâm mà hướng về đạo, không thuộc khả năng của hạng quan lại thông thường.

Phân định vị trí của vua, của bầy tôi, chỉ rõ thứ tự trên dưới, kỷ cương có thứ tự, lục thân hòa mục, đây không phải trời làm, mà chính là con người sắp đặt. Con người sắp đặt, nếu không làm ra thì pháp luật không lập định, không tu dưỡng ắt sẽ bị hủy hoại, nghi thức sơ sài đủ làm thiên tử hài lòng thôi. Mà quan đại thần áo đỏ, rắc rượu cúng xuống đất để cảm thần. Đến khi vua Hán Vũ đế lên ngôi, bàn việc lập nhà minh đường, chế tác lễ phục, nhưng rồi ngầm biết Thái hậu không ưa Nho thuật, nên bỏ qua các việc ấy. Sau này Đồng Trọng Thư tâu: “Bậc vua chúa nhận mệnh trời cai trị nhân dân, bằng chủ trương giáo dục đạo đức, giảm bớt hình phạt. Ngày nay, triều đình lại bỏ đức giáo của tiên vương, chỉ sử dụng quan lại chấp pháp trong cai trị, mà lại muốn đức hóa khắp bốn biển thì khó mà thành công được vậy. Các bậc đế vương ngày xưa ai cũng xem sự nghiệp giáo hóa là chuyện đại sự, mở trường đại học để giảng dạy nhân tài quốc gia, lập các trường sơ học tại khắp các thôn ấp cơ sở để ươm mầm trí tuệ. Nền giáo hóa sáng tỏ thì phong tục ổn định, mọi người dân không ai phải chịu cảnh tù ngục. Đến cuối thời nhà Chu, xảy ra nhiều chuyện vô đạo, rồi nhà Tần tiếp sau, lại càng vô đạo thậm tệ. Ngày nay nhà Hán tiếp sau nhà Tần, tuy muốn yên trị không dễ tự nhiên yên trị được đâu. Hình pháp từ chỗ để trừng trị bọn gian tà mà ra, lệnh ban ra để ngăn chặn sự gian trá. Như dùng nước nóng mà làm nguội nước sôi, thì nước càng thêm sôi. Ví như hai loại đàn cầm và đàn sắt không hòa điệu nhau, thậm chí trái ngược nhau thì tấu lên khác nào như trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Cho nên từ khi nhà Hán thu tóm được thiên hạ đến

nay, thường muốn dùng thiện trị, mà đến nay, chưa có thể chấm dứt được các chuyện tàn bạo, giáo hóa chưa làm biến đổi được tình trạng đương thời thì không thể làm biến đổi. Bây giờ bệ hạ sắp chinh phạt tứ di, mài dũa vũ bị, không rảnh tay lưu ý việc lễ việc văn.

Đến thời vua Hán Tuyên đế, Lang Nha vương Cát làm chức Giám đại phu, lại dâng sớ tâu: “Ông vua muốn đất nước mình yên trị đời nào cũng có, bậc công khanh may mắn gặp thời tao ngộ, chưa từng ai lập nên sách lược lâu dài vạn thế, cất nhắc mình chủ làm nên sự nghiệp như thời Tam đại. Nếu việc của họ chăm chú ở nơi sổ sách, xử đoán tù ngục, nghe ngóng tố tụng mà thôi thì đây chưa phải là nền tảng của nền thái bình thịnh trị vậy”. Bấy giờ, vua Hán Tuyên đế và triều đình không coi trọng những lời ấy. Đến thời vua Hán Thành đế, Lưu Hưởng tâu lên: “Tích Ung ở Nghi Hưng, lập trường sơ học ở thôn ấp, dạy lễ nhạc, xiển dương cái hay trong lễ tụng, tôn vinh sự khiêm nhượng, làm phong tục tốt để cải biến thiên hạ. Làm vậy mà xã hội không yên trị thì chưa thấy bao giờ. Có người cho rằng, không thể làm đầy đủ lễ. Lễ là cái gốc để giáo dưỡng con người, nếu như có dùng lễ quá mức thì cũng là quá mức để giáo dưỡng con người, còn quá mức xử dụng hình phạt thì sẽ dẫn đến làm cho chết người. Hình pháp ngày nay không đúng với phép của ông Cao Dao. Cơ quan tự định ra hình pháp, muốn giữ điều gì thì giữ, muốn bỏ điều gì thì bỏ, chỉ là cứu giúp thời vụ bấy giờ. Đến như lễ nhạc, nói là không dám, tức là không dám nuôi dưỡng con người mà dám giết người. Phàm việc dạy dỗ, chuyển hóa phải xem trọng; hình phạt, pháp luật là nhẹ, lại bỏ phần trọng, gấp gáp lo phần nhẹ. Hơn nữa, phải biết việc chuyển hóa là chỗ dựa chính trong việc cai trị, còn hình phạt pháp luật chỉ hỗ trợ phụ thôi. Nay bỏ chính lấy phụ thì đất nước sao được yên trị, nhân dân được thái bình”. Vua Hán Thành đế đưa bản tâu của Lưu Hưởng xuống cho công khanh nghị luận. Quan Thừa tướng Đại Tư Không tâu xin lập Tích

Ung. Tờ biểu chưa làm thì vua Hán Thành đề qua đời. Vua Hán Thế tổ thụ mệnh trung hưng, làm vua 30 năm, được người Tứ di kính phục, nhà vua truyền bá chính giáo, cho lập nhà minh đường ở kinh sư, nhà sơ học tại các thôn ấp. Vua Hán Minh đế lên ngôi, chăm lo việc cúng tế theo lễ, triều đình càng thêm uy nghi, đất nước khá hưng thịnh, nhưng đức hoá chưa thấm nhuần được khắp, lễ nhạc chưa đủ, bên dưới có nhiều thôn ấp chưa hiểu thông, chưa lập được trường sơ học.

Phàm con người nắm thụ cái diện mạo của trời đất, mang cái tính của ngũ thường, nên thông minh tinh tế, là sinh vật tối linh vậy. Nhưng móng vuốt không đủ thỏa mãn đầy đủ cho mọi ham muốn, không đủ nhanh nhẹn để tránh né lợi hại, không đủ lông cánh che thân khi nóng lạnh, tất nhiên con người phải tìm ra những thứ để mình được tồn tại, con người dùng trí chứ không ỷ vào sức lực của mình, đó là cái quý nhất của con người. Vì thế, thiếu lòng nhân ái thì không quy tụ được ai, mà không quy tụ được ai thì không làm nên được việc gì, không làm nên được việc gì thì không nuôi được ai. Tụ tập không đủ, thì cái tâm cạnh tranh tác động, bậc thượng thánh tối cao tỏ cái đức kính nhượng bác ái trước rồi lòng người vui vẻ tuân phục theo về. Người theo về đông đúc, thì làm vua; từ xưa, vua đều như vậy cả. Thiên “Hồng Phạm” viết: “Thiên tử làm cha mẹ dân, là vua của thiên hạ”. Bậc thánh nhân giữ điều lệ để chính danh mà gọi vua là cha mẹ. Sáng suốt, nhân ái, đức tính khiêm nhượng là cái gốc của vương đạo, nhân ái đối đãi kính trọng mà không thua ai, đức cần cho uy nghi mà bền lâu. Cho nên chế ra lễ để sùng kính, làm ra hình phạt để tạo uy. Bậc thánh nhân là người có tính cung kính minh triết, thông suốt cái tâm của trời đất, chế ra lễ để giáo hóa, lập ra pháp luật, đặt ra hình phạt. quan sát biến động của trời đất mà nắm bắt tình người, rồi theo trật tự của trời mà đặt ra ngũ lễ, theo cách phạt của trời mà làm ra ngũ hình: hình phạt đầu dùng giáp binh, tiếp đến là búa bổ, tiếp dùng dao chặt, tiếp là dùi

đâm, đục xương, cuối cùng thì đánh roi. Còn ai tội nặng thì đày ra nơi hoang dã. Từ khi vua Hoàng Đế với cuộc chiến Trác Lộc, vua Chuyên Húc qua sự trần tình của Cung Công, dưới triều Ngu Đường đất nước thịnh trị cực kỳ; vẫn giữ lại Cung Công, phóng thích Hoan Đâu, trừ diệt Tam Miêu, giết ông Côn, mà sau đó thiên hạ từng phục.

Nhà Hạ có hội thề Cam Hổ. Nhà Ân nhà Chu dùng binh lực bình định thiên hạ. Người xưa có câu: “Trời sinh ngũ tài, dân đều dùng đến, không thể bỏ một, ai có thể bỏ binh?”, Tề gia không thể buông roi vọt, trị quốc không thể phế hình phạt, yên thiên hạ không thể bỏ chinh phạt, nhưng sử dụng thì nên có trước có sau, hành động thì nên có thuận có nghịch. Đức thánh Khổng bảo: ”Làm thợ mong được dần giỏi nghề, tắt trước hết là công cụ sắc bén”. Bầy tôi có văn có đức là lợi khí của các bậc đế vương; uy vũ là cái phụ trợ cho văn đức, phạm đức được sâu dày thêm, thì uy vũ càng lớn thêm; đức được thi thố rộng rãi, thì uy vũ càng thêm rộng. Thời Tam Đại thịnh trị đến nỗi không dùng hình phạt, có trước có sau có thứ tự, là việc lớn nhất của đế vương. Thời Xuân Thu, vương đạo bị hư hoại từ bên trong, lễ nhạc không giữ được như trước mà suy lạc dần, hình phạt thiếu công bằng, kéo dài đến thời Chiến Quốc, nước Hàn tín nhiệm Thân Tử, nước Tần sử dụng Thương Ưởng, tăng nặng về hình phạt cơ thể (nhục hình), hình phạt nặng (đại tịch) thì làm thương tổn đỉnh đầu, hai sườn, nấu vạc dầu...Đến Tần Thủy Hoàng, thôn tính Chiến quốc sáu nước, bỏ hết pháp luật của tiên vương, giảm số quan chức chuyên lo về lễ nghĩa, chuyên áp dụng hình phạt. cấm việc học hành. Bọn gian tà nảy sinh, đâu đâu cũng thấy tù nhân, nhân dân sầu oán, hợp nhau nổi loạn. Khi Hán Cao tổ mới vừa chiếm được trung nguyên, ban hành ba chương pháp luật, bỏ hết các thứ phiền hà, toàn dân đều rất vui mừng. Nhưng bấy giờ các rợ Tứ di chưa chịu phụ thuộc nhà Hán, chiến tranh vẫn chưa dứt, ba chương luật pháp, chưa đủ sức ngừa gian. Bấy giờ, quan

Tướng quốc Tiêu Hà tham khảo pháp luật nhà Tần, chọn ra những gì còn phù hợp với đương thời, soạn ra chín chương luật. Vào thời vua Hiếu Huệ, Cao hậu, Tiêu Hà, Tào Tham thay nhau làm tướng quốc, đã dứt được tình trạng mơ hồ, thúc đẩy sự sống sinh sôi hơn, ít dùng tới hình phạt.

Đến khi vua Hiếu Văn lên ngôi, chú trọng sở học huyền mặc, khuyến khích nghề nông, giảm phú thuế. Dùng tướng đều là các cự công thần, ít văn hoa mà nhiều chân thật, trừng trị bọn gian ác, bỏ đi chính sách nhà Tần. Khi bàn xét luận tội chủ yếu là khoan hồng, hỏ thẹn khi nói về lỗi lầm của người ta. Giáo hóa lưu hành trong thiên hạ, khuyên can dùng những gì xa lạ với phong tục. Quan lại yên vững địa vị, nhân dân được lạc nghiệp, nhiều năm làm ăn có dư, hộ khẩu dần tăng, đời sống ngày càng thêm phong lưu, nói lỗng ngằn cấm. Tuyển Trương Thích bổ làm chức Đình úy, xử nhẹ tội cho dân, rất dè dặt trong việc dùng hình phạt, thời Tần có tới 400 hình phạt, nay bỏ không dùng hình phạt nữa. Hán Hiếu Văn làm vua 13 năm, có ông Thuần Vu chữa bệnh cho huyện lệnh Đại Thương, phạm tội chịu thụ hình, con gái là Đề Oanh dâng thư nói: “Cha thiếp làm quan, trong giới y thuật đều cho là liêm trực và công bằng, nay ngồi chờ xét xử. Thiếp nghĩ rằng người đã chết thì không sống lại được, người thụ hình phạt rồi thì không thể trở lại bình thường được, tuy sau này muốn sửa đổi lỗi lầm để bình thường, thân hình không thể nguyên vẹn như trước được. Vì vậy thiếp nguyện bỏ tám thân này làm nô tỳ hầu hạ quan, để chuộc cho cha thiếp trở về”. Thư của Đề Oanh tới tay nhà vua, vua lấy làm thương xót, bèn hạ lệnh: “Trẫm trộm nghe vào thời Ngu thị, người ta vẽ áo mũ với ý khác nhau, để làm nhục kẻ có tội, thì dân không phạm tội, sao nay lại xử tội đến thế? Nay pháp luật có 3 kiểu nhục hình, mà kẻ gian tà có hết đâu. Sai lầm nằm ở đâu vậy? Há chẳng phải trẫm thiếu đức, dạy dân chưa được sáng ư! Trẫm rất lấy làm thẹn đấy! Cho nên phạm giáo huấn không

thuần nhất, chỉ để dân ngu bị vùi dập thôi. Kinh Thi có câu: “Vui thay! Dễ thay! Quân tử là cha mẹ của dân” là vậy. Ngày nay, người phạm tội, chưa giáo dục mà đã áp dụng hình phạt, hoặc muốn cải tạo hành vi hướng thiện mà không chỉ ra con đường thiện, trầm rất thương xót. Phàm hình phạt chặt thân thể, cắt gân xẻo thịt con người, thì suốt đời không lành lặn được, sao lại có thứ hình phạt đau đớn và thất đức như vậy! Sao đáng gọi là cha mẹ dân cho được? Trừ hình phạt nhục hình ra, liệu có cách nào khác chăng?”.

Khéo thay! Bình luận về hình pháp của Tôn Khanh, viết rằng: “Người đời nói về việc hình phạt, đem việc người xưa cai trị đất nước không dùng tới nhục hình, mà có dùng tượng hình, là không đúng vậy. Người xưa cai trị xử kẻ phạm tội gian tà không bị nhục hình cũng không bị tượng hình. Kẻ phạm pháp bị xử nhẹ tội, như kẻ giết người không bị tội chết, kẻ đã thương người không bị xử phạt hình. Tội quá nặng mà hình phạt quá nhẹ, thì dân không sợ phạm tội, mối loạn không thể không to vậy. Phàm cái gốc của việc định ra hình phạt, là không để cho cái bạo ác xảy ra, còn trừng trị là cái ngọn. Kẻ sát nhân mà không bị xử tử, kẻ gây thương tích cho người ta mà không bị phạt hình, là làm ơn cho kẻ hung bạo, và nhẹ tay với cái ác. Vì thế, tượng hình không xuất hiện ở thời xưa mà xuất hiện ngay trong thời loạn ngày nay. Trong thưởng phạt, thăng giáng quan chức, đều phải tuân theo. Một vật mà không cân xứng, là cái mầm gây nên mối loạn. Như người có đức không cân xứng với địa vị; người có tài năng không cân xứng với chức quan, thưởng cho người không xứng với công lao, trừng phạt không đáng với tội lỗi của người ấy, thì điềm xấu không nhỏ đâu! Phàm chinh phạt kẻ bạo ngược, giết chết kẻ tàn ác, là để thị uy trong việc cai trị. Kẻ sát nhân phải bị xử tử, kẻ đã thương người ta phải bị phạt hình đích đáng, thì trăm ông vua thấy đều đồng tình, với bất cứ nguyên do gì. Cho nên nước yên thì hình pháp nặng, nước loạn thì hình pháp nhẹ,

phạm tội trong thời bình bị xử nặng, phạm tội trong thời loạn thì bị xử nhẹ. Cho nên, Kinh Thư có câu: “Hình phạt tùy theo đời mà có lúc nặng lúc nhẹ” là nghĩa này vậy. Kinh Thư cũng viết: “Tượng hình duy minh” ý nói theo thiên đạo mà chế ra hình, sao lại sơ sai như vậy? Lời của Tôn Khanh đã như vậy nhưng người đời bình luận rằng: “Ông Võ kế thừa hai ông Nghiêu, Thuấn, về sau đạo đức suy đồi nên chế ra nhục hình, Ông Thành Thang vua nhà Thương Ân, Vũ vương nhà Chu thừa hành hình pháp của triều Hạ Võ, dùng biện pháp kém hơn (tục bạc) thời Đường Ngu. Ngày nay nhà Hán ta kế thừa cách làm rất tệ hại của thời Chu suy, thời bạo Tần. sơ sai hơn cả thời Tam Đại.mà thừa hành hình pháp thời Nghiêu Thuấn, là quá xưa cũ vậy. Việc loại bỏ hình phạt nhục hình, vốn là muốn thực hiện trong toàn bộ nhân dân.Ngày nay loại bỏ các hình phạt khôn (cắt tóc), kẹp thịt (kiềm),chuyển nhập vào tội tử hình (đại tịch). Dùng cái chết để ràng buộc nhân dân, là mất đi cái gốc nhân ái. Cho nên số người bị xử tử hàng năm lên tới số vạn, hình pháp trở nên chuyện nghiêm trọng. Đến bọn trộm chuyên khoét tường, làm tổn thương người, nam nữ dâm dật, quan lại gian manh tham tàng, tội ác đến như thế thì trừng phạt cắt tóc, kẹp thịt (khôn kiềm) không xứng tội. Cho nên hàng năm tội phạm có tới hơn mười vạn. Dân không sợ lại còn không hổ thẹn do hình phạt nhẹ mới sinh ra như vậy.

Thế cho nên, viên quan có năng lực là lấy việc giết kẻ trộm đạo làm oai, quan nào chuyên giết nhiều người thì được cho là quan có năng lực, việc xử phạt không tuân phụng pháp lý, đảo loạn danh nghĩa, thương hại pháp chế, thì không thể tính xuê. Vì thế, dùng lưới kín mà không phủ lấp hết kẻ gian tà, hình phạt nhiều mà dân càng ngày càng lớn. Chắc chắn là đời chưa có đức nhân, nên cả trăm năm không chấm dứt chuyện tàn ác được, thật là thiếu dùng lễ nhạc nên hình pháp không chính xác vậy. Há chỉ nên lý luận theo tư duy một chiều như vậy

hay sao? Việc san định luật pháp 2 trăm chương, để ứng với tội tử hình. Còn các tội khác đều phát sinh từ xa xưa. Ngày nay xử tội tử, đều có thể gom chung các tội nhục hình. Cho đến tội đả thương người với tội trộm cắp, tội quan ăn hối lộ, tội nam nữ dâm loạn đều trở lại hình phạt thời cổ, thành 3 ngàn chương. Đến nổi, luật pháp vi tế đều bị bỏ sạch. Như thế, thì hình phạt đáng sợ, không dễ trốn tránh, quan lại không chuyên sát, pháp luật không ba phải, tội phạm nặng nhẹ đều xứng đáng, mạng dân được an toàn hơn, hợp trúng trong hình phạt, hài hòa giữa trời người, vừa thuận với xưa vừa hài hòa với nay. Các vua Hán Thành đế, Hán Khang đế thi thố hình phạt, tuy chưa đạt mức tốt nhất, vua Hán Hiếu Văn bỏ các ngục tù, nhưng ngũ hầu cũng có thể theo kịp vậy!

Bát chính trong thiên Hồng phạm, Kinh Dịch viết: “Một là com ăn, hai là cửa cái”, hai phạm trù này là cái gốc của việc an sinh dân, hưng thịnh từ đời vua Thần nông. “Họ đẽo gỗ làm ra lưỡi cày, cây cuốc, ghép gỗ làm cái cày, cái bừa, dạy mọi người làm ruộng làm rẫy”, “giữa trưa họp chợ trao đổi sản phẩm”, “tập trung hàng hóa của mọi người, điều hòa nhu cầu toàn xã hội, ai cần gì có nấy”, mà hàng hóa lưu thông, thực phẩm đầy đủ. Nhờ vậy mà đời sau nước mạnh dân giàu, việc giáo hóa được hoàn thành. Từ vua Hoàng đế trở xuống, “Thông suốt mà biến hóa, khiến cho dân không vất vả”. Nhà Ân nhà Chu được hưng thịnh, Kinh Thi, Thư viết, chủ yếu ở an dân, dân giàu mới giáo dục được. Cho nên, Kinh Dịch gọi “đức lớn của đất là sinh sôi, cái cao quý nhất của thánh nhân là địa vị, làm sao để giữ địa vị, đó là nhân ái, làm sao để qui tụ con người, đó là tiền của”. Tiền của là thứ mà bậc đế vương nhờ đó tụ họp con người, giữ vị thế, là điều cơ bản để dưỡng thành mọi sự sống, an dân trị quốc vậy.

Bậc thánh vương bảo vệ dân của mình, bằng việc xây đắp thành quách chung quanh chỗ ở, chế ra phép “tĩnh lư” để cho

mọi tài sản người dân đồng đều với nhau, mở chợ búa để lưu thông vật phẩm, mở trường học nơi thôn ấp để giáo hóa con em. Bốn hạng người sĩ - nông - công - thương đều làm việc theo nghề. Bậc thánh vương theo từng khả năng của cấp dưới mà giao việc cho làm. Nhân dân ra sức lao động, không có quan lại nào bị phế truất, trong nước không có kẻ ngạo ngược, đất đai không bị bỏ hoang. Đức Khổng Tử nói: “Lãnh đạo nước lớn có ngàn cỗ xe, làm việc giữ chữ tín, tiết kiệm mà yêu mến con người, sử dụng dân tùy lúc”. Thế nên, nhân dân ra sức lao động sống đời lạc nghiệp, làm việc vì của công trước, của tư sau. Nhân dân canh tác 3 năm thì của cải để dành được một năm, tự lo được cái ăn cái mặc, sống tiết kiệm khiêm tốn thì không còn chuyện kiện tụng của dư của ba năm thì gọi là đẳng, Hai lần đẳng gọi là bình, ba lần đẳng gọi là thái bình, thế là vương đức lưu hành hòa hiệp, lễ nhạc thành tựu. Lại nói: “Bán rất mắc thì tổn thương người dân, mua rất rẻ thì tổn thương nghề nông. Người dân bị tổn thương thì ly tán, nghề nông bị tổn thương thì nước nghèo, nên quá mắc và quá rẻ giống nhau là đều làm tổn thương”. Người làm tốt cho nước đừng để người dân bị tổn thương, mà nghề nông cũng càng nên khuyến khích.

Vua Hán Văn đế lên ngôi, khoan cung tiết kiệm, lo cho sự an vui của nhân dân, Bấy giờ chưa xa thời Chiến Quốc bao lâu, dân còn theo cái ngọn mà quên cái gốc. Giả Nghị tâu vua: “Ông Hoàn Tử bảo rằng: ‘lúa dự trữ cho biết lẽ tiết thật sự’, từ xưa đến nay. chưa thường nghe nói rằng ‘dân không no đủ thì dễ cho việc cai trị’. Người xưa bảo: “một người chồng không chuyên cần cày bừa thì cả nhà sẽ bị thiếu đói, một người vợ không lo dệt may thì cả nhà sẽ bị lạnh. Con người sống trên đời tiêu dùng nhiều không biết bao nhiêu mà kể, đồ vật cung cấp không bao giờ đủ. Người xưa cai trị thiên hạ, rất chi li mà rất đầy đủ vậy, nên họ biết dành để phòng thân. Ngày nay người ta chạy theo ngọn mà quay lưng với cái gốc, người ăn thì rất đông

là mầm mống suy tàn rất lớn vậy. Xa xỉ ham hồ thành tục, mỗi ngày thói xấu mỗi nhiều là thứ giặc rất lớn đấy. Giặc già lộng hành, không có dấu hiệu chấm dứt, số người tốt rất ít, mà kẻ chạy theo thói xấu thì rất nhiều, tài sản trong thiên hạ, sao không phá sản ư! Đời có nhiều người đói kém, trời làm ra vậy, ông Võ ông Thang gánh vác thôi.

Tức như có nơi rộng hai ba ngàn dặm chẳng may bị hạn hán, quốc gia lấy gì mà tương thân, cứu giúp? Đột nhiên nơi biên thù nguy cấp, có đến vài chục vạn quân, quốc gia lấy gì để cấp phát lương thực cho họ? Giặc già, hạn hán nối nhau ập đến, thiên hạ thật cạn kiệt; kẻ hữu đồng tụ tập môn đồ mà đánh nhau loạn xạ, chỗ này khởi binh chỗ kia tranh đấu, thì mới hoảng mà lên kế hoạch dẹp trừ liệu có kịp không? Phàm tích trữ là sinh mạng quan trọng nhất của thiên hạ. Ví như lúa nhiều, tiền có dư, thì sao mà không thành công? Dùng tấn công thì lấy được, dùng phòng thủ thì sẽ kiên cố, dùng chiến tranh thì thắng lợi, lo nghĩ đến quân địch, chiêu mộ từ xa, lý do gì mời người tài mà không đến? Ngày nay dồn dân hướng vào việc làm nông, là lo cho cái gốc, khiến cả thiên hạ đều ra sức làm ra cái ăn, cái mặc, dân có nghề nghiệp thấp kiếm ăn không ổn định, thì cho di chuyển về phía Nam trồng trọt, như thế thì của để dành luôn đầy đủ, mà người người đều vui mừng. Có thể nói lấy việc làm giàu có yên ổn cho nhân dân, tha thiết mong bệ hạ để ý cho!”. Lúc ấy, nhà vua cảm kích lời Giả Nghị, bắt đầu cho tiến hành chế độ tịch điền, khuyến khích nhân dân canh tác phát triển ngành nông.

Lại, Triều Thác trình tâu Vua rằng: “Bậc thánh vương ngồi trên ngôi cao, mà dân không đói rét, không cày cấy mà có ăn, không dệt vải mà có áo mặc, ấy là vì đã mở ra đường lối cho họ tích trữ tiền của vậy. Cho nên, vua Nghiêu, vua Võ phải mất 9 năm làm công tác trị thủy, vua Thang mất 7 năm cứu hạn mà nước mới khỏi bị suy sụp, dự trữ được nhiều, là vì

đã chuẩn bị đầy đủ trước. Ngày nay, toàn quốc thống nhất, đất đai nhân dân đông đúc, không trốn lánh như thời Thang, Võ, hơn nữa còn không bị thiên tai, nhưng tích trữ không bằng thời ấy, là vì sao? Đất đai nếu khai thác vẫn có lợi, dân vẫn thừa sức làm giàu, ruộng cấy trồng cây lương thực vẫn chưa khai khẩn hết, nguồn hải sản nơi sông suối đầm nước chưa tận dụng, vẫn còn nhiều người du thực chưa chịu làm nông. Nhân dân nghèo thì sinh ra gian lận, tà vạy, nghèo là thiếu thốn, mà thiếu thốn vì không chịu làm nông, không làm nông vì không gắn bó với ruộng đất, không gắn bó ruộng đất thì phải bỏ quê cha đất tổ. Dân khác chỉ chim thú, tuy có thành cao hào sâu, pháp luật nghiêm khắc, hình phạt nặng nề, vẫn không thể cầm được bọn gian tà đâu.

Phàm khi trời lạnh thì cần y phục, không thể chờ trời ấm dui, đói thì cần có thứ để ăn, không thể chờ món cao lương mỹ vị. Đói lạnh táp thân, thì chẳng kể liêm sĩ, Con người ngày nào cũng ăn, thiếu ăn một ngày thì bị đói, mỗi năm không có y phục thay đổi thì da bị lạnh. Phàm đói mà không có cái để ăn, lạnh mà không có quần áo đủ ấm thì dù là người mẹ hiền cũng không bảo vệ được con, thì nhà vua sao cò thể được dân theo mình ư! Các bậc minh chúa đều biết như vậy cả cho nên khuyến khích nhân dân tập trung canh tác lúa khoai, trồng dâu nuôi tằm, nhẹ thuế khóa, tăng dự trữ, của cải chứa đầy kho, phòng những khi lụt lội hạn hán, nên gọi là vua có dân theo vậy. “từ trên cao nhìn xuống thì dân chạy theo cái lợi là chuyện tự nhiên như nước tự nhiên từ cao chảy xuống thấp, dù chảy về bất cứ phương nào. Châu ngọc vàng bạc khi đói người ta không thể ăn cho đỡ đói được, khi bị lạnh không thể giúp người ta đỡ lạnh được, mà sao người ta lại quý chúng, vì bậc trên thích dùng chúng. Đó là vì vật nhỏ nhẹ dễ cất giấu, giữ chắc được, có thể đem cho nhân dân trong nước không phải lo chuyện đói lạnh. Nhưng điều này dễ khiến người dân bỏ xứ mà đi, khuyến khích bọn trộm cướp, bọn chạy trốn tích trữ để

dàng. Lúa khoai, vãi lựa đều từ đất mà có, lớn lên theo thời gian, nhờ góp sức lao động, không thể thành tựu trong một ngày; vãi thạch lúa gạo nặng người trung bình không vác nổi, chẳng có lợi cho bọn gian tà; nhưng một ngày chẳng được lúa khoai, vãi lựa thì đói khát đến ngay. Vì thế các bậc minh quân đều quý ngũ cốc, mà coi thường vàng ngọc. Nông dân ngày nay, mùa xuân cày cấy, mùa hạ làm cỏ, mùa thu thì thu hoạch, phơi phóng đến mùa đông thì cho vào kho tích trữ. Họ lại lo phát dọn ruộng rẫy, làm việc suốt năm. Người nông dân mùa xuân không được tránh gió bụi, mùa hạ không được tránh nắng nóng, mùa thu không được tránh mưa dầm, mùa đông không được tránh lạnh giá, trong khoảng bốn mùa, họ không ngày nghỉ ngơi, lại còn những việc tổng vãng nghinh lai, viếng bệnh, đưa tang, nuôi dưỡng người cô độc trẻ con, khổ cực như vậy, còn có khi bị lụt lội hạn hán gây mất mùa, chính quyền bạo ngược, thuế khóa bất thường, có khi sáng ra lệnh chiều thì thay đổi, có chuyện nhà buôn không thật thà, buôn bán ăn lời cắt cổ, nên việc bán ruộng đất, đợ con cháu vẫn thường xảy ra vậy.

Mà buôn bán lớn thì tích trữ nhiều, ăn lời to, lời ít thì buôn bán liền tay, đều chỉ nắm phần còn thừa, ngày ngày ở nơi phố thị, nắm tình hình nhanh, buôn bán có lời. Cho nên đàn ông thì không làm nông, phụ nữ thì không lo trồng dâu nuôi tằm dệt vải lụa, mà quần áo lòe loẹt, ăn uống gạo thịt, không phải chịu cái khổ của người nông dân, mà lại được thụ hưởng nhiều. Rồi vì giàu có, giao tiếp với giới vương hầu, thế lực còn hơn quan lại, dùng lợi khuynh đảo nhau, ngao du ngàn dặm, chơi cùng đẳng cấp, giới thương nhân này thôn tính luôn người làm nông. Vì thế, chuyện nông dân lưu vong là vậy. Ngày nay pháp luật xem thương nhân rất thấp, nhưng người thương nhân vẫn rất phú quý. Vinh danh giới nông dân, mà người nông dân vẫn cứ bần hàn. Cái mà dân thường quý lại là cái mà ông chủ (vua) xem thường, cái mà quan lại cho thấp kém, lại là cái mà pháp luật tôn trọng. Trên dưới trái nhau, tốt xấu đan xen,

mà muốn nước nhà giàu có nhân dân thượng tôn pháp luật thì không thể được. Công việc ngày nay, không gì hơn là khiến được dân tập trung làm nông mà thôi. Muốn dân tập trung làm nông thì phải biết quý từng hạt gạo, củ khoai, bảo dân dùng lúa gạo trong việc thưởng phạt. Ngày nay tuyển mộ thiên hạ, “nhập túc huyện quan”, nộp lúa gạo thì được vua ban tước, được giảm tội. Như vậy người giàu thì có tước vị, người nông dân có tiền, lúa gạo có giá trị vậy. Phàm người dùng lúa để có tước vị thì đều là những người dư dả, lấy dư dả ấy cung cấp cho trên dùng thì thuế khóa của người dân nghèo được giảm đi, đó gọi là lấy chỗ dư bù vào chỗ thiếu, rất có lợi cho nhân dân vậy”. “Thuận với dân tâm, có ba cái được thêm: Một là vua tiêu dùng đầy đủ, hai là dân được giảm thuế, ba là thúc đẩy công việc khuyến nông.

Còn Tước nghĩa là thứ chuyên môn của cấp trên, nòi thì rất nhiều không kể xiết. Lúa gạo là do nhân dân cấy hái, sinh sôi từ đất khi nào cũng có. Phàm người ở tước vị cao thì cho miễn tội, cũng là điều mà người ta rất muốn vậy. Khiến ai ai đều thu vào lúa gạo ở các nơi biên địa, dùng để nhận tước miễn tội, chừng vài ba năm thì lúa gạo để dành cũng khá khá vậy”. Thế là Vua Hán Văn đế theo lời của Triệu Thác, ra lệnh cho dân nhập khẩu lúa gạo từ các nước láng giềng, số lượng bao nhiêu được cấp sổ làm chứng cứ. Đến khi Hán Vũ đế lên ngôi, trong vòng 70 năm đất nước ổn định, kho vừa đều chứa đầy lúa gạo, mà kho của cấp phủ thì dư của cải. Tiền ở trung ương (kinh sư) bách cự vạn, nhiều đếm không xuể. Lúa gạo trong kho nhà vua đầy ắp, lúa gạo chứa tạm nơi kho bên ngoài để lâu bị hỏng không còn dùng được. Dân nghèo cũng có ngựa thả cho ăn cỏ thành bầy nơi bờ ruộng, người giữ cổng làng được ăn cá thịt ngon, người làm chức lại nhỏ, mà con cháu được tôn trọng, kể chỉ người làm quan thì tiếng tăm càng cao, quan nào phạm trọng tội, thì trước hết tiến hành truất chức cho khỏi nhục chức quan ấy. Cho thấy, lưới thưa mà dân giàu, Sau đó,

ngoài thì xử sự với tứ di, trong thì phát triển công lợi, phí tổn lao dịch đều tăng cao, nên dân bỏ bản xứ đi. Thiên hạ suy hao, nhân dân làm ăn thôn tính nhau. Những năm cuối triều vua Hán Vũ đế, nhà vua chán chuyện chinh phạt phong quan Thừa tướng làm Phú Dân Hầu, cử Triệu Quá làm chức Suru Túc Đô úy, dạy dân làm ruộng theo kiểu mới, dùng ít sức lao động mà thu hoạch nhiều. Đến thời vua Hán Chiêu đế, dân lưu lạc dần dần trở lại làm ruộng rẫy được mở rộng thêm, tích lũy ngày một khá lên.

Vua Hán Tuyên đế lên ngôi, tuyển dụng được nhiều quan lại hiền lương, nên bách tính được an cư lạc nghiệp. Nhiều năm được mùa, một thạch ngũ cốc giá đến 5 tiền, người nông dân lời ít. Bấy giờ quan Trung thừa Đại tư nông là Cảnh Thọ Xương tâu vua: “Mua lúa của ba nơi chuyên nghề nông, phụ cận kinh sư là ba quận Hà Đông, Thượng Đảng, Thái Nguyên thì số ngũ cốc đủ cung cấp cho kinh sư, còn vận chuyển từ các nơi xa từ phía đông đến thì hao công lắm lính chết quá nửa”. Nhà vua nghe theo kế ấy, Cảnh Thọ Xương bèn nhân đó bảo các nơi ấy khi ngũ cốc ít mua vào tăng giá, khi ngũ cốc dồi dào thì mua giảm giá trữ vào kho Thường Bình. Nhân dân lấy làm yên ổn. Vua bèn phong Cảnh Thọ Xương tước Quan Nội Hầu. Đến thời vua Hán Nguyên đế, lại bỏ kho Thường Bình, Khi Hán Ai đế lên ngôi, nhân dân đều giàu có, tuy không bằng thời Hán Văn, Cảnh đế nhưng nhân khẩu rất nhiều. Vua Bình đế qua đời, Vương Mãng soán ngôi, Bởi vì nghiệp nhà Hán bị đứt, nước Hung Nô nổi lên xưng bá các nước Phiên, được bách man theo về, xe thuyền thông thương, đều chịu làm bầy tôi, kho chứa tại các phủ giàu có, thiên hạ bình yên vô sự. Một hôm Vương Mãng chưa thấy vừa ý với chế độ nhà Hán hẹp hòi bèn nghiên cứu cho rộng ra. Trước kia vua Hán Tuyên đế, có sơ suất ban cho vua Hung Nô là Thiên Vu cái ấn quốc tử, ý là coi Thiên Vu bằng với thiên tử nhà Hán. Vua người di ở tây nam là Câu Đình xưng vương. Vương Mãng bèn bắt lỗi Thiên Vu,

biếm vua Câu Đinh xuống tước hầu, khiến hai phương bắt đầu oán ghét xâm phạm biên cương. Mãng bèn tập hợp quân đội ba chục vạn người, chia thành mười đạo, quyết tiêu diệt quân Hung Nô, trong nước thành nhiều loạn. Lại đụng đến tình cảm quyến luyến nhà Hán không đúng thời nghỉ, các châu quận bị phân liệt, đổi tên các chức quan, ruộng đất đổi thành đất vua, nô tỳ đổi thành tư thuộc, đều không được mua bán nô tỳ, nam chưa đủ 8 tuổi đã bắt đầu ghi vào sổ đinh. Ruộng đất nhiều hơn chế độ tỉnh điền, thì đem cho người trong cửa tộc cùng làng. Ai vi phạm lệnh vua, có thể bị khép tội tử. Chế luật lại bất định, quan lại cấu kết với kẻ gian, nhiều người than trời, người bị tội rất đông.

Từ thời nhà Hạ, nhà Ân trở về trước, dùng tiền vàng vải lụa để trao đổi đều có chép lưu lại. Khương Thái công lập cho nhà Chu “9 loại tiền”. Đến khi Quản Trọng làm tể tướng cho vua Tề Hoàn công phổ biến về quyền lực khinh trọng, nói: “Có năm dạng mùa lúa, năm mất mùa lúa, nên lương thực có năm được quý như châu báu, có năm bị coi rẻ, lệnh vua có lệnh cấp bách có lệnh từ từ, nên đồ vật có đồ được quý chuộng có đồ bị xem thường. Nhà vua không quản lý nên lúa gạo chứa đầy trong các cửa hàng nơi đô thị, mà không cấp cho dân, nên giá bị đẩy lên quá cao, cao gấp chục lần giá gốc. Tính trong kho lượng đủ xử dụng, nhưng mà dân đang lúc đói rách, thì lúa gạo cất giấu. Dân có dư thì coi nhẹ, nên nhà vua dễ dàng thu mua dự trữ, nhưng khi dân không đủ ăn thì nhà vua coi trọng việc phân phát. Phàm coi khinh coi trọng thu mua tích trữ, phân phát có nơi có lúc, tức chuẩn bình (san sẻ qua lại). Thế nên, nhà nhà tích trữ mua bán, không có chuyện nhà giàu xâm đoạt dân nghèo. Nhà Tần khi gồm thu thiên hạ, tiền tệ chia làm 2 hạng: Vàng ròng gọi là Dật (20 lượng là 1 Dật, nhà Tần gọi Dật là Kim, nhà Hán lấy 1 cân làm 1 Kim) tiền Chât như thời nhà Chu, tiền Văn gọi là nửa lượng. Đến nhà Hán thấy tiền thời nhà Tần nặng nề khó dùng, cho dân đúc tiền Giáp.

Vua Hán Hiếu Văn đế, làm tiền rất nhiều mà nhẹ, bèn cho đúc tiền Tứ thù, Văn là nửa lượng. Để trừ bọn trộm cho đúc tiền Lệnh. Giả Nghị can vua: “Thường thì việc có chứa mầm họa ở trong, mà pháp luật là mối nảy ra gian tà. Nay khiến người dân đen nắm giữ tiền tệ làm ra, thì phát sinh việc lén lút đúc tiền, thế là luật pháp muốn cấm chúng lợi nhiều thì lại nảy sinh gian tà, tuy hình phạt tội báo hàng ngày mà chúng vẫn giữ, không chịu buông ra.

Làm ra luật pháp như thế, cấp trên nhờ cậy được gì nào? Còn dân dùng đồng tiền không giống nhau giữa các quận huyện. Không lập ra luật lệ về tiền, quan lại bức xúc mà chỉ có hô hào, rất là phiền hà, nhưng sức người không làm gì được; cho dù không kêu la, thì chợ búa nơi này dùng đồng tiền khác nơi kia, tiền Văn rồi mù. Nếu không nắm vững thuật riêng của nó thì làm sao có thể lưu hành được! Ngày nay bỏ bê việc nhà nông, mà chuyện nhặt đồng đúc tiền thì đông, tiền gian ngày một nhiều, mà ngũ cốc không sản xuất ra được nhiều. Người lương thiện bị kẻ gian tà, dụ dỗ, người dân thật thà thì bị hãm hại phạt hình, tội chết rất không rõ ràng, thì không đáng sợ sao được chứ! Vua không nghe. Bấy giờ, nước chư hầu Ngô tự đúc tiền, thì sẽ giàu ngang với thiên tử, chẳng bao lâu thì làm phản. Quan đại phu là Đặng Thông, tự đúc tiền, nhiều hơn các bậc vương giả. Cho nên, tiền Ngô, tiền Đặng phát tán khắp thiên hạ. Hán Vũ đế nhân được dự trữ sức tích từ thời các vua Văn đế, Cảnh đế, giận sự xâm hại của rợ Hồ, rợ Việt, sau mấy năm lên ngôi nối nghiệp làm vua, vua Hán Vũ đế cử bọn Nghiêm Trợ, Chu Mãi Thần chiêu dụ được rợ Đông Âu, hòa hoãn với Lương Việt, khiến vùng đất giữa xứ Giang với xứ Hoài yên ổn hòa bình. Vua Hán Vũ đế còn cử bọn Đường Mông, Tư Mã Tương Như, khai sáng văn minh cho rợ miền Tây nam, xẻ núi mở hơn ngàn dặm đường to rộng đến tận xứ Ba Thục, người Ba Thục hết chống đối. Lập quận Thương Hải, giữa hai nước Yên và Tề. Đến khi Vương Khôi mưu lập Mã ấp, thì nước Hung

Nô cắt đứt mối hòa thân lâu nay, đưa quân xâm phạm quấy nhiễu biên giới phía bắc, chiến cuộc kéo dài vẫn không giải quyết được. Chiến tranh ngày càng lan rộng nhân dân các nước chịu cảnh lao khổ, người đi chiến trường xa xôi sống như chết, người ở nhà lao xao không yên thân, nhân dân bị quấy nhiễu, người ta lo lốt hồi lộ. thường dùng vũ lực, pháp lệnh nghiêm ngặt, Có tài vật thì được bỏ quan, lo lót tiền chạy tội, bọn bầy tôi chạy theo lợi riêng, bắt đầu từ đó.

Về sau, Đại tướng Vệ Thanh chỉ huy mấy vạn kỵ binh, tiến đánh nước Hung Nô, bèn giữ Hà Nam, lập quận Sóc Phương. Bảy giờ mở đường đi một ngàn dặm thông tới xứ người Di phía tây nam, huy động tới mấy vạn người, vận chuyển lương thực ngàn dặm, hơn mười chung một thạch (1 chung bằng 6 thạch 4 đấu). Lập quận Thương Hải, xây nên Vệ Sóc phương, chuyển vận đi rất xa, bao gồm từ Sơn Đông, hao phí rất lớn đến mười trăm vạn, làm trống rỗng kho dựn. Đồng thời tuyển mộ dân làm nô tì suốt đời. Người nào có nhiều nô tì, dê...thì được thăng trật, được làm chức Lang, quan lại bảy giờ đều theo các nước Hồ. Từ đây về sau liên tiếp nhiều năm Vệ Thanh đem hơn vạn quân đánh Hồ, chém chặt nhiều đầu quân địch được vua ban thưởng vàng ròng, hơn hai mươi vạn cân, mà quân Hán bị giết hơn mười vạn người, không cho phí binh giáp vận chuyển lương thực vậy. Phú thuế đã kiệt quệ, không đủ nuôi lính. Cơ quan tài chính phải xin lệnh ban bố cho người dân được chuộc tội bằng tiền, đóng tiền thì được miễn tội. Nhiều tiền mua được tước hầu, khanh, đại phu, ít tiền mua được tước lang. Con đường thăng quan tiến chức thật đa đoan phứt tạp, quan chức sa sút không ra quan chức. Quân đội lại đi đánh rợ Hồ đại thành công. Vua người Hồ là Hồn Tà vương đem hơn một vạn quân xin hàng, đều được trọng thưởng, chờ các huyện cấp y phục, thực phẩm, huyện quan không cấp. Thiên tử giảm yến tiệc, tháo bỏ xe ngựa, xuất cửa cải từ phủ vua, cấm cất giữ, mà sống đạm bạc. Mất công tính toán nhiều kế, các huyện đều cạn kiệt, giới

thương gia giàu có tham gia, tích lũy vàng cả vạn, mà không nhờ đến của công chu cấp. Tới đây thì thiên tử họp bàn với các vị công khanh, tiến tới việc phải đúc thêm tiền để tạm tiêu dùng, theo cách không cơ bản chút nào.

Thế là dùng tiền sinh Đông quách Hàm Dương là Không Cạn làm chức Đại tư nông thừa, chuyên về việc diêm thiết, dùng Tang Hoảng, Dương Quý Hạnh làm chức Thị trung, ba vị này có tài năng, khiến công việc cai trị ngày càng chuyển biến tốt hơn. Luật pháp ngày thêm nghiêm thì quan lại nhiều người bị phế chức, miễn chức, bị khiển trách bị đày đi đến nơi hoang vu, rừng núi xa xôi, lao động đào đắp hồ Côn Minh. Đến năm sau, Phiêu kỵ đại tướng quân đem quân đi đánh người Hồ, được ban thưởng vàng năm mươi vạn, quân mã bị tử trận hơn mười vạn người ngựa, hao phí vận chuyển rất lớn. Bấy giờ thiếu thốn mọi thứ, khá nhiều chiến sĩ chẳng được lương bổng gì cả. Các nhà buôn trở thành người cho vay ăn lời. Tuy không có sổ sách kê rõ, đều dùng vật tự chiếm, đem xâu tiền hai ngàn tính là một. Xe nhỏ tính là một, xe nhỏ của nhà buôn tính là hai, thuyền dài 5 trượng trở lên tính làm một, Còn giấu không tự chiếm giữ, hoặc, chiếm giữ không hết, thì bị bắt đi làm lính thú biên phòng một năm thâu vào tiền xâu. Có người tố cáo thì lấy cho một nửa. Bấy giờ, các nhà hào phú đều tranh nhau giấu của, chỉ có ông Bốc Thức, đem của cải giúp quan huyện. Thiên tử phong cho Bốc Thức chức Trung lang, tước Tả thứ trưởng, cấp ruộng mười khoảnh, thông báo rộng rãi cho dân chúng biết. để làm gương cho bách tính. Lại cho đúc bạch kim thành tiền ngũ thù, năm năm sau lại bỏ, quan dân đúc tiền vàng giả bị tội tử rất nhiều cả mười vạn người. Còn họ tự giết lẫn nhau không tính được. Kẻ phạm pháp thì đông, quan không có thể bắt hết được. Bấy giờ giao cho các vị bác sĩ như Trử Đại, Từ Yển chia nhau quản lý quận quốc. Sử dụng quan Ngự sử đại phu Trương Thang Phương xử lý công việc, các vị Giám Tuyên, Đỗ Chu được bổ làm Trung thừa, dùng các

vị hà khắc là Nghĩ Túng, Y Tề, Vương Ôn Thư làm quan cửu khanh. Bắt đầu xuất hiện chính sách “nông nghiệp mới”, hình ảnh nghề nông có khởi sắc vậy.

Từ đó về sau, tình cảm không là gì so với pháp luật. Các quan công khanh đại phu phân đông là hạng siểm nịnh. Nhà vua đã hạ lệnh dùng tiền xâu, mà tôn vinh Bốc Thức, cuối cùng bách tính cũng không chịu đem tài sản giúp quan huyện, bảo rằng tiền xâu làm rối loạn. Dương Khả buộc tiền xâu làm biến loạn thiên hạ. Các nhà gia tư bậc trung trở lên đại khái đều gian xảo (ngộ cáo), bịa ra trăm ngàn mưu kế chiếm tài sản của dân, chiếm hữu cả ngàn vạn tời tở, chiếm của huyện lớn cả mấy trăm khoảnh ruộng đất, huyện nhỏ thì hơn trăm khoảnh ruộng đất. Nhà ở cũng như vậy. Bảy giờ đại khái các nhà buôn từ khá trở lên ngày càng giàu, người dân thì ăn ngon, mặc đẹp, không lo tiết kiệm để dành, còn quan huyện chạy theo diêm thiết tiền xâu, ít có lòng rộng rãi. Khi người Việt lắm le muốn thủy chiến với quân của triều đình. Vua bèn cho đại tu hồ Côn Minh, cho đóng lâu thuyền cao hơn mười trượng, xây dựng đài Bá Lương cao mười trượng. Tu bổ cung thất ngày càng to đẹp. Năm sau, thiên tử bắt đầu đi tuần các quận quốc. Các vị công khanh hội bàn đòi thay đổi, các quận quốc đều tham dự đường lối cai trị đất nước. tu bổ cố cung, Năm sau, nước Nam Việt làm phản, rợ Tây Khương xâm phạm biên giới. Thiên tử cử tướng đem hơn hai mươi vạn quân dùng lâu thuyền tiến đánh nước Việt ở phía nam, lại cử quân kỵ Tam hà tiến đánh quân Khương ở phía tây, vượt sông xây dựng làng xã người Hán (lệnh cư). Sơ bộ lập hai quận Trương Dịch, Tửu Tuyên, mà Khai điền quan của Thượng quận, Sóc phương, Tây Hà, Hà Tây, đưa sáu mươi vạn lính đi làm lính thú khai khẩn đất đai canh tác nông nghiệp. Nhà vua Trung Hoa cho sửa sang đường sá chuyển vận lương thực, đến những nơi xa hơn ba ngàn dặm. Lính biên phòng không đủ, theo viên quan quản lý vũ khí thì vũ khí quân đội thiếu hụt. Tề tướng là Bốc Thức dâng thư, tình nguyện

cha con liều chết đi đánh Nam Việt.

Nhà vua hạ chiếu khen ngợi, ban tước Quan nội hầu, thưởng bốn mươi cân hoàng kim, mười khoảnh ruộng, bố cáo cho mọi người biết, nhưng thiên hạ không làm theo. Các vị hầu tước đông đến hàng trăm, không ai chịu đầu quân, người bị mất tước hầu đến cả trăm vị. Nhà vua bèn phong Bốc Thức làm Ngự sử đại phu. Khi Bốc Thức làm Ngự sử thấy tại các quận quốc, phần đông không thúc đẩy các huyện làm diêm thiết khí, hoặc cưỡng bách dân mua diêm thiết khí, mà tính bằng thuyền (thuyền toán), bởi vì theo lời của Không Cận thì đó là việc của nhà thuyền. Nhà vua không nói gì, nhưng quân đội cho lỗi là của huyện, huyện không chịu, không dám nói vì không dám đụng đến chuyện phạm pháp trong việc đóng thuế nuôi quân. Vào niên hiệu Nguyên Phong nguyên niên, Bốc Thức bị biếm, cho thôi chức Thái bảo thái truyền, phong Tang Hoảng Dương làm chức Trị túc đô úy. Quản lĩnh đại nông. Hoảng Dương bèn xin bố trí mấy mươi người làm chức Đại nông bộ thừa, phân công về quận quốc làm bộ chủ quận quốc, dần dần họ đều được bố trí vào chức diêm thiết quan, tập hợp hết hàng hóa của thiên hạ, gọi là “bình chuân”, không giống như cáo mên. Dân không còn được giàu thêm, thiên hạ khá hơn. Bấy giờ Hoảng Dương khuyến khích sản xuất bằng cách thưởng tước Tả thứ trưởng, thì giá vàng tăng. Năm ấy bị nạn tiểu hạn, vua lệnh cho bách quan cầu mưa. Bốc Thức nói: “Huyện quan đang được ăn tô, thuế y phục mà thôi, nay lệnh của Hoảng Dương khiến chợ búa tê liệt, đem Hoảng Dương nấu dầu đi thì trời đổ mưa”. Lâu sau đó, Hoảng Dương được phong làm Ngự sử đại phu.

Vua Hán Chiêu đế lên nối ngôi, ban chiếu đến các quận quốc, tiến cử nhân tài hiền lương có văn học, thăm hỏi những người bệnh tật già yếu, ban lời giáo hóa là chính. Theo nguyện vọng của họ, nhà vua bãi bỏ chức quan Diêm thiết

tử xác quân thân, không tranh lợi với nhân dân trong thiên hạ, bảo dân phải tiết kiệm, nên về sau công cuộc giáo hóa có vẻ được hưng thịnh. Nhà vua còn bãi bỏ buôn bán rượu. Năm đời vua Tuyên đế, Nguyên đế, Thành đế, Ai đế, Bình đế, đều theo vậy không thay đổi. Đến khi Vương Mãng nhiếp chính, thay đổi quy chế nhà Hán, lại làm ra các sản phẩm vàng, bạc, quý, báu, tiền, bố, đều được gọi là “bảo hóa”, Cái gọi là “bảo hóa” có 5 vật, 6 tên, 28 phẩm. Nhân dân rối loạn, không thực hành bảo hóa, dân chúng vẫn dùng tiền ngũ thù như trước trong việc buôn bán. Vương Mãng lo lắng, bèn hạ chiếu nói: “Không được bỏ phép tính tiền, không được ỷ vào tiền ngũ thù để mê hoặc dân...”. Vì vậy mà người làm nghề nông nghề buôn bị thất nghiệp, lương thực hàng hóa đều bị thất bát, khắp mọi nơi nhân dân kêu khóc vang trời. Người ta làm chuyện phạm pháp như mua bán ruộng vườn, nhà cửa, nô tỳ, đúc tiền giả... Từ các quan công khanh đại phu đến nhân dân bình thường đều vi phạm, không thể kể hết. Vương Mãng biết lòng dân oán ghét, mới cho lưu hành loại tiền nhỏ 1 phẩm nhất, cùng lưu hành với đại tiền 52 phẩm,...Vương Mãng tính nóng nảy, không chịu ngồi yên, mỗi thứ hưng tạo tất muốn theo như cổ quận có nhiều người, đều dùng nhà buôn giàu, vì truyền thống cầu lợi, thiên hạ được lần lượt cùng đáp đối. Từ đó, cùng quận huyện thông đồng gian dối với nhau, nhiều khoa trương mà thiếu thực chất, tàng trữ ở phủ thực không nhiều, nhân dân càng mệt hơn. Vương Mãng mỗi khi đưa ra một điều gì thì đều có chế tài. ai vi phạm đều bị xử đến tội tử. Bọn quan lại giáo hoạt đều xâm hại nhân dân, nên bách tính không được yên ổn làm ăn sinh sống. Mỗi lần thay đổi tiền, nhân dân bị phá sản, bị hãm vào tội đại hình. Vương Mãng cho tử hình kẻ đúc tiền giả, và không bị cản trở nên bảo hóa được mở rộng khắp nơi. Kẻ phạm pháp ngày càng nhiều, không thể tính được. Còn người lại coi thường luật pháp, bọn đúc tiền riêng tư làm tiền phát tán, cùng với vợ con cho nhập vào làm nô tì cho nhà quan. Dù là quan hay dân

biết mà không tố cáo thì chịu phạt đồng tội; dân không dùng bảo hoá, bị phạt một năm, quan lại thì bị miễn chức. Người phạm càng ngày càng nhiều cứ 5 người ngồi với nhau đều bị thu vào quận quốc. Xe chở tù đến Trường An, trong số người chết đến sáu bảy phần mười.

Quân Hung Nô xâm chiếm cướp bóc thậm tệ, Vương Mãng tuyển mộ tù nhân, nô lệ, lập quân đội gọi là “Trư đột hi dũng”. Tất cả đánh thuế lên quan dân, cứ ba mươi lấy một còn ra lệnh từ công khanh trở xuống, đến quan lại tại quận huyện, đều giao bảo dưỡng quân mã, hết quan lại giao đến dân. Dân nổi lên quấy nhiễu không sợ lệnh cấm, không được cày cấy nông tang, vì phải đi làm chuyện của vua quá nhiều rất phiền, còn vì bị nạn khô hạn hoàng trùng làm mất mùa vụ. Lại chưa định chế tác, trên từ công hầu, dưới đến các chức lại nhỏ, đều không có lương bổng mà phải lo lót cho cấp thượng lưu, sinh ra kiện cáo không ngớt. Quan lại lại ra oai hung bạo khắc khe theo bảng cấm của Vương Mãng mà o ép dân đen. Nhà giàu không được tự bảo vệ, nhà nghèo hết cách sống được, phải liều mình làm trộm cướp, trốn núp núi chằm. Quan quân không khả năng cấm mà còn che giấu, nên chuyện mờ ám xấu xa ngày một tăng lên, Bảy giờ các miền Thanh, Từ, Kinh, Sở bỏ đi có đến hàng vạn. Chết vì đánh nhau, bọn rợ tứ di nơi biên giới đều bị liên lụy, bệnh dịch đói ăn. Khi Vương Mãng chưa bị giết, hộ khẩu cả nước bị hao phân nửa. Bốn năm sau từ khi có tổ chức “Trư đột hi dũng” thì quân đội nhà Hán giết được Vương Mãng.

Ngày xưa khi thầy Khổng Trọng Ni qua đời đã để lại các vi ngôn, ẩn ngữ rất sâu sắc, bảy mươi học trò làm lễ tống táng thầy theo đúng đại nghĩa. Các chiến lược tung hoành thời Chiến Quốc, phân tranh đúng sai, nhiều bậc thầy đưa ra nhiều lý giải khác nhau càng làm rối thêm. Đến nhà Tần ghét bỏ, cho đốt hết các sách lý thuyết chính trị ấy để ngu dân, Nhà

Hán ta hưng thịnh, làm cuộc cải cách chính trị ngu dân của nhà Tần, thu nhặt các sách cũ, bố trí quan tuyển duyệt viết lại sách cổ, rồi viết lại theo một thứ chữ viết thống nhất, tham khảo thêm các bậc cổ lão.

Đến thời suy bại, không biết đâu là phải đâu là trái, cho nên ai nấy chỉ theo ý riêng của mình. Những người có được cái sở học cũ thì ở ẩn vừa làm ruộng vừa tu dưỡng, ba năm thì rảnh nghề, còn giữ được cái đại thể, kinh văn dùng để thưởng ngoạn mà thôi. Họ ít dùng hàng ngày nhưng súc tích được nhiều đức, họ lập được 35 kinh văn, Đó là số kinh truyền còn truyền lại cho hậu thế, đâu có thể khôi phục đúng như trước được, nên dù là các nhà bác học, họ cũng không thể thông được đủ nghĩa lý trước đây, mà chuộng các ý nghĩa lẻ mẻ thực tế, bỏ qua các thuyết sâu xa xảo diệu, hình thể bị phá hoại, loại văn học từ 5 chữ, đến hai, ba vạn lời. Nhiều lớp người hậu tiến cứ thế mà dùng, cho nên người nào giữ được một nghề khi còn nhỏ, thì sau đến khi già đầu bạc mới có thể nói là rảnh nghề được, để an phận những gì đã tập quen của mình, bỏ đi những gì không biết, cuối cùng để tự đắm đuối được. Điều đó là nỗi lo của những người có học.

Phái Nho gia, người Nho học do xuất thân từ quan Tư đồ, nhằm giúp cho vua mình thuận với âm dương, làm rõ đức sáng nơi con người. nghiên cứu học hỏi trong lục kinh, chú tâm đến lần ranh của đạo đức nhân nghĩa, chú tâm học thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn, Vũ, tôn thờ thầy Khổng Trọng Ni, đề cao lời dạy của thầy, đưa đạo học nhà Nho lên cực cao. Tuy cảm xúc đã hết tinh vi, nhưng mà bậc quân vương lại tùy thời mà đề cao hoặc hạ thấp, xa rời gốc đạo, tạm dùng để lèo người ta, đàn hậu tiến cứ thế chạy theo, làm cho ngũ kinh bị giải thích không đúng đắn, Nho học suy dần. Đó là chỗ đáng lo của nhà Nho.

Phái Đạo gia (Lão), do xuất phát từ sử quan, ghi chép những

con đường của sự thành bại, tồn vong, họa phúc xưa nay, nhằm nắm cái gốc chính yếu, tự bảo thủ cái thanh cao, trống rỗng, tự giữ gìn cái ti nhược. Đó là cái thuật cai trị của bậc quân vương. Phù hợp với đức khắc nhượng của vua Nghiêu, chỗ hàm chứa của kinh “Dịch”. Một cái khiêm mà có tới bốn cái lợi, đó là sở trường của Đạo gia vậy. Đến mức phóng túng, thì các nhà Đạo Lão bỏ hết lễ học, bỏ cả nhân nghĩa, gọi là cỡi thanh cao, trống rỗng biệt lập thì mới cho là có khả năng cai trị.

Phái Âm dương gia, người phái Âm dương do xuất thân từ các vị quan Hy Hòa. Họ kính thuận Hạo thiên, bằng cách lấy việc xem chuyển biến hình tượng mặt trời mặt trăng và các vì sao trên trời, họ xét sinh hoạt của nhân dân thời bấy giờ, ấy làm sở trường. Người theo thuyết Âm dương khi làm gì đều vướng vào các cấm kỵ, mù mịt nơi các tiêu tiết, bỏ việc người mà lo chuyện quỷ thần.

Phái Pháp gia, người phái Pháp gia do xuất thân từ quan về Lý. Họ tin vào chuyện thưởng phạt, đề đồi lễ chế, đó là sở trường của phái Pháp gia. Khi hành sự, thì không giáo hóa, bỏ qua nhân ái, chỉ chuyên dùng hình pháp, vì họ cho là cách cai trị hiệu quả nhất, thiếu tình nghĩa đến mức làm hại đến những người chí thân, ruột thịt.

Phái Danh gia, người phái Danh gia do xuất thân từ quan về Lễ, Người xưa không đồng danh vị thì lễ cũng khác số. Thầy Khổng bảo: “Cốt yếu ở chính danh”. Đó là sở trường của những nhà Danh gia.

Phái Mặc gia, người phái Mặc gia do xuất thân từ người chuyên giữ thanh miếu. Nhà tranh cột tre coi trọng tiết kiệm; phụng dưỡng tam lão suốt năm canh, chủ trương kiêm ái; tuyển người đại xạ, là tôn quý người hiền tài. Thờ cúng nghiêm phụ, là tin có quỷ thần; làm việc gì thì thuận theo bốn mùa, không tin ở số mệnh; dùng chữ hiếu trong đối xử với mọi người, cho

đến trên đều đồng. Đó là sở trường phái Mặc gia. Chủ trương có lợi từ việc kiềm ước, vì không có lễ nhạc, có ý xiển dương kiềm ái, không phân biệt người thân kẻ sơ.

Phái Tung hoành gia, người phái Tung hoành do xuất thân từ các quan chuyên về hành. Thầy Khổng nói: “Sử hồ! Sử hồ!” là nói sự chế nghị của người đang có quyền, thụ mệnh mà không thụ tù. Đó là sở trường của phái Tung hoành. Đến khi kẻ gian tà hành động thì cấp trên mới không còn tin.

Phái Tạp gia, người theo phái Tạp gia do xuất thân từ các quan chuyên nghị bàn, kiêm Nho Mặc, gộp lại gọi chung là Tạp, biết quốc thể có các thứ ấy, thấy không chỗ nào là không nhất quán trong vương trị, đó là sở trường của phái Tạp gia. Đến khi mở rộng ra thì tản mạn lan man xa cái chính yếu khó nắm được cái chính yếu.

Phái Nông gia, người theo phái Nông gia do xuất thân từ các quan coi về nông nghiệp, gieo trồng bách cốc, trồng dâu, khuyến nông cung cấp cho nhân dân cái ăn cái mặc. Cho nên thầy Khổng nói: “Kính trọng những người làm ra cái ăn cho mọi người” là sở trường của phái Nông gia.

QUẢN THƯ TRỊ YẾU

QUYỂN 15

*Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam, Ngụy Trưng dâng lệnh vua Đường Thái Tông
cùng biên soạn*

HÁN THƯ (3)

TRUYỆN

HÀN TÍN

Hàn Tín, người Hoài Âm, con nhà nghèo, không chút thế lực, chẳng được tuyển chọn làm một chức lại nhỏ, thường la cà nơi nhà người ta ăn cơm nhờ. Ban đầu Hàn Tín đầu quân cho Hạng Vũ được làm chức Lang trung, nhiều lần dâng mưu kế nhưng đều không được dùng tới. Hàn Tín bèn bỏ Sở, theo Hán, vẫn chưa có mưu kế gì đặc biệt. Nhiều lần Hàn Tín chuyện trò với Tiêu Hà, Tiêu Hà rất lấy làm lạ. Đến trận Nam Trịnh quân tướng nhà Hán bị giết mấy chục người, Hàn Tín ước chừng là Tiêu Hà đã mấy lần tâu lên Hán vương về mình, nhưng Hán vương vẫn không dùng mình, nên bỏ trốn. Tiêu Hà được tin Hàn Tín bỏ đi, liền đuổi theo, mà không cho ai biết. Có người tâu lên Hán vương là Tiêu Hà đã bỏ trốn, Lưu Bang hỏi: “Sao Thừa tướng lại bỏ đi”, giận như mất đôi tay. Vài ngày sau, Tiêu Hà trở về, đến yết kiến, Lưu Bang vừa giận vừa mừng, mắng Tiêu Hà: “Bỏ đi vì sao?” Đáp: “Thần nào

dám bỏ chúa công, mà chỉ đuổi theo người bỏ đi thôi”. Lưu Bang hỏi: “Ông đuổi theo ai vậy?” Đáp: “Hàn Tín”. Lưu Bang lại mắng: “Chư tướng bỏ ta đến cả chục người, ông không đuổi theo một ai, mà chỉ đuổi theo tên Tín là sao?”. Tiêu Hà thưa: “Các tướng thì sao sánh được với Hàn Tín, một quốc sĩ vô song, chúa công muốn làm chủ miền Hán Trung, thì không có ai hơn Hàn Tín, chúa công muốn tranh thiên hạ, không có Hàn Tín thì không thể thực hiện được”. Lưu Bang nói: “Ta muốn Đông tiến mà thôi”. Tiêu Hà nói: “Chúa công muốn Đông tiến thì nên dùng Hàn Tín thì Tín sẽ ở lại với chúng ta; nếu chúa công không dùng Hàn Tín, thì Tín nhất định bỏ đi”.. Lưu Bang nói: “Ta dùng làm tướng”. Tiêu Hà nói: “Tuy phong tướng, Tín cũng không ở lại”. Vương nói: “Ta phong làm đại tướng”. Tiêu Hà nói: “Tốt quá! Chúa công muốn phong làm đại tướng, thì chọn ngày tốt, trai giới, lập đàn cao uy nghiêm làm lễ bái tướng”. Lưu Bang hứa, các tướng đều tin tưởng, mọi người đều vui vẻ. Đến khi làm lễ bái tướng của Hàn Tín, Hàn Tín làm lễ bái ra mắt Lưu Bang. Lưu Bang nói: “Thừa tướng giới thiệu tướng quân, tướng quân bày cho quả nhân kế sách gì nào?”. Hàn Tín nhân đó hỏi: “Ngày nay muốn tiến về đông để tranh thiên hạ, là tranh thiên hạ với Hạng vương”. Lưu Bang nói: “Đúng như vậy”. Hàn Tín hỏi: “Đại vương tự liệu có nhân đức dững mãnh, gan dạ hơn Hạng vương chứ?” Hán vương nói: “Không bằng”. Hàn Tín nói: “Dạ! Tín này vẫn biết đại vương không hơn Hạng vương, nhưng thần từng phục vụ Hạng vương, nên biết con người ông ta. Hạng vương là một người dững mãnh, ngàn người không ai địch lại, nhưng bản tính nóng nảy, hay đổ ky, không được lòng người có tài, đó là cái dững của hạng thất phu.

Hạng vương tiếp người cung kính, nói năng nhã nhặn, với người bị bệnh tật, thì thương khóc phát cho đồ ăn thức uống, Thế nhưng đối với người có công, khi phong tước cho họ thì cứ mân mê chiếc ấn, chần chừ không muốn trao, đây gọi là lòng

nhân ái kiêu đàn bà. Hạng vương còn bội ước với Nghĩa đế, mà chỉ phong cho người thân với đại vương, khiến chư hầu bất bình. Hành quân qua nơi nào ông ta cũng tàn sát, gây oán với thiên hạ, thế nên bá tánh chẳng ai muốn theo, chỉ vì sợ uy lực mà phục tùng thôi.

Danh tuy trùm khắp, nhưng thực ra đã mất lòng thiên hạ, thế nên sức mạnh ấy rất dễ suy yếu. Nay Đại vương thực sự có thể làm ngược lại đường lối của Hạng vương, tin dùng những người vũ dũng trong thiên hạ, thì nơi nào mà không thể đánh được? Dem thành ấp trong thiên hạ phân phong cho công thần, thì ai mà không quy phục? Dem nghĩa binh cho theo những tướng lĩnh muốn tiến về Đông, thì chỗ nào mà chẳng đánh tan?

Đại vương tiến vào Vũ Quan, chẳng làm hại một ngọn cỏ của dân, bãi bỏ pháp luật hà khắc của nhà Tần, thì nhân dân ở đó ai mà không mong có đại vương. Ngày nay Thục không tròn chức trách, dân không ai là không giận. Nay đại vương tiến về đông, thì xứ Tam Tần kia có thể truyền hịch không cần đánh cũng được ổn định vậy”. Lưu Bang cả mừng, cho rằng mình được Hán Tín quá muộn, liền tán phong cho Hàn Tín chức Tả Thừa tướng, đem quân đi đánh nước Ngụy. Hàn Tín hỏi Lịch Sinh: “Có phải nước Ngụy dùng tên vô dụng là Chu Thúc làm đại tướng quân?” Lịch Sinh nói: “Thưa, là Bá Trục”. Hàn Tín nói: “Chỉ lá thành trẻ con”. Rồi tiến đánh nước Ngụy, bắt sống được Ngụy vương tên Báo. Sau khi ổn định miền Hà Đông, Hàn Tín cử người đi rước Hán vương. Hán vương đến, Hàn Tín nói: “thần mong có được ba vạn quân, tiến đánh các nước Yên, Triệu ở phía bắc, tiến đánh nước Tề ở phía đông, tiến đánh cắt đứt con đường vận lương của nước Sở ở phía nam, hội quân với chúa công ở Huỳnh Dương ở phía tây”. Thế là, Hán vương cấp cho Hàn Tín ba vạn quân, đánh phá xứ Đại, bắt Hạ Thuyết, dẫn cả vạn quân, tiến xuống Tĩnh Hình ở phía đông

đánh nước Triệu. Vua nước Triệu và Thành An quân Trần Dư tập trung quân ở cửa ải Tinh Hình; Quảng Vũ quân Lý Tá Xa nói với Thành An quân: “Nghe nói tướng nhà Hán là Hàn Tín, vượt Tây Hà, đánh dẹp Ngụy vương, bắt Hạ Thuyết, ý muốn đánh hạ nước Triệu. Đó là thừa thắng mà đi đánh nơi xa xôi, thể mạnh đó, mình khó chống cự. Thần nghe việc lương thảo chuyên đi ngàn dặm, thì người người đều có vẻ đói, chỉ huy cũng không được no bụng. Ngày nay đường Tinh Hình, không được tốt cho xe chạy, đi ngựa không thể thành hàng, đi mất trăm dặm, lương thực tụt hậu. Xin túc hạ cho tôi mượn ba vạn kỳ binh, để chặn đường tiếp tế lương thực khí giới của họ, còn túc hạ thì phòng bị nghiêm ngặt, đừng đánh nhau với họ. Phía trước họ không được đánh, mà rút lui thì cũng không xong, như thế không quá mười ngày, đầu của hai tướng địch ắt sẽ nộp dưới trướng”. Thành An quân không nghe theo. Hàn Tín nghe tin này không được dùng, thì rất vui mừng, liền kéo quân đến cửa ải Tinh Hình, chém đầu Thành An quân nơi Chi thủy, bắt tù Triệu vương Yết. Hàn Tín cảm không được đựng đến Quảng Vũ quân.

Chẳng bao lâu sau đó, lính áp giải Quảng Vũ quân đến trướng doanh, Hàn Tín hỏi: “Kẻ hèn này muốn đánh nước Yên ở phía bắc, phạt nước Tề ở phía đông, liệu có thắng không?”. Quảng Vũ quân đáp: “Tôi nghe rằng, “Đại phu của nước đã mất, không thể bàn chuyện bảo vệ đất nước; tướng của quân bại trận, không thể cho là dũng mãnh”. Thì tôi đây sao có tư cách bàn chuyện đại sự cho được”. Hàn Tín nói: “Kẻ hèn này nghe kể rằng, ông Bách Lý Hề là người nước Ngô, mà nước Ngô mất, nhưng khi ông đến nước Tần thì làm cho nước Tần thành bá chủ, không phải ông ấy ở Ngô thì ngu và ở Tần thì mưu trí, mà ở chỗ ông được dùng hay không được dùng, nhà vua nước ấy nghe lời ông hay không nghe lời ông mà thôi. Nếu Thành An quân chịu nghe theo mưu kế của ông, thì kẻ hèn này sao đến được đây. Kẻ hèn này sẽ thật lòng theo kế sách của ông, xin

chớ từ chối!”. Quảng Vũ quân nói: “Người trí nghĩ nghìn điều, ắt có một điều sai; kẻ ngu nghĩ nghìn điều, cũng có một điều đúng’, cho nên lời nói của kẻ nông cuồng, thánh nhân cũng xét chọn’. Sở dĩ mưu kế của tôi chưa đủ sức tin dùng, chỉ là lời của kẻ ngu trung. Cho nên người mưu trí bách chiến bách thắng như Thành An quân, mà bị chém. chết trên sông Trĩ, Ngày nay, tức hạ đánh bắt vua Ngụy, cầm tù vua nước Hạ, chưa tới 10 buổi sáng phá tan 20 vạn quân Ngụy, giết Thành An quân, danh vang hải nội, uy chấn chư hầu, nhân dân không ai mà không ngóng chờ lệnh của tức hạ. Tuy nhiên quân lính đã quá gian lao mỗi một, thì khó bắt họ chiến đấu cho tốt. Ngày nay nếu tức hạ đem quân mỗi một của mình mà đánh nước Yên thành cao hào sâu kiên cố, thì không nên vì khó thắng được. tuy có tinh thần mà không đủ sức đánh, cuộc chiến sẽ kéo dài, hậu cần thiếu thốn, mà nếu nước Yên không bị phá thì nước Tề thừa cơ tự cường. Hai nước dựa nhau, thì quyền hành của họ Lưu họ Hạng chưa thể nói ai hơn ai. Theo tôi, bây giờ nên án binh bất động cho quân nghỉ ngơi, dưỡng sĩ đại phu, phòng giữ đường đi nước Yên, sau đó cử một đoàn sứ giả, mang thư đến nước Yên, nhất định nước Yên không dám không vâng theo, Từ nước Yên mà đi về hướng đông đến nước Tề, tuy là người có mưu trí cũng không biết nước Tề chống lại như thế nào. Tức hạ làm như thế, thì chuyện đại sự thiên hạ có thể mưu đồ được. Chuyện quân sự, tiên thanh hậu thực là vậy đó”. Hàn Tín nói: “hay!” rồi cử sứ giả mang thư đến nước Yên, nước Yên phải vâng theo. Rồi Hàn Tín kéo quân qua sông đóng giữ Long Khư, đánh phá quân của Long Thư đại tướng quân nước Sở, giết chết Long Thư. Mất Long Thư, Hạng vương lo sợ, cử Vũ Thiệp đi tìm Hàn Tín. Hàn Tín từ tạ nói: “Tôi phục vụ Hạng vương mấy năm, chức quan không quá chức Lang trung, địa vị không quá Chấp kích, góp ý vua chẳng nghe, bày mưu vua không dùng nên đành phải bỏ Sở quy Hán, Hán vương giao cho tôi ấn Thượng tướng quân, chỉ huy mấy vạn quân, cởi áo bào của

vua choàng qua cho tôi, ăn cơm cùng mâm với tôi, một mực nghe lời tôi khuyên, dùng mưu kế của tôi đề xuất, đãi tôi đến như thế, với vị quân vương như thế làm sao bỏ đi cho được!”. Vũ Thiệp tay không ra về, cho thông báo khắp thiên hạ quyền hành nơi Hàn Tín, ý nói là kẻ tam phân thiên hạ. Hàn Tín không nỡ bỏ nhà Hán, lại tự lập công quá to, Hán không chiếm đoạt nước Tề, bèn không nghe.

Hạng Vũ qua đời, Hàn Tín được phong làm Sở vương, khi đến nhậm chức Hàn Tín điều quân ra vào. Có người tâu lên Hán vương là Hàn Tín muốn làm phản, Lưu Bang lập kế, giả vờ đi săn ở Vân Mộng, gọi Hàn Tín đến cùng đi săn. Hàn Tín đến thì Lưu Bang sai võ sĩ bắt trời đặt nằm sau xe. Hàn Tín nói: “Đúng như người đời bảo ‘săn được thỏ rồi, thì giết chó thôi’”. Lưu Bang nói: “Người ta tố ông làm phản”. rồi từ đó không tin Hàn Tín nữa. Đến Lạc Dương, Hàn Tín được tha, nhưng không cho về Sở mà phong làm Hoài Âm hầu, Hàn Tín cho rằng Lưu Bang kị tài của mình, nên cáo bệnh không đi châu nữa.

Nhóm 6 tướng có công với nhà Hán được phong Hoài Nam vương. Đến năm thứ 11, Cao hậu giết Hàn Tín, vẫn chưa yên tâm, giết tiếp Bành Việt, mổ thịt làm mắm gửi tặng cho 4 vị vương chư hầu kia. Anh Bố thấy thịt Bành Việt thì rất sợ hãi, dấy binh làm phản. Được tin, Lưu Bang hạ chiếu hỏi chư tướng: “Anh Bố làm phản, chúng ta làm sao đây”. Chư tướng đều nói: “Phát quân dẹp loạn chứ còn làm sao nữa!” Nhữ Âm hầu Đằng công, đem câu ấy hỏi khách là Tiết công, Tiết công nói: “Làm phản là đúng chứ” Đằng công nói: “Vua đem đất đai phong cho họ, phong cho họ tước vị sang quý, đất nước thống nhất lập vua làm chủ vạn quân, sao lại làm phản?” Tiết công nói: “Năm trước giết Bành Việt, năm sau giết Hàn Tín, ba người Việt, Tín, Bố đều đồng một thể công lao, Anh Bố cho rằng tai họa sắp đổ xuống đầu, nên dấy binh làm phản”.

Sở Nguyên vương Giao, là em của vua Cao tổ. Chết của

Lưu Hướng là Lưu Hướng tên là Canh Sinh, tự là Tử Chính, làm quan gián đại phu. Lưu Hướng đi gặp hai người là quan Cấp sự trung Quang lộc huân Chu Kham và Quang lộc đại phu Trương Mãnh để tham khảo, rồi Lưu Hướng ra mắt vua, tâu: “Trước đây thần may là người họ hàng cốt nhục với vua mà được làm chức quan trong cửu khanh, vì phụng pháp bất cần, lại được ơn trên chiếu cố cho khỏi tội. Thiết nghĩ, tai họa cùng nổi lên, trời đất thất thường biểu hiện của đất nước. Thần vẫn muốn sẽ không bàn chuyện triều đình nữa, nhưng thần nghĩ rằng các bậc trung thần tuy ở vùng sâu vùng xa, đã không bỏ vua, hướng thần là chỗ bà con ruột thịt với vua. lại thêm mối ơn xưa nữa! thần nghe rằng vua Ngu Thuấn ra lệnh cho cửu quan, cùng nhường nhịn nhau, thật là hòa mục. Các quan cùng hóa nhau nơi triều đình thì ngoài đồng ruộng vạn vật hòa với nhau. Cho nên trong tứ hải cũng hòa theo thôi. Đến khi Chu Văn vương mở nghiệp tại miền tây thì người hiền lẫn lộn, không lộ cái hiền tài được, chưa có phong cách sùng suy nhường nhịn. khiến cho kiện tụng tranh giành nhau.

Vũ vương Chu công kế tiếp lo việc cai trị, nội bộ triều đình hòa thuận, vạn nước chư hầu bên ngoài cũng ổn định hòa bình..., cho nên ai cũng hài lòng, vui vẻ siêng thờ cúng ông bà tổ tiên. Cho đến thời hai vua Chu U vương, Chu Lệ vương thì triều đình bất hòa, nói xấu nhau, ghét bỏ nhau, Người quân tử miễn cưỡng trong việc cai trị, gượng gạo làm theo những việc của nhà vua giao, ghét cay ghét đắng những lời gièm pha tố cáo. Cho nên Kinh Thi có bài thơ: *“Mặt vật từng sự, bất cảm cáo lao. Vô tội vô cô, Sàm khẩu ngao ngao”*. Thời bấy giờ, nhìn lên trên cao xem sự biến động của ông trời, nhìn xuống dưới xem sự thay đổi của mặt đất, nước sông suối sục sôi dậy sóng, núi non hang hốc có khuynh hướng thay đổi, khí tốt thì nước nhà an vui, thay đổi thì đất nước lâm nguy, đó là nghĩa lý phổ biến xưa nay, lẽ thường của trời đất. Nay bệ hạ mở nghiệp lớn thời Tam đại, tập hợp các bậc sĩ phu trong thiên hạ, khoan

dung, vui vẻ, khiến mọi vật đều cùng nhau tiến tới. Ngày nay, bậc hiền tài với kẻ bất tiết lẫn lộn, trắng đen khó phân, chính tà đan xen, người trung kẻ nịnh giống như nhau, triều thần tố cáo lẫn nhau, đúng sai chuyển tương, văn thư phân củ, hay dờ lẫn lộn. Cho nên tai mắt của người ta trở nên lơ mơ, tâm ý thay đổi, không thể chính xác. Chia rẽ lập bè cánh, phe đảng, cùng lòng hãm hại ngăn cản bước tiến của các bầy tôi chân chính, thần tử trung chính bị hãm hại là biểu hiện trong việc cai trị, có mầm mống đẩy tới loạn lạc. Nhìn thấy mầm mống loạn lạc qua mấy tai họa đồ ập đến, khiến cho thần lấy làm lo lắng. Phàm người thừa quyền tịch thế thì đám đệ tử, lần lượt tụ tập nơi triều đình, những người làm vây cánh cho họ, âm thầm phụ tá rất đông đảo, tất nhiên dù hay dù dở cũng xảy ra, đến cuối cùng mới biết tốt hay xấu. Là vì mặt trời, mặt trăng không có ánh sáng, tuyết sương rơi xuống che lấp hang gò, sao trời ngưng đổi ngôi, cho biết oán khí chất chồng rồi vậy. Phàm con đường suy bại của triều Chu, thì theo sự gạn lọc của các nhà thơ làm thơ Nhã, thơ Tụng, ca ngợi đời thái bình, của các bậc tiền nhân, từ niên hiệu Sơ Nguyên đến nay là sáu năm, chiếu theo sách “Xuân Thu” thì trong 6 năm ấy chuyện trời giáng tai họa không nhiều như ngày nay. Dùng người tài đức trong việc cai trị thì tốt đẹp, nhưng nếu họ bị vu vạ thì bậc tài đức rút lui dần, việc cai trị tệ dần. Phàm khi lòng vua còn hồ nghi thì tiếng nói ở triều đình chỉ là tiếng nói của bọn gièm pha nịnh nọt, là mở cửa cho bọn gian tà ùa vào.

Bọn tà gian nịnh hót tiến tới thì bậc hiền đức tháo lui, nhiều sự việc bậy bạ nổi lên, người chân chính bị bịt miệng, nên “Kinh Dịch” có quẻ Bĩ và quẻ Thái, khi đạo tiểu nhân lớn thì đạo quân tử bị phong tỏa. Chính trị ngày một loạn, nên gọi là Bĩ, Bĩ tức là bế tắc loạn lạc. Trái lại khi đạo quân tử nổi lên thì đạo tiểu nhân bị phong tỏa. Đạo tiểu nhân bị phong tỏa thì chính trị ngày một yên trị, nên gọi là Thái. Thái nghĩa là thông suốt và yên trị. Ngày xưa ông Cỗn, ông Cung

Công, ông Hoan Đâu với vua Thuấn, vua Võ cùng thuộc triều vua Nghiêu, còn ông Chu công với các ông Quản, Sái cùng làm quan triều nhà Chu, thời bấy giờ, đúng sai thiện ác cùng đấu nhau, nói năng báng bổ nhau mà đạo vẫn thắng! Đế Nghiêu, Chu Thành vương được những bậc hiền đức như Thuấn, Võ, Chu công mà phong tước được các tên xấu ác như Cung Công, Quản, Sái nên thiên hạ đại trị. Khổng Tử cùng các giai sĩ như ông Quý, ông Mạnh khi ở nước Lỗ, ông Lý Tư, ông Thúc Tôn cùng làm quan cho triều Tần. Tể tướng Lý Tư dẹp bỏ sách của Khổng Tử, Thúc Tôn, cho nên loạn to. Vì đầu mối của trị, của loạn, của vinh của nhục tại nơi tín nhiệm. Đã tín nhiệm người hiền đức lại ở chỗ bền lòng không thay đổi. Kinh “Thi” có câu: “Lòng ta như đá tảng, không hề lay chuyển”. Lời nói dộc lòng vì thiện. Kinh “Dịch” viết: “Hoán hân kỳ đại hào”. Lời nói hiệu lệnh như mồi hôi, mồi hôi đã vã ra thì không thể hút trở lại được. Ngày nay hiệu lệnh đã ban ra, thì không thể nào thu hồi trở lại. như vãi mồi hôi vậy; Sử dụng bậc tài đức chưa được ba tuần (một tháng) mà rút lại, như là chuyển đá vậy. Sách “Luận ngữ” viết rằng: “Nhìn thấy chuyện bất thiện như chọc tay vào nước sôi”. Ngày nay hai phủ trình tâu, kẻ nịnh nên đuổi đi không cho làm quan, trải từ năm này qua năm khác không bỏ. Ra mệnh lệnh ắt như vãi mồi hôi, sử dụng bậc hiền tài như vận chuyển đá, khử bọn gian nịnh như việc bạt núi, mà mong sự điều hòa của âm và dương, cũng không phải là dễ đâu! Như là bọn tiểu nhân lén nhìn trộm qua khe cửa không rõ đầu đuôi mà ồn ào ba hoa nói nóng huyên náo nhân gian. Cho nên Kinh Thi mới có bài thơ: “Ưu tâm tiểu tiểu uẩn ư quần tiểu”. Bọn tiểu nhân hợp thành bầy. Ngày xưa đức Khổng Tử được tôn sùng cùng Nhan Uyên, Tử Cống, không làm thành băng đảng; Ông Võ ông Tác cùng với ông Cao Dao, được yêu mến tôn sùng là tại làm sao vậy? Tận trung với nước, không chút tà tâm. Cho nên bậc người tài đức luôn được tôn trong bậc nhất, thì các người ấy sẽ đưa

những hạng người như mình vào triều đình; Tại hạ vị, thì cùng họ đều tiến, Cho nên vua Thành Thang sử dụng ông Y Doãn thì bọn bất nhân tránh xa, còn những người tài dù ở xa cũng tìm đến vì họ cùng biết lẫn nhau. Ngày nay, bọn nịnh tà lẫn lộn với người tài đức, đấu đá trong nội bộ, lập nhóm cùng âm mưu, làm chuyện xấu ác, vi phạm điều thiện, nhiều lời nói nguy hiểm, muốn lật đổ nhà vua. Nếu như bỗng nhiên sử dụng chúng thì trời đất giáng điềm báo trước, rồi tai họa lần lượt xảy ra.

Từ thời cổ, nếu các bậc minh thánh không giết kẻ xấu thì làm sao đất nước yên trị cho được, nên vua Thuấn đã phạt bọn “tứ phóng”, đức Khổng Tử đã đòi giết bọn “lưỡng quan”, nên các vị hậu thánh sau đó mới thực hành làm theo. Ngày nay, nhờ chỗ minh trí của bệ hạ, chân thành suy nghĩ đến cái tâm thiên hạ, theo gương đòi giết bọn “lưỡng quan”, soi xét hai quẻ Bĩ, Thái, đối chiếu với lịch sử tiến bộ thời Chu, thời Đường (Nghieu) mà định ra pháp luật, lấy chuyện nước Tần, nước Lỗ mà răn mình, tham khảo cái phước nơi các điều hay lẽ phải, tham khảo các tai họa của tai dị để tính toán ước lượng những diễn biến trong thời hiện tại. Xa rời bọn nịnh nọt tà gian, dẹp bỏ các đám tụ tập nói bậy nói bạ, không nghe bọn tà gian ăn nói xiên xẹo, mở rộng con đường chân chính cho dân. Quyết đoán, không còn suy tính lung tung, không do dự khiến cho mọi sự đều được sáng tỏ, thì cả trăm bách tai dị bị tiêu diệt, xuất hiện các điềm lành, đặt nền móng thái bình thịnh trị, đem lợi ích cho vạn thế vậy”.

Lại chuyện vua Thành đế tính xây dựng Xương lăng, mấy năm không thành, chi phí quá xa xỉ, có quan dâng sớ can gián rằng: “thần nghe sách “Dịch” viết ‘an bất vong nguy, tồn bất vong vong’ thì bản thân được yên mà nước được bảo toàn”. nên các ông vua hiền thánh, hiểu rộng biết nhiều, đầu đuôi gốc ngọn, am tường tam thống (thiên thống, địa thống, nhân thống), thiên mệnh trao cho rộng rãi mọi người, không phải cho riêng một dòng họ nào. Thầy Khổng bàn luận Kinh Thi đến chỗ “Ân sĩ lỗ mẫn, quán tướng ư kinh”, rồi bùi ngùi than

rằng “Thiên mệnh lớn thay! điều thiện không thể không truyền cho con cháu, là vì phú quý vốn vô thường. Không như thế thì các vương công còn biết tự răn mình làm chi, dân còn gắng gỏi làm chi?” Cho nên thương ông Vi tử thờ nhà Chu mà đau lòng vì nhà Ân bị tiêu diệt. Tuy có hai ông Nghiêu, Thuấn là thánh vương, cũng chẳng thể giáo hóa con là Đan Chu làm người tốt; Tuy có đạo đức của vua Võ vua Thang cũng không cản được nầy nòi cháu chất hung ác là vua Kiệt vua Trụ sau này. Từ xưa đến nay chưa có chuyện một nước nào không tới thời suy vong, cho nên người làm vua thường luôn cảm thấy lo sợ tới khi triều đại nhà mình bị mất. Cái mà thầy Khổng bảo “phú quý vô thường”, là nói về việc ấy đấy. Hoàng đế Hiếu Văn khi ở đất Bá Lăng nói: “Dùng đá núi bắc sơn làm quách, sao mà nhiều khô vậy!”. Ông Trương Thích Chi tâu lên: “Là có ý muốn nói rằng dù là thứ đá tốt ở núi bắc khi ghép lại vẫn còn khe hở; còn không thì tuy không có quách bằng đá chẳng được sao?” Đến khi vua Hiếu Văn qua đời, bảo người ta chôn đơn sơ. Kinh “Dịch” có câu: “Cổ chi táng giả, hậu y chi vi tân táng chi trung dã, bất phong vi thụ, thánh nhân đời sau, dùng quan quách đơn giản hơn”. Vua Hoàng Đế chôn ở núi Cảo sơn, vua Nghiêu chôn ở Tế Âm, nắm mồ nhỏ, đồ lễ chôn theo rất ít. Vua Thuấn chôn ở Thương Ngô, hai bà vợ không chôn cùng nơi với chồng. Vua Hạ Võ chôn ở Cối Kê. Những vị này đều không được cải táng. Vua Thành Thang không rõ chôn ở đâu, vua Chu Văn vương, Chu Vũ, vương, ông Chu công đều chôn nơi đất Tất, vua Tần Mục công chôn ở đất Ung, ông Xư Lý Tử chôn nơi ư vũ khổ, các ngôi mộ ấy đều không có nắm cao đặc biệt. Các thánh đế minh vương hiền quân trí sĩ ấy trí rộng tài cao, suy nghĩ tính toán không ai sánh kịp.

Các vị hiền thần hiếu tử cũng theo đó đồng tình tổ chức việc an táng đạm bạc, đó là tấm lòng thành thật phụng dưỡng an táng vua chúa cha mẹ, trung hiếu trọn vẹn. Cho nên người con hiếu như thầy Khổng Trọng Ni, trung thần như ông Thuấn, vua

Võ, hiếu đễ như ông Chu công thầy đều làm mộ của cha mẹ mình, đều cũng rất đơn giản, đạm bạc vậy! Đừng cho tiết kiệm thì không đủ lễ. Việc ông Tống Hoàn Tư mã làm quách bằng đá, thầy Khổng ý kiến rằng: “Không bằng để cho tiêu hủy nhanh”. Đến vua Ngô là Hạp Lư tổ chức lễ an táng long trọng sai với lễ, hơn mười năm sau thì bị người Việt chiếm mất nước. Đến 5 vua: Tần Huệ, Văn, Vũ, Chiêu, Nghiêm Nhưong đều lập mộ cho cha mẹ to đùng, thì phần lớn sau đó bị quật lên, quả là quá đau đớn vậy. Vua Tần Thủy hoàng chôn nơi ngọn đồi to thuộc Li sơn, nhìn xuống tam tuyền, bên trên đắp đất thành núi, quan quách tốt và đẹp, được bảo vệ chăm sóc rất tốt, nhưng cũng không ổn. Lại giết chết nhiều cung nhân, chôn sống thợ thuyền đến cả vạn người. Nhân dân khổ vì lao dịch, nổi lên làm phản, Xây mộ ở Li sơn chưa xong mà hàng trăm ngàn quân kéo đến phá hoại. Trong vòng có mấy năm, bên ngoài có nạn Hạng Tịch nổi lên chống, bên trong xảy ra cái họa Mục Thụ, há chẳng là đáng buồn hay sao! Đó có nghĩa là đức thì nên càng dày mà chuyện mai táng cha mẹ thì nên đơn giản, bậc trí càng sâu xa thì việc tống táng thường gọn gàng, còn kẻ ít đức thiếu trí thì hay làm to chuyện, mồ mả tổ tiên thì to cao, miếu thờ hoa lệ, chẳng bao lâu lập tức mồ bị quật. Từ đó mà xem xét thấy rằng hiệu quả chuyện cát hung trong tống táng đã rõ như ban ngày. Bệ hạ tức vị, khiêm cung tiết kiệm, xây lăng ban đầu làm mộ nhỏ vừa mà thôi, thiên hạ không ai không cho là sáng suốt. đến khi làm mộ chính thức thì chỉ cho đắp thêm vào cho cao. Còn đắp đất thành núi, bắt dân lao khổ vì mộ phần, người làm có tới số vạn, phí cả vạn công. Người chết nằm trong mộ không đành lòng mà người sống trên đời thì oán sâu, oán khí động đến cả hai khí âm và dương, người thì đói khổ, vật thì ly tán lưu lạc, có đến số vạn, khiến trời đất mù mịt. Dùng người chết để làm thanh thế, qua việc xây to mồ mả thì hại rất lớn vậy! Có biết như thế hay không mà thích làm to việc tống táng?

Các người hiền đức mưu trí đều không thích làm vậy, họ

còn mong mọi người không phải khổ sở vì việc ấy, nhưng nếu có những người ngu muội xa xỉ ham hố thì nên làm hay sao! Bệ hạ là người nhân đức làm nhiều chuyện tốt đẹp, thông minh cơ trí trù mĩ, mà xem rối loạn thời nhà Tần bạo ngược, cực kỳ xa xỉ, lập mồ mả tứ phương không thể so sánh, rất đẹp lòng kẻ ngu phu, được lên hương một thời và không hài lòng các bậc hiền trí thì mong lâu dài vạn thế sao được, thần trộm nghĩ bệ hạ cũng cho là việc ấy đáng xấu hổ. Bệ hạ chỉ nên nhìn qua trên có các chế độ của các vị thánh minh như là Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công, Trọng Ni, dưới xem các ý của Mục công, Đình Lăng, Xư Lý, Trương Thích Chi, Hiếu Văn hoàng đế tổng tắng người thân đơn sơ, nguyên tắc dùng kiệm ước yên thần; Tần Chiêu, Thủy Hoàng cho làm mồ to, chôn cất trọng hậu để di hại về sau, cái gương ấy đủ để răn mọi người. Mô phỏng việc chôn tạm (sơ lăng), nên theo sự bàn luận của các quan công khanh đại thần rồi ban bố nhân dân không nên làm lễ tang to, không nên xây dựng mồ mả hoa lệ hao công tốn của”. Bàng tâu dâng lên vua, nhà vua rất cảm động lời tâu của Lưu Hướng nhưng không thể theo kế ấy, Lưu Hướng biết nhà vua chưa có Thái tử nối ngôi sau này việc triều chính do một tay họ Vương, bèn ra sức can gián nói: “Thần nghe người ta nói rằng ‘yên ổn, nhưng mà cứ bị nguy, không ai là không muốn làm vua lâu dài nhưng cứ phải bị mất, là vì các ông vua ấy không có bày tôi hiền đức bày biểu cho. Phàm vị đại thần cầm giữ quyền bính, cai trị đất nước không làm gì có hại cho đất nước. Ngày xưa nước Tấn có 6 quan Khanh, nước Tề có họ Điền, họ Thôi, nước Vệ có ông Tôn, ông Ninh, nước Lỗ có ông Quý, ông Mạnh, họ thường được giao việc trị nước, đời đời nắm quyền điều khiển triều đình, Về sau thì họ Điền chiếm nước Tề, 6 quan khanh chia nhau nước Tấn, Thôi Trử giết vua Quang, cha của Tôn Lâm, Ninh Thực xuất kỳ quân Khản, giết vua Phiếu. Quân lính của họ Quý đuổi vua Chiêu công, đều thuộc âm thịnh dương suy (vì), đạo thần tử

bị hạ thấp đến mức cùng cực. Cho nên Kinh “Thư” có câu: “Bây tôi mà trở nên làm oai làm phúc, thì nhà bị suy hại, nước bị tai họa”. Đức thánh Khổng nói: “Lộc bỏ nhà công ra đi thì quan đại phu bị đuổi khỏi việc chính trị”. Đó là điềm xấu báo hiệu nguy vong. Từ Cử Nhượng hầu thuộc triều vua Tần Chiêu vương đến Kính Dương quân, Diệp Dương quân, mượn oai của Thái hậu, chuyên quyền trong cai trị quốc gia, ba người ấy, oai quyền lớn hơn cả vua Chiêu vương, nhà giàu hơn nước Tần, thì nước Tần bị lâm nguy, nhờ dựa vào lời nói của Phạm Thư mà nước Tần phục tồn. Vua Tần Nhị Thúc tín nghiệm Triệu Cao, mà Triệu Cao chuyên quyền tự tung tự tác, qua mặt đại thần, cuối cùng nước Tần bị cái họa “*Diêm lạc vọng di*” mà nước Tần bị diệt vong. Chuyện chưa xa, các triều đại nhà Hán. Khi nhà Hán hưng thịnh, bọn họ Lữ vô đạo, tự chuyên tôn vương, Lữ Sảo, Lữ Lộc nhờ vào sự sủng ái của Lữ hậu, làm tới tướng quân, tính lật đổ nhà Hán diệt họ Lưu.

May nhờ các đại thần trung chính như Giáng hầu, Chu Hư đốc lòng trung thành tận tiết đứng lên giết hết, khôi phục cơ nghiệp họ Lưu. Ngày nay họ Vương làm hoạn quan, đến 23 người, nắm quyền nội cung, làm tay chân thân tín kề cận nhà vua. Quan đại tướng quân cầm quyền chính, năm vị hầu thì kiêu xa ngày một thêm đậm, đều làm oai làm phúc, tự tung tự tác, làm những việc mờ ám, làm việc riêng của mình lại nói là việc công. Ý thế là cậu của Thái tử, dựa thế Đông cung, nên càng thêm oai. Các quan Thượng thư, cửu khanh, quan đầu quân đều xuất thân từ cửa ấy. Chúng nắm cái then chốt, thì triều đình còn lọt vào họ tộc nào khác cho được! Chúng mặc sức tăng bốc lẫn nhau, cùng thăng tiến chức vị, bọn nịnh thần dẻo miệng còn siểm nịnh tô vẽ chuyện chúng làm cho có vẻ bài bản, chúng còn ngổ ngược hại người trung lương, rồi bằng lời tâu của quan chấp chính, dần dần gạt hết người trong tông thất nhà vua, cô lập làm họ tộc nhà vua suy yếu, khiến những người tài trí nếu không bị hủy hoại thì cũng không thể

tiến được, rồi xa dần trách nhiệm đối với tông thất nhà vua, sợ việc chia quyền cho mình. Chúng tránh các tên Lữ, Hoắc, không muốn ai nhắc tới, trong bụng có mầm Quân, Sái, mà bên ngoài giả dối bàn luận công việc như ông Chu công. Anh em họ hàng nương cậy coi trọng nhau là chuyện tất nhiên. Trải từ thời thượng cổ đến nhà Tấn, nhà Hán chưa có khi nào bọn ngoại thích được quý trọng như họ Vương bây giờ. Thời Chu Hoàng Phủ, Tấn Nhương hầu, Hán Vũ An, Lữ, Hoắc, tuy đều có các vị thượng quan, nhưng không sánh bằng họ Vương ngày nay. Vật thịnh tất nhiên biết trước rằng sẽ có sự biến hóa phi thường “*vi kỳ nhân vi tượng*”. Vào thời vua Hán Hiếu Chiêu đế, xảy ra hiện tượng lạ, hòn quan thạch mọc lên trên núi Thái sơn, cây liễu mọc nghiêng trên núi cao mà Hiếu Tuyên đế lên ngôi vua, ngày nay nơi phần mộ của tổ tiên nhà họ Vương ở Tế Nam cây tử khô làm cột đột nhiên trở nhánh lá, mọc xuyên qua mái nhà, gốc rễ ăn vào đất. Xét hiện tượng đá mọc liễu nghiêng nơi núi Thái sơn thì điềm trời cho thấy rồi đó. Trên đời không thể tồn tại một người có hai cái đầu, nên họ Vương và họ Lưu cũng không thể cùng đứng một lúc được. Đối chiếu hiện tượng lạ trên núi Thái sơn, thì cái mầm móng nguy cơ đã rõ. Bộ hạ là con cháu họ Lưu, làm người thủ trì tông miếu của dòng họ, lại để vận nước chuyển qua tay họ ngoại, đẩy dòng họ cao quý thành hèn kém. Bản thân không đảm bảo nói chỉ đến tông miếu xã tắc! Người phụ nữ trong nhà chồng, là người ngoài họ tộc mình thì cũng không phải là phước của Hoàng thái hậu. Vua Hiếu Tuyên không chia quyền cùng các ông cậu Bình Xương hầu, Lạc Xương hầu, nên an ổn hoàn toàn. Bậc vua sáng mở điều phước lộc khi chưa có dấu hiệu, dẹp được hoạn nạn từ khi nó chưa xảy ra. Nên phát tiếng nhạc êm, hát lời đạo đức, vun bồi tông thất, thân gần những người uy tín, xa lánh họ ngoại, không cho cầm quyền, thì làm đúng như việc làm của đấng tiên đế, trọng đãi bên ngoại, thì là chu toàn với tông tộc đúng với mong muốn của Đông cung, trong ngoài nội

ngoại đều có phước vậy. Họ Vương trường tồn, giữ được tước lộc, họ Lưu yên vị lâu dài, không mất xã tắc. Thế cho nên, giữ được hòa mục trong ngoài, nội ngoại, là kế sách vô cương cho con cháu. Nếu không làm theo kế sách này thì sẽ xuất hiện họ Điền cướp ngôi nước Tề, bọn lục khanh sẽ nổi lên xé tanh banh nước Hán. Lo cho lớp kế nghiệp sau này, cái mưu đồ sâu xa thật quá rõ ràng, không thể không tính sớm vậy.

Chỉ có bệ hạ suy nghĩ sâu xa như bậc thánh, biết những chuyện đã qua để tự cảnh giới khiến cho vạn sự được an lành, bảo trì tông miếu, thừa theo ý của Hoàng Thái hậu, thì thiên hạ rất là may”; Thư tâu lên vua, vua cho triệu kiến, than thở, ý bi thương, bảo rằng: “ông nghỉ ngơi đi thôi, ta cũng đang nghĩ đến điều đó”. Sau đó mỗi lần triệu kiến, nói đến họ hàng của vua, là cành lá của quốc gia, cành lá rơi rụng, thì chẳng thể che chở gốc cây, mà ngày nay họ hàng bà con thì xa cách nhạt. phai dần, bên họ ngoại thì nắm nhiều quyền chuyên chính, lợi lộc vượt khỏi tay họ nhà vua, quyền hành trong tay họ ngoại, nên họ tông thất nhà vua như một họ bình dân, không thể làm cho họ Lưu mạnh được nữa rồi. nói gì đến việc bảo hộ xã tắc, kể gì đến chuyện con cháu nối nghiệp sau này! LưuHương thấy vua tin lời mình, các quan to họ Vương đang tại vị nên thường những lời ca tụng tông thất, lời lẽ thống thiết đến mấy, từ chỗ chí thành, cuối cùng cũng không được dùng. 13 năm sau khi Lưu Hương qua đời thì họ Vương soán ngôi nhà Hán.

QUÝ BỐ

Quý Bố, người nước Sở, được Hạng Tịch phong làm tướng, nhiều lần gây khốn Hán vương. Sau khi Hạng Tịch bị diệt, Hán Cao tổ treo thưởng ngàn vàng cho ai bắt giải Quý Bố, ai che dấu thì

bị tru di tam tộc. Quý Bồ trốn nơi nhà họ Chu, ở Bộc Dương. Ông chủ nhà họ Chu cho cắt tóc Quý Bồ, cho mặc đồ nghèo hèn, để trong xe tù chở đi bán rẻ cho nhà họ Chu nước Lỗ làm tội tở. Ông chủ nhà họ Chu nước Lỗ biết là Quý Bồ, mua về sai làm ruộng ở tận Lạc Dương, ra mắt Nhữ Âm hầu Đằng công nói: “Quý Bồ tội gì vậy? làm bầy tôi dưới quyền chủ sử dụng, mà có chức. Bầy tôi của họ Hạng phải giết hết hay sao? Nay đức kim thượng vừa lấy được thiên hạ, nếu lấy oán riêng mà trả thù một người thì không phải người rộng rãi! Quý Bồ là người tài, nhà Hán rất là cần, nếu không dùng đến thì không chừng Quý Bồ có thể đầu rợ Hồ phía bắc, rợ Việt phía nam. Phàm nếu sợ bậc tráng sĩ, đi giúp cho nước địch. Ngày xưa Ngũ Tử Tư cho quật mộ Sở Bình vương đánh thi thể trả thù người giết cha mình. Ông nên tâu lên vua vụ việc này”. Đằng công thâm biết lòng nhân từ của người bán Quý Bồ nên hứa sẽ tâu lên. Ít lâu sau, đúng như lời của ông họ Chu bán Quý Bồ, nhà vua đại xá cho Quý Bồ, còn bổ trí làm Thái thú Hà Đông. Đến thời vua Hán Hiếu Văn, có người nói Quý Bồ có tài nên Quý Bồ được vua triệu về triều làm quan Ngự sử đại phu, lại có người tâu Quý Bồ là người vũ dũng, uống rượu không say. Quý Bồ về triều ở nơi nhà khách một tháng, rồi cho về. Quý Bồ tâu: “Khi thần làm việc ở Hà Đông, bỗng dưng được bệ hạ gọi về triều, người ấy nhất định cho thần coi thường bệ hạ. Nay thần về triều chưa nhận việc thì bảo trở về, người ấy nhất định chê trách thần. Phàm nghe theo một người khen thần mà triều thần rồi nghe theo một người chê trách thần rồi đuổi về, thần e rằng, những bậc có kiến thức nghe việc này sẽ nghị luận không tốt cho bệ hạ”. Nhà vua im lặng có vẻ thẹn rồi nói: “Hà Đông là quận yết hầu nên đặc biệt giao cho ông”.

LOAN BỐ

Loan Bố, người nước Lương, làm quan đại phu nước Lương, khi

đi sứ nước Tề chưa về thì vua Hán triệu hồi Bành Việt, khép tội mưu phản, kết tội tru di tam tộc. Bêu đầu ở dưới thành Lạc Dương, chờ người đến khóc thì bắt trị tội. Loan Bồ trở về, nghe chuyện Bành Việt bị nấu chết, thì thương tiếc lập bàn thờ cúng khóc, quan sở tại biết chuyện báo lên, nhà vua đòi Loan Bồ đến châu rồi mắng: “Nhà ngươi tính theo Bành Việt làm phản hay sao? Ta đã ra lệnh cấm không ai được nhắc đến, nay ngươi lập bàn thờ khóc cúng, rõ là có ý phản, muốn bị nấu hả!”. Khi đem đồ nấu ra, Loan Bồ nói: “Thần xin nói vài lời rồi chết cũng cam”. Vua bảo: “Nói đi”. Loan Bồ nói: “Khi vua bị vây khốn ở Bành Thành, bị đánh bại ở Huỳnh Dương. Sở dĩ Hạng vương không đánh về hướng tây vì Bành Việt chiếm đóng ở đất Lương rồi, hợp tung với Hán mà chặn được quân Sở. Bây giờ, nếu Bành Việt theo Sở thì Hán bị phá. Mà việc hội quân ở Cai Hạ nếu không có Bành vương thì họ Hạng không thua. Khi thiên hạ đã định, Bành vương cắt thể chịu thụ phong, cũng muốn hưởng vinh hoa vạn thế. Ngày nay, nhà Hán đem quân tràn ngập đất Lương, Bành vương vì bệnh không đến được, bị nghi làm phản. Phán đầu chưa thấy, mà giết chết ba họ nhà Bành vương, thần e rằng các công thần ai cũng lo cả. Nay Bành vương đã chết, thần sống không bằng chết, xin được nấu như Bành vương”. Nhà vua tha cho Loan Bồ, phong làm chức Đô úy.

TIÊU HÀ

Tiêu Hà, người đất Bái, Sau khi giết Hạng Vũ, Lưu Bang lên làm vua, bắt đầu chuyện luận công lao của những người theo mình đề phong chức tước. Quần thân đều tranh công, hơn một năm mà chuyện phong tước chưa xong. Vua Hán Cao tổ cho Tiêu Hà có công lớn nhất, phong tước Toàn hầu, được hưởng thực ấp 8 ngàn hộ. Các người kia nhao nhao phản đối, họ nói: “Chúng thần xông pha trận mạc, đánh trên trăm trận, ít thì

cũng hàng chục trận, thân mình bị thương hàng chục chỗ, công thành lược địa phò tá sát bên chúa công. Nay Tiêu Hà chẳng có chút công lao chiến đấu nào mà đứng trên chúng thần nghĩa là sao?”. Lưu Bang nói: “Các ông có rành chuyện đi săn thú rừng không?” Họ đồng thanh: “Biết ạ” Lưu Bang nói: “Biết chó săn không?” họ nói: “Biết”. Hán Cao tổ nói: “Phàm đi săn thú rừng truy đuổi con thú là đám chó săn, nhưng phát ra lệnh truy đuổi và chỉ chỗ con thú nấp chính là con người. Các ông đánh giặc tì như bày chó săn rượt đuổi con thú, công lao như vậy thôi. Còn Tiêu Hà, người đưa ra chỉ thị là công như người chỉ huy đàn chó săn. Các ông phò tá ta, trong tộc họ của mình nhiều nhất cũng chỉ vài ba người, còn Tiêu Hà có cả chục người theo phò tá ta, công lao của nhà Tiêu Hà không thể nào quên cho được!”. Kể từ đó không còn ai dám tranh cạnh với Tiêu Hà nữa. Sau khi phong tước cho tất cả công thần, họ còn tâu: “Bình Dương hầu Tào Tham, công thành lược địa, mình bị hơn 70 vết thương, lập công to, xin đề nghị là đệ nhất công thần”.

Quan Nội hầu là Ngạc Thiên Thu khi yết kiến vua, tâu: “Quần thần nghị luận không đúng, Tào Tham tham dự nhiều trận đánh, tuy lập được nhiều công lao, đó là chuyện nhất thời. Ngày xưa bệ hạ đánh với quân Sở suốt 5 năm, hao quân tổn lính, nhiều lần phải chạy trốn, thường được Tiêu Hà ở Quan Trung bổ sung quân lính cho bệ hạ, kể cả những khi chưa có lệnh, tính đến cả vạn quân, nên bệ hạ mới đủ sức cầm cự với Hạng vương. Phàm Hán với Sở giành nhau giữa đất Huỳnh Dương trong mấy năm, việc quân lương cũng được Tiêu Hà ở Quan Trung lo đủ. Tuy bệ hạ mấy lần bị đánh bại ở Sơn Đông, thì Tiêu Hà vẫn chờ bệ hạ, đó là công lao vạn thế. Nay tuy không có trăm công chiến trận như Tào Tham, nhưng thiếu Tiêu Hà thì liệu có còn nhà Hán không? Nay nhà Hán lấy được thiên hạ, việc thưởng công phải toàn diện, chứ không nên nhìn cái công trước mắt trong một ngày mà nên xem trọng cái công

vạn thê! Tiêu Hà mới đáng công đệ nhất, Tào Tham phải đứng sau”. Cao tổ nói: “Đúng lắm”, Sau đó ra lệnh Tiêu Hà là đệ nhất công thần, được mang kim khi vô điện, nhập triều không bảo bước. Trong ngày ấy, phong cho cha mẹ anh em Tiêu Hà trên 10 người đều có thực ấp. Tiêu Hà vì dân thỉnh tâu: “Kinh độ Trường An đất hẹp, trong vườn nuôi thú có nhiều khoảnh đất còn trống, bỏ hoang, xin cho dân được vào làm ruộng lấy rơm nuôi trâu bò”. Nhà vua giận mắng: “Tướng quốc ăn nhiều của đút của bọn lái buôn, xin chiếm vườn thú của ta”. Rồi hạ sắc chỉ cho Hạ Đình úy bắt trói Tiêu Hà giam lại. Mấy hôm sau, Vương Nha úy biết chuyện liền vào cung tâu: “Tướng quốc phạm tội gì mà bệ hạ cho trói giam vào ngục?” Vua nói: “ta nghe Tướng quốc Lý Tư nhà Tần hồi xưa, *“cái tốt dồn cho chúa, cái dở thì tự ta gánh”*. Nay Tướng quốc nhận của đút của bọn lái buôn tính xóa vườn thú của ta là my dân nên ta cho trói lại để trừng trị”. Vương Nha úy nói: “Phàm người có chức làm việc thấy gì có lợi cho dân thì tâu xin cho dân, là việc tốt của vị Tể tướng chân chính. Sao bệ hạ lại cho là Tướng quốc ăn của đút mới tâu xin như vậy? Trong mấy năm bệ hạ đánh nhau với Sở, khi Trần Hy, Kinh Bô làm phản, Tướng quốc giữ Quan Trung, đủ sức quấy nhiễu Quan Tây bất cứ lúc nào muốn thì miền ấy đâu còn trong tay bệ hạ. Bây giờ Tướng quốc không nhân thời cơ để thủ lợi cho mình, thì nay ăn của đút của bọn lái buôn làm gì? Nhà Tần không nghe lời quần thần nên để mất thiên hạ, Lý Tư đâu có hoàn hảo, pháp chế có đủ đâu! Bệ hạ đem bụng nghi ngờ Tể tướng là cạm nhĩ đó!”. Ngay hôm đó, sai sứ mang lệnh ân xá cho Tiêu Hà. Bây giờ Tiêu Hà đã già, cung kính vào cung tạ ơn vua. Vua nói: “Mời Tướng quốc ngồi, Tướng quốc vì dân mà xin vườn thú của ta, ta không cho, Chẳng qua ta như vua Kiệt, vua Trụ, còn tướng quốc là hiền tướng. Vì ta bắt giam Tướng quốc, khiến bách tính cho rằng ta có lỗi”.

TÀO THAM

Tào Tham, người huyện Bái, làm Thừa tướng nước Tề, Tào Tham nghe nói có vị gọi là Cái công ở Mục Tây, rất giỏi về đạo Hoàng Lão, nên sai sứ đem lễ vật trọng hậu đi thỉnh về. Sau khi hội kiến, Cái công giảng về đạo trị nước quý ở chỗ thanh tĩnh mà dân tự định. Tào Tham sau đó theo cách ấy của Cái công. Trong cai trị, Tào Tham chủ yếu dùng thuật của Hoàng Lão, nước Tề ổn định, người ta tôn vinh Tào Tham gọi ông là hiền tướng. Tiêu Hà qua đời, vua sai sứ triệu Tào Tham về triều, Tào Tham vâng mệnh, trong thuộc hạ có người khuyên: “Nên dùng các vụ việc đã xét xử ở nước Tề mà châm chước, cẩn thận thì không bị rối”, còn khuyên: “Việc cai trị nước Hán đâu có khác nước Tề?” Tào Tham nói: “Không như nước Tề được, phạm việc ngục thị, sở dĩ tính dong dã, nay vua nhiều chi, sao lại đi bao dung kẻ gian? Ta là người trước tiên”. Hồi xưa Tào Tham thân tình với Tiêu Hà, nhưng khi Tiêu Hà làm Tề tướng thì hai người trở nên hiềm khích. Khi Tiêu Hà mất thì người tài chỉ là Tào Tham, Tào Tham thay Tiêu Hà làm Tướng quốc, cứ theo phương cách của Tiêu Hà không thay đổi. Chọn người làm quận thú toàn những người lớn tuổi, gia tư khá giả, có tiếng nói ở địa phương, lời lẽ từ tốn rành mạch, cho làm thư ký của Thừa tướng, công văn của họ sâu sắc, dục vụ thanh danh, triếp tổ khức chi. Tào Tham vậy cuộc rượu chè, hết ngày đến đêm. Từ quan khanh Đại phu xuống đến các viên lại chức nhỏ, đều thấy Tào Tham chẳng làm việc của một Thừa tướng, ai đến cũng đều muốn khuyên răn. Chưa nói thì Tào Tham đã mời uống rượu ngon với mình, độ chừng khách sắp mở miệng thì bị ép uống rượu tiếp, uống say rồi về chẳng nói được câu nào. Bên cạnh hậu viên có nhà của một viên lại, ngày ngày uống rượu ca hát ồn ào. Quan hầu của Tào Tham lấy thế làm phiền lòng, mà không biết làm sao, một hôm mời Tào Tham đi dạo vườn sau, để Tào Tham nghe tiếng ồn ào bên kia, may cho người ấy là Tào Tham cho gọi qua ảo đừng làm

ồn ào, được quan Tướng quốc đem rượu ra đổi âm, la lối ồn ào. Tào Tham thường giấu chuyện sai trái nhỏ của mọi người khuyên tự sửa. Con trai Tào Tham tên Tào Quật làm Trung đại phu. Vua Hán Huệ đế lấy làm lạ về chuyện quan Tướng quốc không chịu làm việc vua mới tự bảo “Sao không nhờ đến người con?” bèn gọi Tào Quật đến bảo: “Ông về thừa khi tiện hỏi cha ông ‘vua Cao đế cùng với quần thần vất vả suốt năm, cha ông làm Tướng quốc, ngày ngày uống rượu, không nghe chuyện chính sự, lo âu thiên hạ về chuyện gì mà không báo cho vua biết?’”. Tào Quật tẩm gội rồi về nhà thăm cha ngỏ lời can gián Tào Tham, Tào Tham nổi giận nói: “Chuyện thiên hạ không phải nói ra là xong”. Đến khi họp triều thần, vua Hán Huệ đế hỏi Tào Tham, Tào Tham gỡ mũ cúi đầu thưa: “Bệ hạ tự xét thánh vũ của mình có sánh được với Cao hoàng đế hay không?” Vua nói: “Trẫm nào dám sánh với tiên đế!” Tào Tham nói: “Bệ hạ xét Tham này có sánh được với Tiêu Hà hay không?”. Vua nói: “Ông không bằng Tiêu Hà”. Tào Tham nói: “Bệ hạ nhận xét rất đúng. Thời Cao hoàng đế cùng Tiêu Hà giành được thiên hạ, pháp lệnh đã cụ thể rõ ràng, bệ hạ chấp tay kế thừa, còn Tham này được phong chức tước, cứ theo họ mà làm chẳng là tốt hay sao?”. Huệ đế nói: “Đúng lắm, ông nên như vậy”. Nhân dân có bài ca rằng: “Tiêu Hà làm luật, là hay bậc nhất, Tào Tham kế nghiệp, giữ nguyên luật ấy. tháng năm yên ổn, nhân dân vui thật”.

TRƯƠNG LƯƠNG

Trương Lương, tự Tử Phòng, người nước Hàn. Bái công (Hán vương) đem 2 vạn quân tiến đánh Tần Nghiêu quan. Trương Lương tâu: “Quân Tần còn mạnh, chưa nên coi thường, Thần nghe rằng hai vị tướng Tần là Đồ Giả Tử và Giả Thụ, nghịch nhau vì lợi, xin Bái công ra lệnh cho Li Thực kỳ lo lót hai tướng trọng hậu, ly gián họ với nhà Tần”. Tướng nhà Tần quả

muốn liên minh để cùng đánh về phía tây. Trương Lương tâu: “Tướng Tần quả muốn làm phản, sĩ tốt sợ không dám theo, không gì bằng đánh họ”. Bái công bèn dẫn quân đánh quân Tần, đại phá chúng. Tiến đến kinh đô Hàm Dương. Vương tử nhà Tần là Anh đầu hàng. Bái công tiến vào cung thất vua nhà Tần, thấy phòng ốc nhà cửa trang hoàng long lẫy, nhiều chó ngựa, đặc biệt có cả ngàn cung nữ xinh đẹp, ý muốn ở hẳn lại đây. Phàn Khoái bèn can ngăn nhưng Bái công không nghe. Trương Lương nói: “Nhà Tần vô đạo, nên Bái công mới đến được đây, vì thiên hạ mà ra tay trừ tàn khử tặc, thì nên giữ tiếng cho tốt. Ngày nay vừa vào được kinh đô nước Tần, mà đòi nghỉ ngơi hưởng lạc, đó gọi là giúp vua Kiệt làm chuyện tàn bạo. Những lời nói trung thực dù có lợi mà khó nghe, cũng như thuốc đắng rất khó uống mà chữa được bệnh, xin Bái công nên nghe lời khuyên của Phàn Khoái”. Bái công bèn cho rút quân chuyển về Bá Thượng.

TRẦN BÌNH

Trần Bình, người Hộ Dũ. vì hời ở nước Ngụy không biết Hán vương nên đầu quân cho Sở. Bỏ quân Sở về Hán được Hán vương phong chức Đô úy khúc hộ quân. Bọn Giáng Quán gièm pha Trần Bình, tâu vua Hán: “Nghe đồn khi còn ở nhà Trần Bình tư thông với chị dâu, rồi đầu quân cho nước Ngụy, vua Ngụy không dùng, mới chạy qua đầu nước Sở, Sở không coi trọng mới bỏ Sở theo Hán. Nay đại vương phong quan chức cầm quân, thần nghe Trần Bình không được lòng chư tướng. Tướng nào lo lót nhiều vàng thì được ở nơi tốt, ai ít vàng thì ở nơi xấu. Trần Bình phản phúc loạn thần, xin bệ hạ xem xét kỹ”.

Hán vương nghe thế đem lòng nghi Trần Bình, hỏi Vô Tri: “Có như vậy không?” Vô Tri nói: “Có”. Hán vương nói: “Ông nói Trần Bình là người tài đức, nghĩa là sao?”. Đáp: “Thần nói về khả năng của Trần Bình, còn bệ hạ hỏi về hạnh kiểm. Vĩ sinh

cho biết đức hạnh không cò ích cho chuyện thắng bại trong chinh chiến, bệ hạ chọn loại người nào? Ngày nay Sở, Hán đánh nhau, nên thần tiến cử người có mưu trí đánh giặc giỏi cho bệ hạ”. Hán vương triều Trần Bình hỏi: “Ta nghi tiên sinh đã từng phụng sự nước Ngụy không vừa ý, phụng sự Sở rồi bỏ Sở, bây giờ theo về với ta, liệu ta có tin được không?” Trần Bình đáp: “Thần phục vụ Ngụy vương, Ngụy vương không thể hiểu lý thuyết của thần, nên thần đến với Hạng vương, Hạng vương không tin ai ngoài những người trong tộc Hạng của mình, tuy có người giỏi vẫn không được dùng. Thần ở Sở, nghe Hán vương biết dùng người, nên theo đại vương. Thần đến với đại vương, không vì vàng, không vì của cải, chỉ mong kế sách của mình được dùng tới mà thôi, còn nếu kế sách không dùng được, đại vương thưởng vàng phong quan cũng không dám nhận”. Hán vương tạ ơn, thưởng hậu, phong làm Hộ quân Trung úy, bảo hộ trước các tướng, các tướng không dám nghị luận gì.

CHU BỘT

Chu Bột, người huyện Bái, là người rất đôn hậu. Vua Cao tổ giao Chu Bột đảm trách nhiều việc đại sự. vua Hán Huệ đế phong cho Chu Bột chức Thái úy. Cao hậu qua đời, Triệu vương Lữ Lặc làm chức Thượng tướng quân, Lữ vương Lữ Sảng làm chức Tướng quốc, nắm hết mọi quyền hành, họ Lưu sắp nguy. Chu Bột bàn kế cùng Thừa tướng Trần Bình, Chu Hư hầu việc tru diệt các quan họ Lữ, rồi nghênh đón dòng đích họ Lưu lập làm vua, đó là Hiếu Văn hoàng đế. Vừa lên ngôi, vua Hán Hiếu Văn liền phong Chu Bột làm Hữu Thừa tướng, về sau miễn chức Thừa tướng. Sau đó có người gửi thư tố cáo Chu Bột muốn làm phản, vua giao cho Đình úy xét xử, Đình úy cho bắt Chu Bột. Chu Bột hoảng sợ, nhưng không biết tự biện hộ, bị bọn quan ngục làm nhục. Chu Bột dùng ngàn vàng lo lót bọn ngục lại, thì chúng mới bày cho cách nhờ

công chúa làm chứng. Công chúa là con gái vua Hán Văn đế, được quan coi ngục hướng dẫn cách làm chứng. Bạc Thái hậu cũng cho là chẳng có chuyện làm phản. Khi vua Hán Văn đế lâm triều, Thái hậu nói: “Giáng hầu giữ ấn ngọc tử của vua, làm tướng coi bắt quân, mà không làm phản, nay coi một huyện nhỏ, lại làm phản là sao?” Vua Hán Văn đế liền tạ tội nói: “Sẽ cho thả ra ngay”. Sau đó sai người cầm sắc chỉ tha Chu Bật đi ngay đến ngục, cho phục tước ấp. Chu Bật ra khỏi tù, nói: “Ta từng làm tướng chỉ huy cả vạn quân, nay mới biết làm ngục lại cao quý thật!”.

Con trai thứ của Chu Bật, được vua Hán Văn đế phong tước Điều hầu. Sáu năm sau, quân Hung Nô đánh phá biên giới. Để ngăn chặn quân giặc, vua dùng quan Tông chính là Lưu Lễ làm tướng quân, coi quân Bái Thượng. Chúc Tư hầu Từ Lệ làm tướng quân, coi quân Cức Môn, dùng con trai thứ của Chu Bật làm tướng quân, coi quân Tế Liễu. Vua đích thân đi động viên tướng sĩ, đến hai quân Bái Thượng và Cức Môn, khi vua đến các tướng đều xuống ngựa đón tiếp, nhưng đến quân Tế Liễu, thấy quân sĩ mặc giáp trụ, lăm lăm binh khí sáng loè, hàng hàng bia bắn tập. tất cả trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Nhà vua cử tùy tùng đến trước, lính canh không cho vào. Người đi đầu nói: “Vua đến”. quân giữ cổng đều nói: “Lệnh của chủ soái là quân chỉ làm theo lệnh của tướng chỉ huy, không vâng theo chiếu của vua”. lát sau vua đến, cũng không được vào. Sau đó nhà vua sai sứ mang chiếu vua đến gửi tướng chỉ huy, thư viết: “Ta muốn thăm quân sĩ”.

Người con trai thứ của Chu Bật bèn truyền lệnh mở cổng. Tướng giữ cổng dẫn quân kỵ ra đón đoàn của vua thưa: “Tướng chỉ huy dặn quân đội không được chậm trễ”. Rồi hộ vệ đoàn nhà vua vô tới trung doanh. Tướng họ Chu vái vua nói: “Quân đội mạnh giáp trụ không lay chào được, mời quý vị vào thăm”. Nhà vua rất hài lòng, tươi cười bảo tùy tùng đáp lễ tạ ơn đón tiếp

rồi cả đoàn ra về. Khi ra khỏi cổng trại quân, quần thần mới hết sợ, vua Hán Văn đế nói: “Ôi! Đây mới thật là một tướng quân đúng nghĩa tướng quân! Quân Bái Thượng, quân Cúc Môn như đám trẻ con diễn kịch mà thôi. Tướng cầm quân phải siêng năng tập luyện dũa dần thô lỗ. Chu tướng quân chẳng đáng là hình mẫu hay sao?”. Khen mãi lâu về sau.

PHẦN KHOÁI

Phàn Khoái, người huyện Bái theo Cao tổ khởi nghĩa từ ngày đầu. Vua Cao tổ thường bệnh, không thích gặp ai, nằm tiệt trong cung cấm, hạ chiếu cho hầu cận không cho quần thần vào chỗ vua nghỉ ngơi, Các quan Giáng, Quán cũng không được vào. Suốt hơn mười ngày, Phán Khoái theo cửa nách vào chỗ vua, các quan đại thần đi theo. Nhà vua nằm chỉ có một người hầu. Bọn Phàn Khoái rơi nước mắt nói: “Ngày xưa bệ hạ cùng bọn thần khởi nghĩa ở đất Bái rồi bình định thiên hạ thật là oai hùng! Ngày nay thiên hạ đã định sao mà bệ hạ ủ rũ đến vậy! Nghe tin bệ hạ bị bệnh nặng, bọn chúng thần rất lo sợ, bệ hạ không bàn việc nước với chúng thần mà chỉ có một viên quan hoạn như thế này? Bệ hạ chẳng đã biết chuyện Triệu Cao hay sao? Cao đế cười rồi đứng lên”.

CHÂU XƯƠNG

Châu Xương, người huyện Bái, làm chức Ngự sử đại phu. Là người khảng khái, dám nói thẳng, Từ Tiêu Hà, Tào Tham trở xuống, ông xem như cấp dưới mình. Châu Xương thường quen vào gặp riêng vua tâu việc, thấy vua Cao đế đang ôm nàng Thích cơ, Châu Xương trở ra, Cao đế chạy theo kịp hỏi: “Ta giống vua nào?” Châu Xương nói: “Bệ hạ giống vua Kiệt, vua Trụ thời xưa”. Cao tổ cười càng thêm sợ Châu Xương. Khi Cao

tổ định phé Thái tử, tất nhiên các đại thần đều không đồng tình, nhưng vua không nghe, Châu Xương mạnh dạn tranh luận vua hỏi tại sao, Châu Xương có tật nói lắp, bị hỏi vặn thì nổi cơn giận nói: “Miệng thần nói không được suôn sẻ, nhưng bụng thần bảo rằng không nên. Bệ hạ muốn phé Thái tử, bụng thần không phụng chiếu đâu”. Vua vui vẻ mỉm cười, chuyện phé Thái tử không xảy ra.

THÂN ĐỒ GIA

Thân Đồ Gia, người nước Lương, đang làm chức Thừa tướng triều nhà Hán. Bảy giờ Thái Trung đại phu Đặng Thông nhờ được vua yêu mến mà được thưởng nhiều đến cự vạn. Vì thường tiệc tùng rượu chè với vua nên được sủng ái như vậy. Bảy giờ Thân Đồ Gia vào triều, quan sát thấy sinh hoạt trong cung thiếu nghiêm túc coi thường lễ tiết. Thân Đồ Gia tâu việc xong, nhân đó nói tiếp: “Bệ hạ yêu mến quần thần là điều tốt, nhưng chuyện nghi lễ triều đình không thể không nghiêm chỉnh”. Vua bảo: “Ông đừng lo, chuyện riêng của ta”. Bãi triều, vua vào phủ riêng cho đòi Đặng Thông. Đặng Thông hoảng hồn, vào cung yết kiến vua ngay. Vua nói: “Người có lỗi với Thừa tướng”. Đặng Thông đến phủ Thừa tướng, gỡ mũ, lột giày, cúi rạp mình tạ tội. Thân Đồ Gia trách mắng: “Phàm triều đình là triều đình do đức Cao đế dựng nên, ông làm chức quan nhỏ, mà dám hí lộng cung điện thật là đại bất kính, đáng tội chém đầu”. Đặng Thông dập đầu lạy đến nỗi trán chảy máu, vẫn không được tha. Nhà vua sai sứ học tốc đến phủ Thừa tướng triệu Đặng Thông. Đặng Thông nói: “Tiểu nhân lộng thần, xin được tha tội”. Đặng Thông đến chỗ vua, khóc nói: “Thừa tướng đòi giết thần”.

QUẢN THU' TRỊ YẾU

QUYỂN 16

*Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam, Ngụy Trưng dâng lệnhvua Đường Thái Tông
cùng biên soạn*

HÁN THU' (4)

TRUYỆN

LỊCH THỰC KỲ

Lịch Thực Kỳ, người quận Trần Lưu. Ông đọc nhiều sách, người cao lớn, thân cao tám thước, người đời cho là khổng, nhưng ông không cho mình khổng. Khi Bái công Lưu Bang đến Cao Dương truyền xá, cho người tìm Thực Kỳ. Thực Kỳ vào yết kiến, đang khi Bái công đang trên giường có hai cô gái rửa chân. Thực Kỳ vái mà không lạy, nói: “Túc hạ muốn trợ giúp nhà Tần đánh chư hầu chăng? hay muốn thống lĩnh chư hầu phá Tần vậy?” Bái công mắng: “Tên Nho tồi! Thiên hạ chịu khổ vì nhà Tần lâu nay, chư hầu mới hợp nhau đánh Tần chứ sao bảo là trợ Tần?” Thực Kỳ thưa: “Muốn hợp nhau vì nghĩa đánh dẹp nhà Tần tàn bạo thì không nên học thói trưởng giả”. Bái công cho ngừng rửa chân, mặc áo mời Lịch Thực Kỳ ngồi lên nói lời tạ lỗi. Hán vương cố thủ ở Ngao Thương cử Thực Kỳ đi thuyết phục Tề vương. Thực Kỳ nói với Tề vương: “Vương biết thiên hạ ngày nay quy vào đâu không?”

Tề vương nói: “Không biết, Thiên hạ quy về đâu vậy? Thực Kỳ nói: “Quy về Hán”. Tề vương nói: “Vì sao tiên sinh nói vậy?” Thực Kỳ nói: “Hán vương với Hạng vương hẹn nhau ai vào Hàm Dương trước thì người ấy làm vua, nhưng Hạng vương đã bội ước không giữ lời, lại còn trở mặt giết Nghĩa đế. Hán vương khởi binh Thục Hán, xuất quan đánh Tam Tần, và trách người phụ bạc với Nghĩa đế. Hán vương thu quân khắp thiên hạ, sau lập các chư hầu, thành nào qui hàng tức dùng làm tướng, thu được gì thì chia cho các tướng sĩ, cùng mọi người hưởng lợi, những tay hào kiệt hiền tài, đều được vui vẻ tin dùng. Quân đội của các chư hầu, khắp bốn phương thấy đều tìm đến. Lúa gạo Thục Hán, vận tải bằng thuyền theo sông Trường giang xuôi xuống. Hạng vương bị mang tiếng bội ước, mang tiếng phụ bạc Nghĩa đế, không ghi công của người ta, mà không bao giờ quên lỗi của người ta, chiến thắng không được thưởng, hạ được thành địch mà không được phong, chỉ những người trong họ Hạng mới được tin dùng. Chiếm thành thu được của cải chiến lợi phẩm, tích tụ riêng mình mà không đem ra khen thưởng. Vì thế thiên hạ đều phản lại họ Hạng, những bậc hiền tài thì oán ghét, nên càng không được Hạng vương tin dùng. Vì thế giới sĩ phu trong thiên hạ đều theo về Hán vương mà có thể điềm nhiên an kẻ sách. Phàm Hán vương đánh Thục Hán, định Tam Tần, tiến qua sông tiếp viện binh Thượng Đảng, xuống Tinh Hình, phá Bắc Ngụy, quân binh Hoàng đế, chẳng phải sức người, mà đó là phúc của Trời cho. Ngày nay Hán vương đã chiếm cứ được vừa lúa Ngao Thương, thủ hiểm nơi Thành Cao, giữ bến cảng Bạch Mã, cho lấp cái nguy của sông Thái Hàng, dàn quân chốt giữ cửa khẩu Phi Hồ, thì thiên hạ được khôi phục những gì đã bị mất trước kia. Nhà vua nên vội về với Hán vương thì xã tắc nước Tề được bảo hộ, còn nếu không theo về Hán vương thì sự nguy vong của nước Tề có thể đoán được”. Vua Tề là Điền Quang nghe Thực Kỳ phân giải, chẳng bao lâu sau cho ngưng việc chuẩn bị chiến tranh với

Hán vương.

LỤC GIẢ

Lục Giả, người nước Sở, có tài biện thuyết, thường ở gần vua, nói chuyện thường dẫn Kinh Thi, Kinh Thư, bị vua Cao Đế mắng: “Ngồi trên lưng ngựa chiến đấu mới dựng được cơ nghiệp, chứ có Thi, Thư nào đâu?” Lục Giả nói: “Ngồi lưng ngựa giành được thiên hạ, chứ ngồi lưng ngựa có trị nước được không? Dùng cả võ lẫn văn thì mới là thuật trị nước trường cửu. Ngày xưa vua nước Ngô là Phù Sai, Tể tướng Trí Bá, rất vũ dũng mà để mất nước; Nhà Tần tin vào hình pháp không đổi, sớm bỏ việc hành nhân nghĩa, pháp tiên thánh của họ Triệu, giúp Tần lấy được hết thiên hạ, bệ hạ có muốn như Tần không?”. Vua Cao Đế không hài lòng, mặt có sắc thẹn, bảo Lục Giả rằng: “Giả sử ta làm như nhà Tần để mất thiên hạ, sở dĩ ta được như thế này là chuyện thành bại của đất nước”. Lục Giả viết 12 thiên sách, cứ mỗi lần vào triều, đọc một thiên, vua Cao Đế chưa từng không khen ngợi, còn xưng gọi đây là “Tân thư” (sách mới). Thời Lữ Thái hậu, họ Lữ được phong vương, các quan họ Lữ chuyên quyền, muốn phế bỏ vua trẻ, họ Lưu lâm nguy. Quan Hữu Thừa tướng Trần Bình đâm lo. Lục Giả nói: “Khi thiên hạ yên ổn thì chú ý Thừa tướng, khi thiên hạ nguy thì chú ý tướng quân, Thừa tướng với tướng quân hòa thuận thì quân trướng được nhờ. Quân tướng được nhờ thì tuy thiên hạ có biến loạn nhưng quyền lực không bị chia, mà quyền lực không bị chia thì xã tắc vẫn ổn, vì hai vị cầm đầu nắm giữ mà hòa thuận mà thôi”. Thừa tướng Trần Bình nghe theo, kết mưu với quan Thái úy Chu Bột, nhanh chóng tiêu diệt cánh họ Lữ, củng cố ổn định họ Lưu, lập vua Hán Văn đế nhờ mưu kế của Lục Giả.

LÂU KÍNH

Lâu Kính, người nước Tề. Nhà Hán lập triều đại được 5 năm, rợ Nhung từ Lũng Tây đánh tới Lạc Dương, vua Hán Cao Đế đang ở đấy. Lâu Kính ngồi xe đến gặp người nước Tề là Ngưu tướng quân nói: “Thần xin ra mắt vua, xin ngài tâu vua giúp cho. Ngưu tướng quân vào gặp vua, vua đồng ý cho triệu kiến Lâu Kính, hỏi. Lâu Kính thưa: “Kinh đô của bệ hạ là Lạc Dương, há lại muốn so sự hưng thịnh với kinh đô nhà Chu ư?” Vua nói: “Đúng. Lâu Kính tâu: “Bệ hạ được thiên hạ khác với nhà Chu. Thủy tổ nhà Chu là ông Hậu Tắc, tích đức lâu dài hơn mười đời cho đến khi Vũ vương phạt Trụ. Chẳng hạn mà 800 chư hầu hội trên Mạnh Tân, diệt được nhà Ân. Vua Chu Thành vương lên ngôi, được ông Chu công làm Tể tướng, bèn tính toán thiết lập kinh đô nhà Chu tại Lạc Dương. Lạc Dương là trung tâm thiên hạ, để tiện cho các chư hầu tứ phương nộp cống được công bằng vậy. Người có đức thì làm vua, còn kẻ vô đạo thì dễ bị tiêu vong. Phàm nhà vua ngồi ở vị trí đó, là muốn nhà Chu cai trị dân bằng đức, không muốn dân bị khó khăn, khiến cho con cháu đời sau nhà Chu không kiêu xa bạo ngược nhân dân. Đến thời suy vong thì nhà Chu chia làm hai, thiên hạ không chịu triều cống, nhà Chu mất khả năng chế ngự. Không phải đức kém mà do thế lực yếu vậy. Ngày nay bệ hạ dấy lên từ đất Bái, quy tụ ba ngàn người, đánh chiếm được Thục Hán, bình định Tam Tần, đánh nhau với quân Hạng Tịch, trải qua bảy chục trận lớn, bốn chục trận nhỏ, khiến gan óc của nhân dân bồi đầy mặt đất, hài cốt cha con đầy đồng, không thể tính đếm; tiếng khóc la ngất trời, không dứt, thương tích chiến tranh chưa hồi phục, mà muốn so với thời Thành Khang, thần trộm nghĩ cho rằng không thể bằng được. Hơn nữa, đời Tần đất có núi sông bao bọc, bốn phía đầy đặc kiên cố, bất chợt có biến, thì trăm vạn dân cũng được chuẩn bị đầy đủ hết. Vì lý do đó, Tần đầu tư những địa phương màu mỡ rất tốt, đó gọi là Phủ.

Bệ hạ nhập quan đề đóng đô, tuy Sơn Đông đang loạn lạc, nhưng đất cũ của nhà Tần khá an toàn có thể lập đô được. Phàm đấu với quân địch mà không phá được phòng tuyến phòng thủ của họ, không vỗ an dân họ thì chưa gọi là toàn thắng được. Ngày nay bệ hạ đã nhập quan dựng kinh đô, đè bẹp quân Tần, phá tan mọi đề kháng trong thiên hạ, vỗ an nhân dân, làm tắt những chống đối”. Nghe đến đó, Cao đế lập tức cho di chuyển ngay đến trung tâm tòa thành. Sau đó ban họ Lưu cho Lâu Kính, phong chức Lang trung, hiệu là Phụng Xuân quân. Năm thứ bảy, Hàn vương Tín phản, vua Cao tổ đích thân đem quân đi đánh dẹp, đến Tấn Dương nghe tin Tín với Hung Nô tính đánh quân Hán, nhà vua cử sứ đi Hung Nô, Hung Nô giấu tráng sĩ với ngựa tốt của mình, chỉ cho sứ thấy ngựa yếu, lính già. Sứ trở về báo là Hung Nô dễ đánh, Nhà vua cử Lâu Kính đi kiểm tra, Lâu Kính trở về báo: “Hai nước đánh nhau, mỗi bên thường phô trương sở trường của mình, nay thần đến nước họ thấy lính thì già yếu, chắc đó là sở đoản của họ, mai phục quân mạnh (kỳ binh) để tranh lợi thế, theo ngu ý thì không nên đánh Hung Nô”. Bấy giờ quân Hán hơn 30 vạn người, chính quy chuyên nghiệp, Vua Cao tổ giận mắg: “Thằng Tề (chỉ Lâu Kính người nước Tề) ngu!, Dùng lưỡi được làm quan, nay lại làm nhụt khí quân ta”. Rồi cho nhốt Lâu Kính vào Quảng Vũ, kéo quân đi đánh Hung Nô, đến Bình Thành quả bị Hung Nô đưa kỳ binh ra đánh vây vua Hán Cao tổ bảy ngày ở Bạch Đăng, mới giải được vòng vây. Vua Cao tổ đến Quảng Vũ tha cho Lâu Kính. Nói: “Ta không nghe theo lời ông nên bị vây khốn ở Bình Thành”. Bèn cấp cho Lâu Kính 2 ngàn hộ, ban hiệu là Kiến Tín hầu.

THÚC TÔN THÔNG

Thúc Tôn Thông, người ấp Tiết, làm chức Thái bảo thái truyền. Vua Cao đế muốn đưa Triệu vương Như Ý làm Thái tử.

Thúc Tôn Thông bèn can, tâu: “Xưa, vua Tấn Hiến công yêu nàng Lệ Cơ nên phé Thái tử, lập Hề Tề con của Lệ Cơ làm Thái tử, khiến cho nước Tấn rối loạn mấy chục năm, làm trò cười cho thiên hạ. Nước Tần lập Phù Tô làm Thái tử chưa được bao lâu thì phé để lập Hồ Hợi, nên bị mất giống luôn, hai tấm gương xấu mà bệ hạ đích thân chứng kiến. Ngày nay Thái tử là người nhân hiếu, thiên hạ đều đã nghe tiếng; Vả lại, Lữ hậu là người cùng bệ hạ đã từng nếm qua cuộc sống gian khổ cùng bệ hạ, nữ nào quay lưng được! Bệ hạ muốn phé con đích lập con nhỏ, thần nguyện xin chết trước, để lấy máu rải đất”. Vua Cao đế nói: “Ông an tâm, ta chỉ nói đùa thôi mà!”. Thúc Tôn Thông nói: “Thái tử là cái gốc của thiên hạ, cái gốc lung lay thì thiên hạ chân động, sao bệ hạ dám đem thiên hạ ra làm trò đùa?” Vua Cao đế nói: “Ta nghe lời ông”.

KHOÁI THÔNG

Khoái Thông, người Phạm Dương. khi Hàn Tín bình định xong nước Tề, tự lập làm Tề vương, Khoái Thông biết Hàn Tín đang có quyền rất lớn trong thiên hạ, bèn đến thuyết phục Hàn Tín: “Ngày nay họ Lưu, họ Hạng phân tranh, khiến não máu của nhân dân phải bị rải đầy mặt đất, tan tác lưu lạc khổ sở nhiều không kể xiết, chỉ có bậc hiền thánh mới có thể chấm dứt được nỗi khổ cho thiên hạ. Ngày nay, hai vương Lưu, Hạng đều nằm trong tay túc hạ, túc hạ vì họ Lưu thì quân Hán thắng, túc hạ vì họ Hạng thì quân Sở thắng. Tình thế bây giờ, nếu muốn hai họ đều tồn tại thì túc hạ nên lập thế tam phân thiên hạ. túc hạ định định lập nước thứ ba, thì thế của túc hạ vững chắc, hai họ kia không dám đụng đến, Xin túc hạ suy nghĩ về đề nghị của鄙 nhân”. Hàn Tín nói: “Hán vương đãi ta rất hậu như tình tri ngộ, ta nào theo lợi mà bội ơn xưa cho được!” Rồi tạ ơn Khoái Thông. Khoái Thông thuyết phục không được thì rất khùng hoảng tinh thần, thành người điên

điên khùng khùng. Khi thiên hạ ổn định, rồi Hàn Tín bị phé làm Hoài Âm hầu, không cho cầm quân nữa, sau mưu phản rồi bị giết, Khi gần chết, Hàn Tín than: “Ân hận đã không nghe lời Khoái Thông”. Vua Cao đế cho triệu Khoái Thông, tính bỏ vạc dầu, vua hỏi: “Sao bày cho Hàn Tín làm phản?” Khoái Thông nói: “Chó cắn người vì bình chủ của nó. Hễ đó, thần chỉ biết một mình Tề vương Hàn Tín, không biết bệ hạ. Khi nhà Tần mất con hươu, cả thiên hạ chạy đuổi bắt, người nào có tài hơn thì được. Thiên hạ rùng rùng tranh lấy cái của bệ hạ, nhưng mà không đủ sức đẩy thôi. Bệ hạ có thể nào giết hết họ được!” Hán Cao đế nghe xong, hạ lệnh tha cho Khoái Thông. Đến thời Điều Huệ vương vua nước Tề, Tào Tham làm Tướng quốc, trọng vọng hiền nhân, mời Khoái Thông làm khách. Ban đầu, nơi xứ Tề, có vị gọi là Đông Quách tiên sinh Lương Thạch quân, vào núi Lương sơn ở ẩn, Khoái Thông đến gặp quan Tướng quốc nói: “Đàn bà có chồng qua đời, ba ngày sau thì tái giá, còn đàn bà khi chồng chết thì ở vậy không ra khỏi nhà, theo tước hạ thì người nào đúng?”. Tào Tham nói: “Người không tái giá”, Khoái Thông nói: “Cầu người tài đức cũng như vậy. Có vị Đông Quách tiên sinh Lương Thạch quân, thuộc dòng dõi kẻ sĩ người Tề, vào núi ẩn cư không tái giá, chưa từng có ý ra làm quan với triều đình nào cả, xin tước hạ cử người đến hậu lễ ông ta”. Tào Tướng quốc nói: “Xin vâng lời”. Rồi dùng lễ thượng tôn tìm đến Đông Quách tiên sinh.

GIẢ NGHỊ

Giả Nghị, người Lạc Dương, vào thời vua Hán Hiếu Văn làm chức Thái truyền cho Lương Hoài vương. Bấy giờ, nước Hung Nô đang lúc cường thịnh, xua quân xâm nhập quấy phá biên giới nước Hán. Thiên hạ vừa mới được ổn định, chính sách chế độ còn nhiều chỗ trống, các vua chư hầu tham lam chiếm nhiều đất hơn địa phận được phong, Hoài Nam vương, Tế Bắc

vương đều bị giết vì tội phản nghịch. Giả Nghị nhiều lần dâng sớ tâu bàn việc chính trị, mong muốn sửa sang kiến lập, đại khái đó là: “Thần trộm nghĩ duy việc đời, thì muốn khóc là một, đáng phải rơi lệ là hai..., đáng than dài là sáu, nếu nó trái với lý làm phương hại đến đạo thì khó mà thông suốt được. Lời thưa lên vua đều nói: ‘Thiên hạ đã được ổn định, đất nước an ninh’, riêng thần cho rằng chưa được như vậy đâu. Nói nước vừa an ninh vừa ổn định, là lời của kẻ ngu si hay kẻ đua nịnh đều nói sai sự thực. Giữ lửa không nên để gần kho chứa củi, vì lửa gần chất dễ cháy thì không thể an tâm được, tình thế ngày nay cũng gần như vậy! Sao bệ hạ không ban ra một lệnh về sách lược trị an! Phàm muốn làm cho được yên trị, thì đầu óc phải suy nghĩ tìm tòi, thân thể phải chịu khổ cực, mà nếu thiếu chuông trống tấu nhạc thì cũng không hiệu quả được. Nhạc ngày nay có tác dụng hướng các chư hầu theo quỹ đạo của mình, không động đến chiến tranh, nhân dân phò tá vâng phục vua mình. Nước Hung Nô phục tùng làm khách, các rợ ngoài biên đều hướng về triều đình, nhân dân thật thà, không còn chuyện ngục tụng, cả thiên hạ hòa thuận yên ổn, sống là minh đế, chết làm minh thần, vinh danh tốt đẹp, lâu dài đến vô cùng. Thiết lập cuộc thế ổn định bền vững, hình thành sự nghiệp thịnh trị lâu dài, thừa kế tổ miếu, phụng dưỡng hiếu đạo đối với lục thân. Để thiên hạ được hạnh phúc, để dưỡng dục đạo nhân nghĩa cho quần sinh. Lập cương kỷ trị nước, chỉ rõ chỗ khinh chỗ trọng, vạn đời người sau có thể dùng làm pháp trình, tuy các thế hệ nối dõi có kẻ ngu, có kẻ nhỏ tuổi, có kẻ bất tiểu nhưng, rõ ràng nhờ được hưởng sự nghiệp hôm nay mà được yên ổn vậy. Xin bệ hạ sáng suốt, những việc ấy không khó làm. Thần lạy trời lạy đất, tìm hiểu kinh nghiệm của người xưa, khảo sát tình thế ngày nay, đêm ngày suy gẫm cho thật chính, tuy vua Thuần vua Võ sống lại bày mưu kế cho bệ hạ, thì cũng không khác mấy. Đại phàm cai trị quốc gia, luôn có sự nghi ngờ thế lực giữa chư hầu với thiên tử, “hạ số bị kỳ

ương, thượng số sảng kỳ ưu”, trên dưới rất là không an toàn. Ngày nay, hoặc người em họ mưu đồ làm vua miền đông, hoặc con trai người anh họ mưu đồ tấn công ở miền tây thì sự bền vững của thiên tử tùy thuộc nơi đức trạch. Thiên hạ ít khi được an ổn lâu dài là vì sao? Nước thì lớn, mà vua thì nhỏ tuổi nhu nhược, mà nhà Hán ta bố trí các quan theo công việc. Mấy năm sau, các vua chư hầu đại để đều trở thành người đứng đầu, thành nhân vật có máu mặt, coi thường mệnh lệnh của thiên tử nhỏ tuổi, thác bệnh không đi châu, như thế thì đừng lấy làm lạ khi biết các xứ Hoài Nam, Tế Bắc gây chuyện gian tà?

Bây giờ thì đến vua Thuấn vua Võ muốn trị an cũng đành chịu. Ngày nay ra lệnh thuận tình cho cách này, mà đất nước được an toàn thì rất dễ, còn nếu không làm sớm, để đến khi trong bà con ruột thịt thành đối kháng thì như tự mình cắt cổ mình, có khác chi đời cuối của nhà Tần? Đại phạm người làm vua là người chủ chốt đương thời, vì được trời ban cho, trên thì lo việc chuyển nguy thành an, chuyển loạn thành trị. Giả sử thiên hạ như trước kia, Hoài Âm hầu còn làm vua nước Sở, Kinh Bồ còn làm vua Hoài Nam, Bành Việt còn làm vua nước Lương, Hàn Tín còn làm vua nước Hàn, Trương Ngao còn làm vua nước Triệu, Lư Oản còn làm vua nước Yên, Trần Hi vua nước tại Đại, hạ lệnh cho sáu bảy vị ấy đều không phải thương, bây giờ giả sử bệ hạ đang làm vua thì có thể tự an được không? Thần biết là bệ hạ không thể tự an được. Thiên hạ hỗn loạn. Cao hoàng đế cùng với các công thần đứng lên khởi binh, các vị ấy là những dòng nước nhỏ, không đủ tài nhìn xa trông rộng may được người có bản lĩnh tập hợp để làm nên việc lớn. Cao hoàng đế dùng cái oai vũ của bậc vua thánh sáng suốt lên ngôi thiên tử, cắt những miền đất béo bở cho các công thần, nhiều thì hơn trăm thành, nhỏ cũng được ba bốn mươi huyện, ơn đức thấm nhuần khắp nơi. Tuy nhiên trong khoảng thời gian mười năm sau, thì nổi lên nhiều kẻ phản

nghịch. Bệ hạ với các vị ấy không có mối liên hệ thân tình với nhau như xưa khi họ vừa được phong. Từ thời vua Cao tổ đến nay, chưa có một năm nào được yên. Vì thần biết bệ hạ không đủ khả năng. Thần nói ví dụ, giả như ra lệnh cho Điều Huệ vương làm vua nước Tề, Nguyên vương làm vua nước Sở, Trung Tử làm vua nước Triệu, U vương làm vua Hoài Dương, Cung vương làm vua nước Lương, Linh vương làm vua nước Yên, Lệ vương làm vua Hoài Nam, sáu bảy vị quý nhân đều không làm xong việc gì. Nếu bảy giờ, bệ hạ tức vị lên làm vua, thì liệu có trị yên được chăng? Vì thần biết bệ hạ không đủ khả năng. Nếu các vị vương ấy, tuy có danh vị là thần tử, đều có lòng tiếm đoạt, suy nghĩ rằng không có một đế chế nào mà thiên tử tự làm mà được, họ tự quyền ban chức tước tự ý tha cho người bị tội tử hình, thậm chí họ còn dám ăn mặc như vua, đến mức họ coi thường hiệu lệnh của thiên tử, thử hỏi có quá đáng hay không? Nếu họ có đi đến thì liệu có theo đúng luật không? Đụng đến một người họ hàng của họ thì họ xúm lại la làng, các bày tôi của bệ hạ, tuy có người mạnh mẽ như Phùng Kính, vừa mới mở miệng thì con dao chủ thủ đã kề ngực lại. Tuy bệ hạ là người hiền, ai cùng bệ hạ biết được như thế? Cho nên sơ nhật thì nguy, mà thân quá thành loạn là chuyện dĩ nhiên. Người khác họ phụ cho người mạnh mà hành động; nhà Hán may mà được thắng lợi, lại không lấy làm lạ về chuyện dĩ nhiên ấy. Những người cùng một họ hợp lại là tàn tích cũ hoạt động, tuy nó chỉ nhỏ nhiệm vậy, mà là biến động của tai họa, chưa biết sự thay đổi của nó, Minh đế xử lý mà còn không thể ổn, hậu thế biết làm thế nào? Gã mổ bò, một buổi sáng mổ 12 con bò mà mũi dao không sắc bén thì việc mổ, chặt, lọc, cắt, đều không làm được, đến những việc chia đùi vế thì phải cần đến búa hoặc rìu. Phàm nhân nghĩa thâm ân lười dao sắc bén, là pháp chế của những người có quyền có thế, búa rìu của vua chúa. Các ông vua chư hầu ngày nay đều là đùi vế của số đông, buông bỏ dùng đến búa rìu mà muốn cho trẻ con chơi dao bén,

thần rất lấy làm lo. Sao không dùng Hoài Nam Tế Bắc? Thế thì không được rồi, thần thiết nghĩ đến chuyện trước đây, ban đầu kẻ mạnh làm phản trước, Sở Hoài Âm vương quá mạnh, nên làm phản đầu tiên, Hàn vương Tín tưởng việc dựa vào nước Hồ, thì làm phản sau, Triệu Tư lại làm phản, Trần Hy bình lính tinh nhuệ lại làm phản, Bành Việt ở nước Lương lại làm phản; Kinh Bồ ở nước Hoài Nam, lại làm phản, Lư Oản quá yếu kém làm phản cuối cùng. Trường Sa có hai vạn năm ngàn hộ dân mà thôi, thế yếu mà rất là trung thực, là nơi tuy không độc đáo và kỳ dị, hình thể cũng như vậy. Lệnh cho Phiên, Li, Giáng, Hoài xưa kia, cứ có mười thành thì gọi là vua, ngày nay đã tàn vong hết rồi, khiến bọn Tín, Việt vì triệt chư hầu mà sống, tuy đến nay vẫn tồn tại vậy. Thế thì có thể biết được đại kế của thiên hạ. Muốn các ông vua chư hầu đều trung thành thì không nên ra lệnh như ra lệnh cho Trường Sa vương.

Muốn bày tôi không như thứ dưa ử chua làm rượu, thì không gì bằng khiến họ như bọn Phiên, Li; muốn cai trị thiên hạ được ổn định thì không gì bằng làm cho phần đông các chư hầu không mạnh lên được. Chư hầu yếu thì dễ điều khiển, nước chư hầu nhỏ thì không thể nảy sinh tà tâm. Cái thế của lệnh vua ban ra trong toàn quốc như thân thể sử dụng điều khiển cánh tay, như cánh tay điều khiển ngón tay, rầm rập tuân thủ không một chút chần chừ. Các ông vua chư hầu, không dám sinh dị tâm, tuy trong cai trị nên làm sao cho dân được ổn định, thì thiên hạ đều ngầm hiểu sự sáng suốt của bệ hạ. Cắt đất định chế, ra lệnh cho ngàn ấy nước như Tề, Triệu, Sở ... khiến cho con cháu của họ được thụ hưởng miền đất mà tổ tiên mình được phong là như vậy thôi, cho đến các nước Yên, Lương cũng đều như vậy. Sự phân phong cho các nước mà khi hình thành nước thì nhiều mà con cháu của các vua chư hầu thì còn nhỏ, hình thành nước chư hầu, không tính đến chuyện cho con cháu họ sau này quân lý. Thiên tử không có lợi gì trong việc ấy, mà chỉ mong đất nước thịnh trị thôi. Cho nên thiên

hạ đều ngằm hiểu tính ngay thẳng của bệ hạ. Một khi chế độ đất đai đã được quy định rõ ràng dứt khoát thì con cháu dòng tông thất không còn lo lắng nữa mà các cấp dưới cũng không có lòng phản nghịch. Trên không có ý tru phạt, cho nên thiên hạ đều ngằm hiểu đức nhân ái của bệ hạ. Pháp chế được lập nên mà không bị vi phạm, thì hành mệnh lệnh không có chuyện chống đối, khiến dân hướng về việc thiện, các quan đại thần đều đồng thuận, cho nên thiên hạ đều ngằm hiểu tình nghĩa của bệ hạ. Bây giờ là thời đại trị, thì đời sau ca tụng là Thánh, bệ hạ còn ngại ai mà lâu rồi không làm như vậy? Tình thế trong thiên hạ như con người vừa phát bệnh phù nề lá gan thì chân bị phù và yếu, ngón tay phù nề to như bắp chân, đi đứng khó khăn, nếu không trị ngay thì thành phù chướng, về sau dù thầy thuốc giỏi như Biển Thước cũng phải chịu mà thôi. Thật đáng buồn vì bệnh ấy lắm chứ. Tình thế thiên hạ khi ấy sẽ bị đảo lộn. Phàm là thiên tử, đứng đầu thiên hạ. các rợ man di là chân tay của thiên hạ; ngày nay Hung Nô coi thường nước ta, đem quân xâm lược miền biên giới, thật là bất kính! Khiến thiên hạ lo lắng, không biết làm sao, mà nhà vua bị bối rối trong việc giải quyết. Bị đảo lộn chân ở trên đầu ở dưới như thế, giải quyết không xong, còn có người vì quốc gia không? Đáng để người ta rơi lệ việc này. Ngày nay người dân nào mà đem con nhỏ đi bán thì cho mặc áo đẹp, mang giày tơ chăm chút cho xinh để bán làm nô tỳ trong các cung nội.

Là vì các bà hoàng hậu thời xưa đã quen, nên cúng miếu không có rượu chè yến tiệc, mà người dân thường thì được mặc y phục của tỳ thiếp. Áo của hoàng hậu dệt bằng lụa trắng, áo lót mỏng bằng thứ lụa cùng với thứ lụa dùng làm quạt, loại vải lụa thượng hảo hạng chỉ dùng may y phục của thiên tử ngày xưa, ngày nay thì giới thương gia lớn, dùng bao vách để đón tiếp khách quý. Người xưa những thứ dùng để phục vụ một mình vua và hoàng hậu, còn ngày nay những người dân tầm thường nhà cửa tuềnh toàng, mà ăn mặc như vua, bọn con hát hạ tiện

được ăn mặc như bà hoàng, mà thiên hạ chẳng cho là dị hóm. Phàm thói quen như vậy là đại bất kính, đến mức xóa nhòa đẳng cấp trong xã hội, là mạo phạm người trên người trước, có người còn nói: “Vô vi”, thật là hết biết. Ông Thương Ưởng để lại lễ nghĩa, mà bỏ công ơn, quên nhân đạo, chỉ một mực lo tiến thủ, nên tục nhà Tần ngày càng suy bại. Cho nên thời Tần nhà giàu, con khỏe mạnh thì đều cưới vợ, nhà nghèo, con khỏe mạnh thì đi ở rẫy, giúp nhà vợ cày bừa làm ruộng, phải chịu nhín nhục, bị mẹ vợ mắng nhiếc, phải làm những việc của phụ nữ như bế con mớm cơm, bị nhà vợ coi thường. Người ở rẫy hiền lành vì ăn nhờ ở đậu phải chịu lép chảng bằng loài cầm thú, không đáng mặt nam nhi, nhưng họ đồng một lòng phó cho thời thế, nên nói: “Đẹp 6 nước, gồm thâu cả thiên hạ”, đúng là công nghiệp nhà Tần đã được như ý, cuối cùng không biết nêu cao khí tiết, không làm dày nhân nghĩa cho con người. Con người thời Tần chèn ép người quan quả cô đơn, khinh người không thế lực, ưa áp dụng hình phạt để ra oai... thật là quá loạn, Cao tổ đã dùng các bậc đại tài đức đẩy lên, làm chấn động thiên hạ, trước là diệt được nhà Tần, lập nên nhà Hán vậy. tuy di phong dị tục còn chưa được cải tiến. Thời nay, cũ mới đan xen cạnh tranh nhau, mà vua thì chưa có chế độ, nên tình trạng bỏ lễ nghi, quên liêm sỉ ngày một nặng, con giết cha giết anh, kẻ trộm cướp đào tường khoét vách. Lấy đi đồ thờ hai vua Cao đế Huệ đế, ở kinh đô giữa ban ngày ban mặt quan lại ăn của đút. Gian dối giả bộ xuất ra mấy mươi vạn thạch thóc, chỉ hơn sáu bảy vạn tiền, bảo là thi hành việc của quận quốc, mà thực ra nói không không mà thôi, các vị đại thần đặc biệt dùng sổ ghi chép mà không báo cáo theo định kỳ, đến nỗi đánh mất, bại hoại cho đời, vì âm thầm nên không thấy kỳ lạ.

Phàm khi gặp phải phong tục khác lạ, khiến thiên hạ hồi tâm mà hướng đến đạo, thì quan lại không thể đảm đương được. Nhiệm vụ của các quan phải viện dẫn đến nhiều loại giấy tờ văn bản mà không nắm được đại thể, thì bề hạ lại không

thể tự lo, thần thiết nghĩ bề hạ không cam tâm. Phàm giữa vua với bầy tôi, là đẳng cấp trên dưới, có lẽ cha với con, có kỷ cương về lục thân (cha, mẹ, anh, em, vợ, con), chẳng phải trời bày, mà do con người thiết lập. Con người lập ra, không làm thì không tồn tại, không bồi đắp thì suy hoại. Ông Quản tử nói: “Lễ nghĩa liêm sỉ, là nói về bốn phương, bốn phương không giữ được thì nước bị diệt vong”. Giả sử nói ông Quản tử làm dân ngu còn được, nhưng nói Quản tử mà là người biết ít lễ lối trị dân, thì ai mà tin chứ? Nhà Tần tiêu diệt bốn phương mà không giữ được, vua tôi mất lòng nhau, bầy tôi nổi loạn, lục thân lừa nhau, thì kẻ gian tà nổi lên ùng ùng, nhân dân ly tán phản nhau, nên trong 13 năm, nhà Tần bị tiêu diệt. Ngày nay bốn phương chưa được củng cố, là miếng đất tốt cho kẻ gian nổi lên, nên lòng dân hoài nghi. Nếu ngày nay định ra pháp chế khiến vua tôi trên dưới rạch ròi, cha con lục thân đều đâu ra đó thì kẻ gian tà không thể có cơ hội. Cơ nghiệp như vậy nhất định an ổn đời đời. Đại phàm một khi chế độ pháp chế chưa ổn thì như cho thuyền vượt sóng to gió lớn mà không có mái chèo, thì khi ra giữa dòng gặp phong ba chắc chắn thuyền bị lật. Nhà Hạ trên mười đời vua, nhà Ân cũng trên hai mươi đời vua; nhà Chu hơn ba mươi đời vua, còn nhà Tần chỉ có hai đời vua là hết. Đời một người không thể kéo dài mãi theo thời gian, ba đời vua hữu đạo thì lâu dài, mà sao nhà Tần bạo ngược vô đạo thì ngắn vậy? Từ đó mới biết rằng các bậc vương giả thời xưa, khi Thái tử vừa ra đời thì tổ chức lễ, các quan đều tham gia, có cơ quan làm lễ đội mũ cho Thái tử, người ta ai cũng phải gỡ mũ khi đi qua cửa khuyết, gỡ mũ lại phải đi chậm chậm khi đi ngang đình miếu. Đó là đạo của một hiếu tử. Cho nên từ khi còn bé bỏng đã được giáo dục hành vi. Ngày xưa người ta dạy cho vua Thành vương, khi đưa bé còn nằm trong cái “địu”, ông Thiệu công [Thích] làm chức Thái bảo, ông Chu công [Đán] làm chức Thái truyền, ông Thái công [Vọng] làm chức Thái sư. Bảo, tức là bảo vệ thân thể,

Truyền, tức là truyền đức truyền nghĩa, Sư tức là dạy những điều hay lẽ phải. Đó là ba vị quan chức chuyên dạy Thái tử. họ cũng được gọi là Tam thiếu: Thiếu bảo, Thiếu truyền, Thiếu sư, là những vị rất thân cận Thái tử. Tam công, Tam thiếu, tập theo đạo, làm sáng rõ về hiếu, nhân, lễ, nghĩa, trực xuất kẻ gian tà, hết chuyện xấu ác. Từ đó tạo ra cái đầu mối quan lại cho thiên hạ, hiếu để có đạo thuật được truyền bá sâu rộng để làm vây cánh, làm nên hành vi cư xử xuất nhập của Thái tử.

Cho nên Thái tử từ nhỏ đã quen với việc đúng, nghe lời đúng, hành xử theo chính đạo, người bên cạnh Thái tử trước sau tả hữu đều là kẻ chính trực. Mà ở cạnh toàn những người chính trực thì không thể không là chính nhân, như người sinh ra lớn lên ở nước Sở thì không thể không nói tiếng Sở vậy. Đức Khổng Tử nói: “Khi nhỏ thành người chính là thiên tính, một cách tự nhiên thành tập quán”. Thái tử từ khi làm lễ đội mũ là thành người, khỏi cần đến cái nghiêm của quan ‘Bảo Truyền’ thì chắc đã thuộc sử, có thể làm chủ tiệc tùng, tiêu biểu cho việc thiện, có thể chê trách kẻ dưới, dám đánh trống can vua. Nhạc quan mù ngâm thơ, thợ thuyền đọc lời châm gián (khuyên răn), quan đại phu hiến kế, kẻ sĩ thu thập lời của dân. Tập luyện và trí lự càng cao, nên nghiền ngẫm mà không xấu hổ; chuyển hóa, thành tựu với tâm, như là trung đạo. Đến khi nhập học vào mùa xuân mùa thu, học với các vị quốc lão, thì chia sẻ miếng ăn, gần gũi, cho nên sáng suốt về đạo hiếu vậy; đi thì khoan hòa, bước thì đều đặn, chạy thì thông dong, cho nên biết điều tiết mức độ. Đối loài cầm thú thấy con sống, mà không nỡ ăn con chết, nghe tiếng chúng kêu hót mà không nỡ ăn thịt chúng, Thế cho nên xa bếp núc, thì vật mang ơn lâu dài, mà càng làm sáng đức nhân. Phàm người làm cho thời Tam Đại sở dĩ lâu dài là họ Thiệu, bằng việc trợ giúp cụ thể cho Thái tử, đến nhà Tàn thì không làm như vậy. Tục nhà Tàn không trọng thị thái độ từ nhượng, hạng trên thì bới móc kẻ

tội hạng dưới, vốn không biết quý trọng lễ nghĩa. Hạng trên thích dùng hình phạt. Khiến Triệu Cao truyền lại cho Hồ Hợi, dạy chuyện tù ngục, quen việc xử cắt mũi người ta biến thành ba họ người man mọi. Cho nên Hồ Hợi, sau ngày lên ngôi vua, hôm sau đã bắt người, tôi trung can ngăn thì bỏ ngoài tai, những kẻ sâu sắc thì cho là yêu ngôn, xem việc giết người như xem người ta cắt cỏ. Không thể tự nhiên mà Hồ Hợi có tính ác như thế? Mà là do việc dạy bảo thiếu đạo lý. Ngạn ngữ bình dân có câu: “Làm quan không quen, làm hoài thành thạo việc” Lại nói: “Xe trước đỗ, xe sau cẩn thận”. Phàm chuyện thời Tam đại sở dĩ trường cửu, có thể biết được là tại sao. Đại phàm động cơ của sự biến động của tồn vong trị loạn, chủ yếu là ở chỗ đó. Đại phàm số mệnh của thiên hạ bắt nguồn từ nơi Thái tử. Cái thiện của Thái tử ở chỗ giáo dục từ nhỏ, với việc tuyển chọn những người cận kề Thái tử. Khi tâm chưa bị cái xấu xâm nhập thì nên dạy dỗ, thì giáo hóa còn dễ dàng, triển khai yếu chỉ của đạo thuật trí thức, tức là sức của việc giáo hóa. Nếu để cho thói quen tích lũy trở lại thì ắt từ những người kẻ cận mà thôi. Vì thế thần nói tuyển người kẻ cận, là tuyển gấp từ sớm, vì giáo dục cho những người kẻ cận Thái tử thành những người đúng đắn thì Thái tử nhất định sẽ đúng đắn vậy. Thái tử chính thì thiên hạ được ổn định. Còn như nếu khen thưởng để khuyến khích làm việc thiện, lấy hình phạt để trừng trị việc xấu ác, các bậc tiên vương làm vậy trong cai trị, vững bền như vàng như đá, đáng tin như bốn mùa, các vị căn cứ vào đó, vô tư như trời như đất sao lại không dùng? Đức Khổng Tử nói: “Nghe kiện tụng ư, thì ta cũng như mọi người, ắt hẳn không ai thích kiện tụng” Việc bày mưu tính kế cho vua mình, không bằng trước xét rõ cái gì nên bỏ, lấy.

Cái gì nên giữ, cái gì nên bỏ (thủ xả) thì nhất thiết trong lòng ta quyết định, mà mầm mống của an nguy tương ứng mới thể hiện ra bên ngoài. An thì không một ngày được an, nguy thì không một ngày bị nguy, đều được tích tụ từ từ, không thể

không xem xét cẩn thận. Làm vua thì tích lũy ở thủ xả của vua. Vua lấy lễ nghĩa để cai trị thì tích tụ lễ nghĩa, vua dùng hình phạt để cai trị thì tích tụ hình phạt. Tích tụ hình phạt thì bị dân oán ghét quay lưng, còn tích tụ lễ nghĩa thì dân gần gũi thân tình. Cho nên ông vua nào cũng muốn dân mình đều là dân lương thiện, khuyến khích dân siêng làm việc thiện. Hoặc dạy dân bằng đức giáo, hoặc trừng trị bằng hình phạt. Dạy đức giáo cho dân thì đức giáo hòa hiệp không khí vui sống trong dân; còn cai trị bằng hình phạt thì không khí trong dân tiêu điều, buồn rầu lo âu, đó là hiệu ứng của họa phúc. Vua nhà Tần muốn tôn tông miếu để con cháu được yên ổn, giống như vua Thành Thang, Chu Vũ vương, nhưng Thành Thang, Vũ vương đức hạnh rất lớn, duy trì nghiệp nhà sáu bảy trăm năm, còn nhà Tần cai trị thiên hạ chỉ hơn mười năm thì đại bại. Đó là vì chuyện thâm định mà ra, Vua Thành Thang, Chu Vũ vương định ra chuyện thâm định để thủ xả, còn vua Tần thì không thâm định cho việc thủ xả. Đại phạm danh hiệu tước vọng (đại khí) của thiên hạ, người ngày nay xem việc tổ chức bố trí danh hiệu tước vị cho người ta, ai được chỗ yên thì ổn, ai gặp chỗ hiểm thì nguy. Cái tình của người ta đối với danh hiệu tước vị tùy thuộc vào việc bố trí ban phát của nhà vua. Vua Thành Thang, Chu Vũ vương hướng thiên hạ vào nhân nghĩa lễ nhạc, nên đức thấm nhuần hiệp tụ. cảm thú thảo mộc sinh trưởng rộng khắp, đạo đức còn lưu truyền đến cả chục đời con cháu. Đó là hội tụ cái tốt đẹp trong thiên hạ. Còn vua Tần cai trị bằng pháp lệnh và hình phạt, không có một chút đức thấm nhuần nào, nên bị đông đảo người đời oán hận, ghét như ghét kẻ thù, mối họa ập vào thân, con cháu bị giết sạch, cả thiên hạ ai ai cũng đều thấy cả. Đúng sai thời trước, là bài học lớn cho người ngày nay. Người ta nói rằng: “Đạo lý lắng nghe người nói, tất phải từ quan sát sự việc, như thế thì chẳng ai dám nói dối cả”. Ngày nay có người nói: “Lễ nghi không bằng pháp lệnh, giáo hóa không bằng hình phạt”. Nhà vua lẽ nào lại không xem kỹ những chuyện của nhà Ân nhà Chu nhà Tần?

Nhà vua ví như ngôi nhà, quần thần như các bậc cấp, nhân dân như là mặt đất. Các vị thánh vương thời cổ, lập ra xã hội có đẳng cấp, trong triều gồm các vị công khanh, các quan đại phu, các quan sĩ bên ngoài thì có các tước vị công, hầu, bá, tử, nam phân minh đẳng cấp, do nhà vua ban thưởng. Cho nên xã hội tôn kính cái trật tự ấy là lẽ đương nhiên. Tục ngữ có câu: “Muốn ném con chuột, lại sợ làm vỡ đồ đạc”. Còn ngại thì không ném vì sợ ném không trúng con chuột mà trúng đồ vật quý giá, huống đây lại là cận thần của nhà vua. Liêm sĩ lễ tiết, là dùng cho bậc quân tử, cho nên ban cho cái chết mà không nên làm nhục. Đó là tội cắt mũi, không áp dụng cho quan đại phu, vì quan đại phu không bao giờ xa nhà vua. Bầy tôi được vua sủng ái, tuy có phạm lỗi, tội hình, thì không bị hình phạt thân thể, vì tinh thần tôn quân vậy. Cho nên thể mạo của các quan đại thần, gắn với các tiết chế. Ngày nay từ các bậc vương hầu đến các quan Tam công cao quý đều được cải dung theo lệnh của thiên tử, ngày xưa thiên tử gọi họ là bá phụ, bá cửu, còn ngày nay không khác dân đen, phạm tội cũng đều bị xử tội cắt mũi, cắt tóc đem bêu rêu nơi chợ búa, chỗ đông người. lẽ nào như ngôi nhà không có bậc thềm? Việc hành hạ làm nhục, có đáng không? Liêm sĩ không được coi trọng, có các vị đại thần nắm quyền cao nào mà không có đàn em vô sĩ? Ngày nay nếu người có lỗi, nhà vua có thể hạ lệnh phế bỏ, có thể đuổi cổ, có thể ban tội chết, có thể tiêu diệt. Nếu như bắt trời, dẫn giải, giao cho quan tư khấu, buộc làm tôi tớ nhà quan. Tư khấu là một chức quan nhỏ tha hồ mắng chửi, đánh roi, còn có khi sĩ nhục bêu rêu cho mọi người chứng kiến. Dù là kẻ hạ tiện cũng không thể bị đốn nhục như thế! Cho nên chúa thượng đối xử với đại thần, như với khuyển mã (con chó, con ngựa), họ tự cho họ là khuyển mã cho vua; Như quan to đối xử với cấp dưới của họ. Thế cho nên người xưa cho rằng lẽ không tới dân đen, còn hình phạt không áp dụng cho quan đại phu; Cho nên, gắn cái tiết của các bậc sủng thần, họ dù bị tội nặng, nghe lệnh thì quỳ lạy

về hướng bắc (hướng vua), quỳ mà tự kiểm điểm. Nhà vua không khiến quan to phải chịu hình phạt, nói rằng: “Thầy đại phu thất lễ, ta giúp thầy có lễ vậy”. Người giữ liêm sĩ từ nhỏ thì lớn lên giữ tiết hạnh một cách nghiêm ngặt.

Nhà vua tỏ ra lễ nghĩa liêm sĩ khi gặp quần thần của mình, mà bấy tôi không dùng tiết hạnh để trả lễ cho vua thì không phải loại người. Thế cho nên, làm bầy tôi, không phải vì lợi mà đến, không phải vì có hại mà bỏ đi, mà chỉ vì nghĩa mà thôi. Nhà vua giáo hóa rằng, vì mình là thần tử của cha anh, phải trung thành với tông miếu với tổ tiên; vì mình là thần tử của pháp độ, phải trung thành với xã tắc; vì mình là thần tử phụ giúp vua mình, phải trung thành với vua mình; vì mình là lính giữ thành chống giặc, phải trung thành với thành quách, phong cương. Cho nên nói: “Bậc thánh nhân là người có thành vàng”, so sánh thành vàng với cái chết, (cái chết của bậc trung thần là chịu chết vì xã tắc), Vì ta mi chịu chết, nên ta mới được sống, vì ta mi chịu mất, nên ta mới được tồn tại, mi bị nguy hiểm vì nguy cơ của ta, ta mới được an ổn. Có nghĩa là làm mà không tính đến lợi, thủ tiết mà trọng nghĩa. Việc gắn với liêm sĩ như vậy, là làm lễ nghi trong chính trị, chúa thượng lại quên sao chứ! Không làm như vậy thì nước đã mất từ lâu rồi.

VIÊN ÁNG

Viên Áng, tên tự là Ti, người nước Sở. Thời vua Hán Hiếu Văn đế làm chức Trung lang tướng. Từ Bá Lăng, nhà vua muốn đi tuần phía Tây đông ngựa đi đến đoạn đường nguy hiểm, Viên Áng cầm cương ngựa xe vua, Vua hỏi: “Tướng quân có sợ không?” Viên Áng thưa: “Thần nghe rằng ngàn vàng không chở được nhà, trăm vàng không chở được cái cân, bậc thánh chúa không chở nguy nan, không cầu may. Ngày nay bệ hạ ngồi xe sáu ngựa, chạy như bay, đông ruồi bắt kẻ đèo dốc, giả như ngựa hoảng xe hư, bệ hạ có thể cho là nhẹ, nhưng người

trên, Thái hậu có cho là nhẹ chắng?” Vua làm thỉnh. Nhà vua đi thăm Thượng Lâm, có Hoàng hậu, Thận phu nhân đi cùng; trong cung cấm, họ thường ngồi chung với nhau. Đến khi tại dinh thự quan lang, Viên Áng không cho Thận phu nhân ngồi chung với vua, Thận phu nhân nổi giận, chẳng chịu ngồi. nhà vua cũng giận, đứng lên. Viên Áng nhân đó nói trước: “Thần nghe tôn ti có thứ tự thì trên thuận dưới hòa, Nay bệ hạ đã lập hoàng hậu, Thận phu nhân chỉ là thiếp, thiếp đâu được ngồi ngang hàng với chồng chứ! Vả lại, bệ hạ đã đến vui vậy là ban thưởng hậu hĩnh, cho nên bệ hạ vì Thận phu nhân không giữ thể thì sinh tai họa. Sao không thấy chuyện ‘Nhân thí’?” Nghe vậy, vua mới vui trở lại, người ta nói với Thận phu nhân, phu nhân thưởng cho Viên Áng 50 cân vàng ròng. Tuy Viên Áng cũng dùng lời trực gián, nhưng làm quan không được bao lâu thì bị điều đi ra vùng Lũng Tây xa xôi làm chức Đô úy. Ông thương anh em sĩ tốt của mình nên được nhiều người liều chết bảo vệ.

TRIỀU THÁC

Triều Thác, người Dĩnh Xuyên, có khả năng văn học làm chức Thái tử gia lệnh. Bấy giờ nước Hung Nô hùng mạnh, mấy lần vào cướp phá vùng biên giới, vua hạ lệnh cử tướng dẫn quân đi phòng ngự. Triều Thác dâng sớ tâu về việc quân rằng: “Thần nghe binh pháp viết về tướng cầm quân đánh thắng được giặc, cho thấy rằng để biên cảnh được bình yên, lập được công danh thì chọn ra vị tướng giỏi cầm quân là trọng yếu nhất. Thần còn nghe trong việc dụng binh, xáp chiến, dùng gươm giáo đánh nhau thì có ba vấn đề: Thứ nhất là chọn được địa hình, thứ hai là mai phục tập kích, thứ ba là vũ khí sắc bén. Binh pháp viết: “Dòng nước sâu 5 trượng, thì nước có thể dùng để quay bánh xe, đá lớn ngổn nơi rừng núi có thể dùng đắp bờ ngăn sông. Cây cỏ tại chỗ là cứ địa của bộ binh, một lính bộ binh có thể đương đầu với hai xa, kỵ; nơi núi đất đồi gò, nơi

bằng phẳng rộng lớn, là cứ địa tung hoành của xa, kỵ, mười lính bộ binh không đánh lại một xa, kỵ. Địa hình cao thấp chập chùng thì cung nỏ rất có tác dụng, một người chống được cả trăm quân địch; hai trận đánh gần nhau, nơi đất bằng cỏ ít, dễ tiến dễ lui, là đất dụng võ của trường kích mà có thể đấu với ba người dùng kiếm với khiên; cây cỏ trùng trùng, cành lá sum suê là đất dụng võ của mâu thuẫn, mà có thể đấu với hai người sử dụng trường kích. Đường đi quanh co, thuận lợi cho phục binh, nơi cỏ mọc từng bụi nguy hiểm thì kiếm, khiên rất lợi hại, mà có thể đấu với ba người sử dụng cung nỏ. Tướng thiếu ôn tập, lính ít rèn luyện, khó mà tinh được, không tập khi động khi tĩnh thì khi cần, trở tay không kịp, trước đánh sau đỡ, trong tiếng trống tiếng chiêng cùng bị mất. Đó là vì thiếu rèn luyện dù quân sĩ đông cả trăm cũng thua địch chỉ có mười lính. Lính không được trang bị đủ thì như tay không, áo giáp không đủ bền chắc thì cũng như ở trần; nỏ không bắn xa được thì như lính cầm dao, bắn ra chẳng trúng ai, như bắn chơi, không có mũi tên; có trúng cũng nhẹ hều không như cái bịt đầu mũi tên; làm tướng mà không thường xuyên xem xét rèn tập tướng binh là mầm họa vậy, năm người lính ấy đánh không lại một quân địch”.

Thế nên binh pháp có câu: “Khi khí giới bất lợi, thì cho lính cầm giáo chống địch, lính chống cũng không xong thì dùng tướng cự địch; vua không chọn được tướng thì coi như giao nước cho quân địch. Bốn vấn đề ấy là trọng yếu của quân đội”. Thần lại nghe: “Hình thì có hình nhỏ hình lớn khác nhau, thế thì có mạnh yếu khác nhau, chuân bị có chuân bị khó chuân bị dễ khác nhau”. Phàm thân nhỏ dùng cho việc mạnh, là hình của nước nhỏ; tập hợp các nước nhỏ để đánh nước lớn, là hiện tình của các nước địch; Dùng Man di đánh Man di là tình hình của Trung Quốc. Ngày nay Hung Nô địa hình kỹ nghệ phức tạp, khác với địa hình Trung Quốc. Trên dưới núi non sườn dốc, sông suối quanh co, ngựa Trung Quốc không quen, đường đi lồi lõm khúc khuỷu, vừa chạy vừa bắn cung, kỵ binh không quen;

mưa gió thất thường, đói khát không khôn, người Trung Quốc không quen. Những điều này Hung nô lại giỏi hơn. Nếu ở đất bằng phẳng để đi đối với khinh xa, đột kỵ thì quân Hung Nô dễ bị nhiều loạn; nỏ mạnh, kích dài, bắn tốt từ gần đến xa, thì loại cung của quân Hung Nô, không ăn thua gì, Giáp tốt dao bén, dài ngắn nhiều loại, trang bị cho đội quân tiên đạo thì Hung Nô không địch lại; kỵ binh đi trước dùng cung tên tấn công rất tuyệt, thì khiên bằng da của quân Hung Nô không hiệu quả gì. Khi xuống ngựa đánh bộ, kiếm kích đâm chém, thì chân cẳng quân Hung Nô yếu xù. Đó là sở trường của quân Trung Quốc vậy. Qua đó mà xem xét thì quân Hung Nô có 3 sở trường, còn quân Trung Quốc có 5 sở trường. Bệ hạ lại đem mười vạn quân, để tiêu diệt vài vạn quân Hung Nô, gọi là ‘chúng quả chi kế’, là kế lấy một đánh mười. Tuy nhiên, quân đội, hung khí chuyện đánh nhau là nguy cơ. Lấy lớn làm nhỏ, lấy mạnh làm yếu, trong thời gian quan sát xem xét mà thôi. Phàm người tranh nhau làm chết người ta, ngã mà không đứng lên được thì hối không kịp. Đạo đế vương, ban ra phải được vạn toàn. Ngày nay, đánh quân man di Hồ Nghĩa Cừ, đem mấy ngàn quân, ăn uống, kỹ năng đánh đâm, đáng ban cho giáp tốt áo ấm, cung mạnh, tên bén, thêm có quân kỵ tốt của các quận miền biên giới, hạ lệnh cho tướng giỏi chuyên tâm hiểu rõ tập tục người Hồ, các tướng chỉ huy phải khớp nhau trong chiến đấu. Tức là dùng nó để đương đầu với hiểm trở; Nơi mặt đất bằng phẳng, đường đi thông suốt, thì dùng khinh xa. Trong khi hai bên đối đầu, thì nên dùng hết sở trường, đó là thuật vạn toàn”. Vua Hán Văn đế khen ngợi về việc ấy, thư ban thưởng cho Triều Thác có đóng dấu quốc tử. Triều Thác lại nói: Việc phòng giữ biên cương phòng bị đất đai hiểm yếu, khuyên nông ra sức bồi gốc, đời này làm gấp hai việc, thần trộm nghe thời nhà Tần, tấn công nước Hồ Hạc ở phía bắc, đào sông Tái hà. Tấn công nước Dương Việt ở phía nam, lính thú lao nhọc nơi xa xôi. Khởi binh tấn công người Việt, không

phải đánh vùng biên để cứu dân khỏi chết, mà là tham lam mở rộng cương thổ, nên công chưa thành mà thiên hạ đại loạn.

Vả lại, khởi binh mà không nắm rõ tình thế, thì chắc tướng bị địch bắt, quân lính gian khổ đến chết. Xứ sở của rợ Hồ Hạc chứa đầy âm khí, tính năng lạnh; Còn miền đất của người Dương Việt, thì thiếu âm mà đa dương, tính năng nóng. Lính thú nhà Tần không hợp với hai loại thủy thổ ấy, nhiều người bệnh chết nơi biên cương, có người ngã quỵ chết chôn bên đường. Người dân nhà Tần đi đường thấy vậy càng oán trách nhà Tần, gọi những nấm mồ ấy là “lính thú bị dày”. Người ta nuôi lòng thù ghét phản bội nhà Tần. Phàm những người chiến đấu đến chết, không chịu đầu hàng quân rợ địch, nên chiến thắng tới đâu thì họ tổ chức phòng thủ kiên cố tới đó. Đánh chiếm thành ấp thì được của cải chiến lợi phẩm, làm giàu cho nhà mình, còn được thưởng tước lộc. Cho nên mới khiến lính đi đánh nhau, chịu đựng mũi tên, hòn đá, dấn mình vào những nơi nước lửa, xem cái chết như không. Nhà Tần cử binh đến những chỗ ấy, là đi vào chỗ tai hại chết nhiều, mà không được gì. Người chết rồi, không được ai nhớ đến nữa, cả thiên hạ đều biết rõ tai họa ấy. Trần Thắng đi chinh thú, đến nơi đầm nước lớn, thì đề xướng nổi dậy, được mọi người rùng rùng đi theo ủng hộ như nước chảy. Nhà Tần dùng oai để dẹp loạn nhưng không dẹp nổi. Người Hồ vì đói kém phải đi cướp cơm áo, chứ không có lòng cướp đất, thường xuyên cứ nhiễu loạn nơi biên cảnh, cũng như con chim con thú bay nhảy nơi đồng rộng, rồi dừng lại nơi nào có cỏ ngon nước ngọt, cỏ hết nước cạn thì bỏ đi. Qua đó cho thấy rằng, chuyển dịch qua lại, lúc đến lúc đi, lối sống du mục của rợ Hồ khác xa với lối sống định cư của người Trung Quốc. Ngày nay bảo các xứ rợ Hồ bỏ đời sống chăn nuôi du mục, bỏ săn bắn đến sống định cư tại miền biên tái của ta, hoặc là miền Yên đại, hoặc là miền Thượng Quận, Bắc địa, Lũng Tây để chờ có lính bổ sung cho lực lượng quân đội dự bị của ta sau này, thì ít đến. Bệ hạ không cứu thì dân

ta nơi vùng biên giới tuyệt vọng, nảy sinh tâm lý đầu hàng quân địch. Phát triển kém thì không đủ, phát triển nhiều thì các huyện xa mới kéo đến, người rợ Hồ lại bỏ đi. Quy tụ không xong, hao phí lại rất lớn; Nếu bãi bỏ thì rợ Hồ tái nhập, nhiều năm như thế, thì nước Trung Quốc nghèo khổ, dân sống không yên vậy. May mà Bệ hạ lo nghĩ về vùng biên giới, để lại tướng với quan lại cùng quân đội trấn giữ cai trị, rất là nhân hậu, nhưng lệnh của vua đến với quân đội trú đóng ở nơi xa xôi, một năm thì đổi, không biết năng lực của người Hồ. Không bằng cách tuyển mộ người tại chỗ, có sẵn nhà cửa ruộng đất, đều đã dự bị, tiện cho việc làm nên thành cao hào sâu, rồi trước làm nhà ở, sắm nông cụ làm ruộng, tuyển mộ tội nhân cho đến cư trú. Chưa đủ thì tuyển mộ trong giới nô tỳ chuộc tội đến hạng nô tỳ muốn được phong tước; chưa đủ nữa thì tuyển mộ trong nhân dân những người muốn thay đổi cuộc sống đều nên ban cho tước lộc khi họ trở về. Cấp phát y phục mùa đông mùa hè, làm kho lúa gạo, đến khi họ sản xuất đủ sức tự túc mới ngưng. Riêng những người độc thân thì quan huyện lo cho họ đủ cặp. Con người không thể không có đôi, có vợ có chồng mới mong ổn định lâu dài. Người dân miền biên tái, lợi lộc không nhiều, không thể ở lâu nơi có nhiều hiểm nguy, người Hồ thường xâm nhập quấy phá cướp bóc người và của mà trong làng thì cùng cứu trợ với nhau.

Đánh Hồ không sợ chết, không phải do đức Vua lớn mà muốn bảo toàn tài sản thân thích. Họ cùng các quân Nhung ở các quận phương Đông, nhưng không quen địa thế nên tâm sợ bọn Hồ, mà tốn công tốn sức rất nhiều vậy. Vào thời bệ hạ làm vua, di dân đến vùng biên ở đây, khiến cho những nơi xa xôi không có việc bắt lính đi thú khó khăn, dân cư miền biên tái, cha con bảo vệ cho nhau, không lo nạn cướp của giết người, rất có lợi cho hậu thế, người ta gọi là thánh minh, thời nhà Tần làm cho dân oán ghét đã quá xa rồi vậy”. Nhà vua nghe lời, mộ dân di cư đến miền biên tái. Triều Thác lại tâu: “Bệ hạ mộ

dân đi biên tái, khiến cho việc bắt lính đi thú ngày càng thưa, thật là nhân ái vậy. Những lớp người di dân đầu tiên nay đã an cư lạc nghiệp nơi biên tái, ít còn nhớ đến cố hương, khiến cho nhiều dân nghèo ứng mộ di dân đến đó. Thần nghe ngày xưa người ta di cư đến nơi xa xôi, đều phải tìm hiểu, người ta thấy nơi nào hòa điệu âm dương, sông suối nước ngọt, thổ nhưỡng hợp cho cây trồng vật nuôi, cây cỏ sum suê thì mới trụ lại lập làng xây thành, mở đường, lập bờ phân ruộng cho dân làm nông, cất nhà lập vườn cùng các cơ sở khác, cũng như sắm sửa nông cụ. Nhân dân nơi di cư có nơi ở, có việc làm đủ nuôi sống họ thì họ bớt nhớ cố hương, coi nhẹ chuyện trở về, mà tập trung xây dựng tân ấp. Rồi họ tổ chức y tế, thầy cúng để chữa bệnh, việc sinh việc chết, lập ra nghĩa địa cho người chết, tất cả những việc để nhân dân an cư lạc nghiệp nơi biên tái, yên lòng sinh sống lâu dài. Chọn trong làng mới các tay có tài đức, quen thuộc địa hình, rành dân tâm, rèn luyện quân sự cho dân, tập bắn cung, đứng lên ứng chiến đánh địch. Họ tự tổ chức thành đội ngũ, thì mới đối đầu hữu hiệu với giặc bên ngoài. Tập đi tập lại cho thuần thục, không để mất cảnh giác, già trẻ đều thường xuyên rèn tập chiến đấu. Nghe tiếng giặc tấn công vào ban đêm, thì đủ sức cứu ứng, thấy giặc đến ban ngày, thì đủ sức chống trả. Trong lòng sống vui, thì dám chiến đấu đến chết, lấy chuyện thường ngày ra khuyến khích, xử phạt kẻ run sợ, thì dù biết đi vào chỗ chết cũng không quay gót vậy”. Vua Hán Văn đế ban chiếu về việc tuyển cử kẻ sĩ hiền lương văn học. Triều Thác được tiên cử. Vua đích thân ban chiếu hạ lệnh rằng: “Ngày xưa vua Đại Võ cầu người tài đức, ban bố đến tận khắp các nơi xa xôi. Người ở gần hiến kế, người ở xa thì thông suốt càng thông thái, góp thiện càng chung sức đồng tâm, để phụ trợ nhà vua khi cần, vua Đại Võ rất trọng người tài đức. Thế cho nên, ban chiếu về việc tuyển hiền lương là việc đại thể của quốc gia, thông suốt nhân sự có trước có sau, đến những người có khả năng nói thẳng can ngay, sửa chỗ sai sót của trăm, để mãi mãi trăm không bị mất

đức, quan không bị bất bình, việc cai trị không bị trở ngại, nhân dân được an cư lạc nghiệp, những lầm lỗi của các nơi, đều được phơi bày, không còn bị che giấu khuất tất”. Triều Thác đối với chiếu sách nói: “Đối với nhân sự từ trước đến sau, theo ngu thần trộm nghĩ thời Tam vương ngày xưa, chúa tôi đều là những bậc tài đức, nên mưu kế cùng phụ trợ nhau mà thiên hạ được ổn định, không gì là không từ cái gốc nhân tình. Mà con người không ai là không muốn sống thọ, tam vương lo cho người dân sống thọ không để họ bị thương tổn, con người không ai là không muốn giàu, tam vương làm cho họ có nhiều của cải, không để bị nghèo khổ, con người không ai là không muốn an định, tam vương bảo vệ giúp dân để dân không bị nguy, con người không ai là không muốn an nhàn, tam vương tiết kiệm sức lực không để dân phải cực khổ. Tam vương đặt ra pháp lệnh, xem hợp với nhân tình thì sau đó mới cho thi hành, Việc huy động đông dân, gốc ở việc nắm cho chắc vấn đề nhân sự, rồi mới huy động. Biết người từ việc biết mình, biết ta rồi biết người (suy bụng ta ra bụng người cái mà nhân tình ghét, không cưỡng chế họ làm; cái mà nhân tình muốn, không cấm ngăn. Đó là dùng cái vui của thiên hạ để quy hướng họ vào đức hạnh, xem họ như cha mẹ, thì họ theo như nước theo dòng chảy; nhân dân hòa thân, quốc gia an ninh, không mất danh vị, truyền đến các đời sau.

Biết rõ tác dụng có trước có sau của nhân tình, chiếu sách viết “quan lại bất bình, chính trị không tuyên, nhân dân không yên”, ngu thần trộm nghĩ nên đem việc nhà Tần chứng minh. Thần nghe khi Tần Thủy hoàng tóm thâu thiên hạ, làm vua không theo kịp thời Tam vương, mà bấy tôi nhà Tần không xứng với việc phụ tá vua, tuy công lao không kém gì, là tại sao? Địa hình thuận tiện, của cải đủ dùng, dân quen chiến đấu. Nước Tần mới tóm thu được lục quốc. vua tôi của lục quốc thì đều kém cỏi, chẳng tập hợp được sức mạnh của nhân dân trong khi đó nước Tần rất giàu mạnh. Phàm khi nước loạn lạc thì nước

láng giềng giàu mạnh không khỏi nảy sinh mộng đế vương và thế là nước Tần tóm thâu 6 nước kia. Vua Tần lên ngôi thiên tử. Thời bấy giờ, công trạng của Tam vương, không thể tiến vậy. Đến đường suy mạt, tin nghe theo những lời dùa nịnh tai hại, đầu tư cung điện quá tốn kém, lòng tham không đáy, sức dân mỗi mạt, suy kiệt, tiêu xài vô độ, kho đụn trống rỗng, quần thần nhu nhược chỉ biết theo thời, dùa nịnh lấy lòng cấp trên để tồn tại, không kể tai họa, khi vui tùy ý khen thưởng, khi buồn thì tùy ý mắng mỏ trách phạt, pháp lệnh rối ren, hình phạt tàn bạo khốc liệt, coi thường mạng người, thiên hạ đau lòng, không chút an tâm sinh sống. Những tên quan lại gian tà, thừa dịp làm bậy, chủ yếu ra oai, bọn quan coi ngục thủ đoạn, tự ý sinh sát, trên dưới nhòa nhạt, bất cứ ai cũng có quyền lập chế pháp, thời vua Tần Thủy rồi loạn như thế đây, quan lại vi phạm trước, người nghèo hèn không còn giữ mình nữa. Đến những tết, các nhà quan lại, nhà hào phú bị xâm phạm. Khi đến đường cùng, thì các nhà đại thần tông thất cũng bị xâm phạm. Vì thế mà người thân kẻ sơ đều bị nguy, nội ngoại oán hận nhau, trốn chạy ly tán, con người sinh lòng lìa bỏ quê cha đất tổ ra đi. Người khởi xướng đầu tiên là Trần Thắng, thiên hạ lâm cảnh “tuyệt tự vong thế” rùng rùng theo về. Đó là cái họa của tình trạng xã hội mà trong đó quan lại bất bình, chính quyền không còn ai tin, dân không yên. Đối với nhà Tần, nhà vua đã tỏ ra tốt bụng, cho cháu làm chức Đại trung đại phu. Triều Thác lấy việc chư hầu lớn mạnh thì nguy cho nhà Hán nên tâu xin tước bớt đi. Về sau, hai chư hầu Ngô Sở làm phản, Viên Áng khui ra tố cáo là tại Triều Thác, vua cho đòi Viên Áng vào triều. Vua hỏi: “Kế chi đẹp loạn?”. Viên Áng tâu: “Ngô Sở dâng thư cho con cháu vua Cao tổ, đều được chia đất làm chư hầu, ngày nay bị tên tặc thần Triều Thác chủ trương đòi dẹp bỏ chư hầu, tước đoạt đất phong nên cùng nhau nổi lên chống triều đình, các nơi đều đòi giết chết Triều Thác, phục hồi chức vị cùng đất đai như cũ mới chịu thôi. Tốt nhất bây giờ là giết một người Triều Thác, ban chiếu

tha cho Ngô Sở thất quốc, phục hồi đất đai cho họ, thì sẽ chấm dứt binh đao ngay. Nhà vua im lặng hồi lâu, sau đó nói: “Thế thì ta đành hy sinh một người để yên thiên hạ vậy”. Hơn mười ngày sau, vua cử Trung úy đi triệu Triều Thác, rồi chở xe đi rêu rao nơi phố chợ. Triều Thác bị xử chém nơi chợ cửa đông. Triều Thác chết rồi, quan Hiệu úy là Quách công, đánh Ngô Sở trở về, dâng thư tâu về việc quân sự. Vua hỏi: “Nghe Triều Thác chết, Ngô Sở bãi binh chứ?” Quách công tâu: “Ngô làm phản mấy mươi năm, mượn có Triều Thác tước đất làm danh nghĩa, ý thực không phải do Triều Thác. Vì vậy việc giết Triều Thác, thần sợ rằng sĩ phu trong thiên hạ chẳng bao giờ dám mở miệng hiến kế nữa”. Vua nói: “Sao vậy?”. Quách công nói: “Triều Thác lo sợ chư hầu lớn mạnh không kiềm chế được, nên tâu xin tước bớt để tôn kinh sư, làm lợi cho vạn thế. Kế hoạch mới vừa bắt đầu, thì bị hủy bỏ, giết chết tác giả. Ở trong triều thì bịt miệng trung thần, bên ngoài thì chư hầu làm loạn, thần trộm nghĩ bệ hạ không giữ được lâu bền”. Vua Hán Cảnh đế thở dài nói: “Ông nói đúng quá, ta rất ân hận”.

(HẾT TẬP 7)